



ISO 9001:2015

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2022

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 09 năm 2022

CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	Ý NGHĨA
1	CTĐT	Chương trình đào tạo
2	CĐ	Cao đẳng
3	CVHT	Cổ vấn học tập
4	CNTĐ	Công nghệ Thủ Đức
5	CNKT	Công nghệ Kỹ thuật
6	CBQL	Cán bộ quản lý
7	CBGVNV	Cán bộ giáo viên nhân viên
8	DN	Doanh nghiệp
9	ĐHSPKT	Đại học Sư phạm kỹ thuật
10	HSSV	Học sinh - sinh viên
11	KHCN	Khoa học Công nghệ
12	GD & ĐT	Giáo dục và Đào tạo
13	GV	Giảng viên
14	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
15	LĐTBXH	Lao động thương binh xã hội
16	NCKH	Nghiên cứu khoa học
17	NV	Nhân viên
18	TCCN	Trung cấp Chuyên nghiệp
19	SV	Sinh viên
20	UBND	Ủy ban nhân dân
21	CĐLT	Cao đẳng liên thông
22	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
23	TSCĐ	Tài sản cố định
24	TCGDNN	Tổng cục giáo dục nghề nghiệp
25	KĐCL	Kiểm định chất lượng
26	CNTT	Công nghệ thông tin
27	ĐH – CĐ	Đại học- cao đẳng
28	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
28	UBND TP	Ủy ban nhân dân Thành Phố
29	KH I	Học kì I
30	KH II	Học kì II
31	P.QLĐT	Phòng quản lý đào tạo

MỤC LỤC

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC, KHOA CƠ KHÍ Ô TÔ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		5
1. THÔNG TIN CHUNG CỦA TRƯỜNG		5
1.1 Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường.....		5
1.2 Cơ cấu tổ chức.....		8
1.3 Đội ngũ giảng viên		11
1.4 Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường		11
1.5 Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính.....		14
1.5.1 Diện tích đất:		14
1.5.2 Diện tích hạng mục và công trình:		15
1.5.3 Tổng số đầu sách trong thư viện của trường:		18
1.5.4 Tổng số máy tính của trường:.....		18
1.5.5 Tổng kinh phí đào tạo trong 3 năm trở lại đây		18
1.5.6 Tổng thu học phí (hệ chính quy) trong 3 năm trở lại đây		19
2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA CƠ KHÍ Ô TÔ		20
2.1 Thông tin khái quát:		20
2.2 Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật:		20
2.3 Cơ cấu tổ chức:.....		28
2.4 Các nghề đào tạo:		28
3. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		29
3.1 Mục tiêu của chương trình đào tạo		29
3.2 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:		30
3.3 Phương thức đào tạo:.....		30
3.4 Tóm tắt nội dung chương trình.....		31
3.5 Kế hoạch, số lượng tuyển sinh:		36
3.6 Đội ngũ nhà giáo		37
3.7 Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo		37
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ..		39
1. TỔNG QUAN CHUNG.....		39
2. TỰ ĐÁNH GIÁ		40

2.1 Tổng hợp kết quả tự đánh giá.....	41
2.2 Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	46
2.2.1 Tiêu chí 1: Mục tiêu quản lý và tài chính.....	46
2.2.2 Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	51
2.2.3 Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	60
2.2.4 Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.....	67
2.2.5 Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.....	76
2.2.6 Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	84
2.2.7 Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng.....	92
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH	
ĐÀO TẠO	100
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	101
PHỤ LỤC	102

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC, KHOA CƠ KHÍ Ô TÔ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. THÔNG TIN CHUNG CỦA TRƯỜNG

- Tên trường: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC**
- Tên tiếng Anh: THU DUC COLLEGE OF TECHNOLOGY
- Cơ quan chủ quản: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
- Địa chỉ trường: Số 53, Đường Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 028 38966825 – 028 38970023
- Số Fax: 028 38962474
- Email: tdc@mail.tdc.edu.vn
- Website: www.tdc.edu.vn
- Năm thành lập trường:
 - + Năm thành lập đầu tiên: 1984
 - + Năm thành lập trường Cao đẳng: 24/09/2008
- Loại hình trường:

Loại hình trường: Công lập ☒ ; Tư thục ☐

1.1 Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường

- Tiền thân của trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức là Trung tâm Giáo dục Kỹ thuật Tổng hợp và Hướng nghiệp Thủ Đức, thành lập năm 1984. Đến năm 2002 được nâng cấp thành trường Trung học Kỹ thuật và nghiệp vụ Thủ Đức. Năm 2008, Bộ GD & ĐT đã có quyết định số 6426/QĐ-BGD-ĐT thành lập Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức. Trường trực thuộc UBND TP. Hồ Chí Minh, hoạt động theo điều lệ trường cao đẳng. UBND TP. Hồ Chí Minh ủy quyền cho Giám đốc Sở GD & ĐT TP. Hồ Chí Minh theo dõi, quản lý các hoạt động của nhà trường. Từ năm học 2017-2018, trường thực hiện tuyển sinh và đào tạo theo Luật GDNN.

- Trường hiện có 08 phòng chức năng, 11 khoa chuyên môn, 1 bộ môn và 3 trung tâm (www.tdc.edu.vn).

- Một số thành tích nổi bật:

+ Đảng bộ: Liên tục đạt danh hiệu “Trong sạch vững mạnh” và “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu” từ nhiều năm nay

+ Chính quyền: Nhận cờ thi đua của chính phủ, của Thành phố; nhận bằng khen của Thủ tướng chính phủ; Bằng khen của UBND TP. HCM về thành tích “Cơ sở đào tạo nghề tiêu biểu”.

+ GV của trường đã tham gia và đạt nhiều giải cao trong hội thi “Giáo viên dạy giỏi” toàn quốc và TP. HCM.

+ HSSV đạt nhiều thành tích xuất sắc, Tập thể đạt giải I, II toàn đoàn trong hội thi “Học sinh giỏi nghề” hàng năm.

+ Công đoàn trường nhiều năm liền đạt danh hiệu xuất sắc, nhận bằng khen của Tổng Liên đoàn; bằng khen của Liên đoàn lao động TP. HCM.

+ Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trường liên tục đạt danh hiệu “Lá cờ đầu trong công tác Đoàn/Hội và phong trào SV/thanh niên Thành phố”; nhận được nhiều bằng khen của TW Đoàn, TW Hội, UBND TP.HCM và các địa phương.

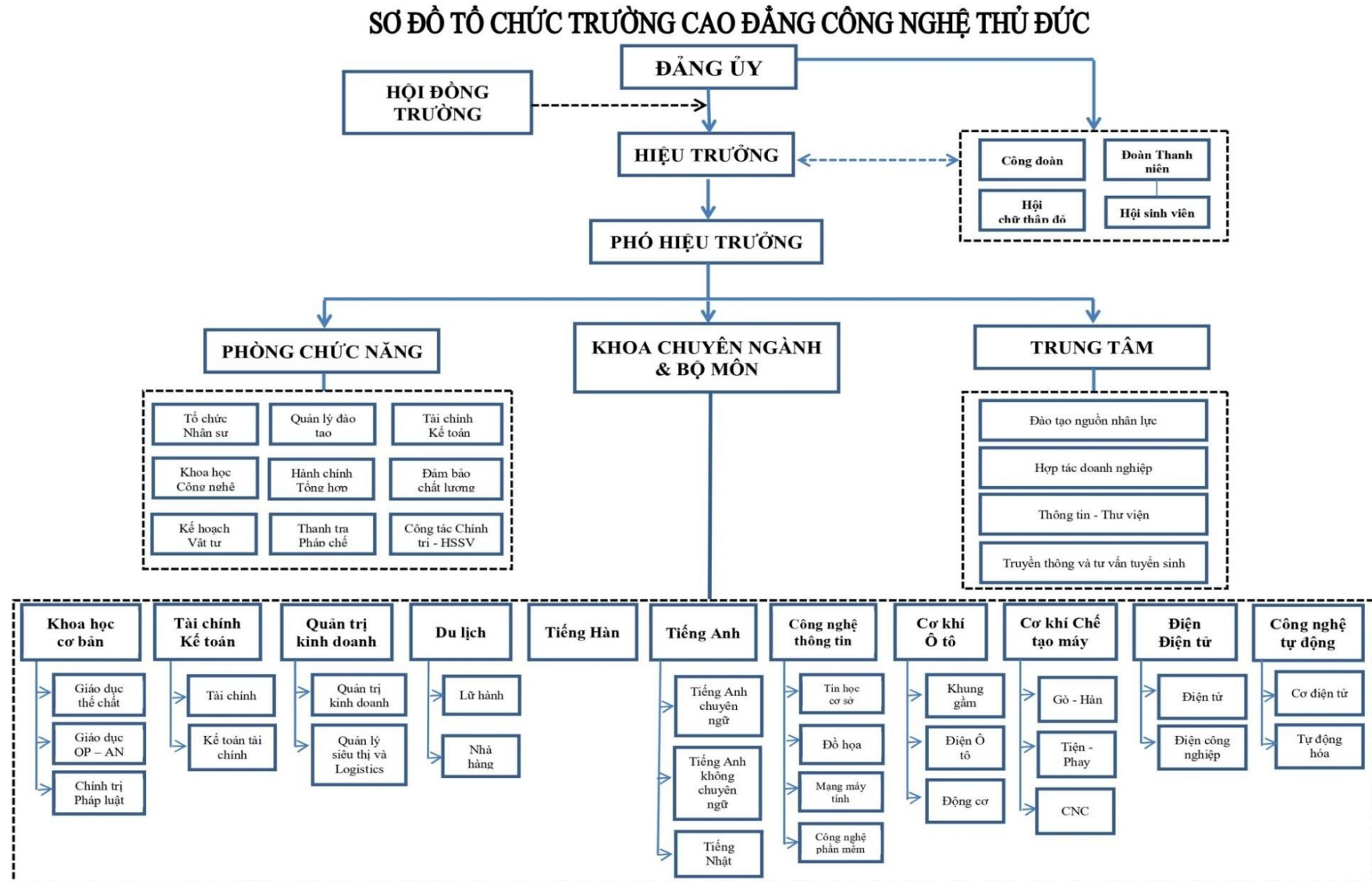
- Nhà trường có mối quan hệ tốt đẹp với các tổ chức, các trường ĐH – CĐ tại Hàn Quốc, đã triển khai nhiều chương trình tập huấn, đào tạo liên thông. Nhà trường cũng tham gia nhiều dự án quốc tế: Dự án SP (trường Singapore Polytechnic), đề án TAFE New South Wales (Úc), dự án APEFE (Bi)...

- Nhà trường đã đẩy mạnh hoạt động hợp tác doanh nghiệp, đưa HSSV và GV của trường tham gia “Học kỳ doanh nghiệp” vận động nhiều nguồn lực hỗ trợ HSSV về tham quan, thực tập, việc làm, học bổng... Đặc biệt, nhà trường đã thực hiện đào tạo theo yêu cầu cho nhiều doanh nghiệp.

Năm học	Danh hiệu thi đua	Thành tích	Quyết định
2020-2021	Tập thể Lao động Xuất sắc	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2020-2021, góp phần tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố	Quyết định số 3650/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của CT UBND Tp.HCM
2019-2020	Tập thể Lao động Xuất sắc	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2019-2020, góp phần tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố	Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của CT UBND Tp.HCM
2018-2019	Bằng khen UBND	Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước thành phố giai đoạn 2015-2020	Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 24/06/2020 của CT UBND Tp.HCM

Năm học	Danh hiệu thi đua	Thành tích	Quyết định
	Tập thể Lao động Xuất sắc	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2018-2019, góp phần tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố	Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 10/02/2020 của CT UBND Tp.HCM
	Huân Chương Lao Động Hạng Ba	Đã có thành tích xuất sắc trong công tác giáo dục và đào tạo từ năm học 2013-2014 đến năm học 2017-2018, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.	Quyết định số 77/QĐ-CTN ngày 14/01/2019 của Chủ tịch Nước
2017-2018	Tập thể Lao động Xuất sắc	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2017-2018, góp phần tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố	Quyết định số 3380/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của CT UBND Tp.HCM

1.2 Cơ cấu tổ chức



+ Tổng số CBGVNV trong trường:

Tổng số công chức, viên chức và lao động (cơ hữu): 309 người (tính đến ngày 30/08/2022). Trong đó:

- Ban giám hiệu: 04 người.
- Cán bộ quản lý Phòng, ban: 20 người.
- Cán bộ quản lý Khoa, Bộ môn : 42 người (trong đó có 20 người Trưởng bộ môn).
- Giảng viên: 145 người.
- Nhân viên: 98 người.

Danh sách cán bộ chủ chốt của trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
1. Ban giám Hiệu				
	Võ Long Triều	1976	Thạc sĩ	Hiệu trưởng
	Phạm Ngọc Tường	1968	Thạc sĩ	Phó hiệu trưởng
	Nguyễn Xuân Toán	1981	Thạc sĩ	Phó hiệu trưởng
	Phạm Quang Tuấn	1974	Thạc sĩ	Phó hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên				
Đảng Bộ	Nguyễn Xuân Toán	1981	Thạc sĩ	Bí thư
Chi bộ 1	Nguyễn Thị Tuyết Nga	1975	Cử nhân	Bí thư
Chi bộ 2	Nguyễn Thị Thanh Thúy	1979	Thạc sĩ	Bí thư
Chi bộ 3	Văn Thị Diễm Thi	1981	Thạc sĩ	Bí thư
Chi bộ 4	Đoàn Xuân Lập	1976	Thạc sĩ	Bí thư
Chi bộ 5	Tô Thanh My	1991	Thạc sĩ	Bí thư
Công Đoàn	Lưu Thị Thu Hương	1971	Thạc sĩ	Chủ tịch Công Đoàn
Đoàn Thanh niên	Tô Thanh My	1991	Thạc sĩ	Bí thư
3. Trưởng các phòng chức năng				
Quản lý Đào tạo	Võ Thành Trung	1977	Thạc sĩ	Trưởng phòng

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
Tổ chức Nhân sự	Nguyễn Thị Tuyết Nga	1975	Cử nhân	Trưởng phòng
Hành chính tổng hợp	Nguyễn Thùy Châu	1978	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Đảm bảo chất lượng	Nguyễn Văn Dân	1962	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Công tác CT-HSSV	Nguyễn Thị Diễm Ý	1969	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Thanh tra pháp chế	Huỳnh Thiên Vũ	1981	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Tài chính Kế toán	Cao Phước Kiên	1978	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Khoa học Công nghệ	Trần Hồng Văn	1980	Tiến sĩ	Trưởng phòng
Kế hoạch Vật tư	Cao Ngọc Hạnh	1963	Thạc sĩ	Trưởng phòng
4. Trưởng các khoa				
Khoa học cơ bản	Lưu Thị Thu Hương	1971	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Tài chính Kế toán	Võ Ngọc Bảo	1981	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Quản trị Kinh doanh	Nguyễn Minh Tuấn	1976	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Du lịch	Nguyễn Thái Đăng Khoa	1982	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Tiếng Hàn	Bùi Thị Uyên	1975	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Tiếng Anh	Lê Tấn Hùng	1972	Thạc sĩ	Phó Trưởng khoa
Công nghệ Thông tin	Lê Diên Tâm	1987	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Cơ khí Ô tô	Cù Huy Hoài	1977	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Cơ khí Chế tạo máy	Huỳnh Chí Hỷ	1977	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Điện – Điện tử	Tôn Ngọc Triều	1981	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Công nghệ tự động	Nguyễn Minh Chương	1977	Thạc sĩ	Trưởng khoa
5. Trưởng các đơn vị trực thuộc				
Trung tâm Đào tạo nguồn Nhân lực & Hợp tác doanh nghiệp	Dương Minh Tú	1979	Kỹ sư	Giám đốc
Trung tâm Truyền thông và Tư vấn tuyển sinh	Nguyễn Thị Thanh Thúy	1979	Thạc sĩ	Giám đốc

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
Trung tâm Thông tin - Thư viện	Văn Thi Diễm Thi	1981	Thạc sĩ	Giám đốc

1.3 Đội ngũ giảng viên

- Tổng số CBGVNV của trường

+ Nam: 164 người

+ Nữ: 145 người

- Đội ngũ Giảng viên

+ Cơ hữu: 206 người

+ Thỉnh giảng: 64 người

Giảng viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	03	02	05
Thạc sĩ	100	80	180
Đại học	13	8	21
Cao đẳng	0	0	0
Trung cấp	0	0	0
Trình độ khác	0	0	0

1.4 Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường

Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đã được cấp

Stt	Tên ngành	Mã ngành	2019		2020		2021		Quy mô đến tháng 08/2022
			Quy mô	Đầu vào	Quy mô	Đầu vào	Quy mô	Đầu vào	
I	TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG:								
1	Kế toán	6340301	985	218	788	241	812	229	701
2	Quản trị kinh doanh	6340404	1126	292	1.046	302	1.080	321	968
3	Tiếng Anh	6220206	1002	289	829	252	969	296	845
4	Truyền thông và mạng máy tính	6480104	335	104	351	99	384	108	362
5	Công nghệ thông tin	6480201	1.150	356	1.054	373	1.123	364	998
6	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	1.455	268	1.319	259	1.220	272	1029
7	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6510202	1.856	281	1.643	280	1.264	284	1181
8	Công nghệ kỹ thuật điện -điện tử	6510303	1.043	213	734	194	829	246	752
9	Công nghệ kỹ thuật điện tử -truyền thông	6510312	177	30	121	28	154	55	131
10	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	6510304	394	101	319	89	339	103	311
11	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	6510305	267	54	343	68	338	121	325
12	Thiết kế đồ họa	6210402	498	153	622	177	648	176	581
13	Quản trị dịch vụ du	6810101	431	103	404	127	432	120	399

Stt	Tên ngành	Mã ngành	2019		2020		2021		Quy mô đến tháng 08/2022
			Quy mô	Đầu vào	Quy mô	Đầu vào	Quy mô	Đầu vào	
	lịch và lễ hành								
14	Tiếng Hàn quốc	6220211	619	194	609	218	649	204	643
15	Tiếng Nhật	6220212	192	86	282	130	314	88	292
16	Kinh doanh thương mại	6340101	122	53	199	52	190	55	179
17	Logistic	6340113	177	86	313	103	304	87	281
18	Tài chính – Ngân hàng	6340202	115	73	156	66	222	102	215
19	Chế tạo thiết bị cơ khí	6520104	155	53	205	46	198	55	189
20	Điện công nghiệp	6520227	406	80	537	112	484	121	471
21	Điện tử công nghiệp	6520225	80	37	100	37	133	44	129
22	Quản trị khách sạn	6810201	171	82	271	60	243	82	243
23	Quản trị nhà hàng	6810206	183	66	269	59	235	72	228
24	Quản lý siêu thị	6340443	0	0	23	23	53	32	53
	Tổng cộng:		12.939	3.272	12.537	3.422	12.617	3.637	11506

- Số lượng học sinh, sinh viên (số liệu 3 năm trước khi kiểm định)

BẢNG KẾT QUẢ TUYỂN SINH

Trình độ cao đẳng

Năm	Chỉ tiêu được duyệt	Số lượng đầu vào	Tỷ lệ (%)
2019	260	281	108
2020	260	280	107
2021	260	284	109
8/2022	300	329	109

BẢNG TÍNH SỐ HỌC SINH SINH VIÊN QUY ĐỔI

Trình độ đào tạo	Năm			
	2019	2020	2021	2022
	(tính đến tháng 31/12/2019)	(tính đến tháng 31/12/2020)	(tính đến tháng 31/12/2021)	(tính đến tháng 30/08/2022)
1. Cao đẳng	784	707	675	696
3. Sơ cấp	0	0	0	0
4. Liên kết đào tạo	0	0	0	0
5. Loại hình khác	0	0	0	0
Tổng cộng	784	707	675	696

1.5 Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

1.5.1 Diện tích đất:

- Tổng diện tích đất: 51.598 m², trong đó:
 1. Khu A: 2.500 m²
 2. Khu B: 3.554 m²
 3. Khu C: 2.506 m²
 4. Khu H: 1.238 m²
 5. Khu KTX: 684 m²

- 6. Khu D (Tòa nhà 12 tầng): 2.022 m²
- 7. Đất cây xanh, sân vườn: 17.868 m²
- 8. Đất giao thông, sân bãi: 16.155 m²
- 9. Bãi xe: 2.500 m²
- 10. Diện tích vỉa hè, hành lang, mương thoát nước, đường điện ngầm: 2.571m²

1.5.2 Diện tích hạng mục và công trình:

STT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m ²)	Số lượng phòng	Ghi chú
1	Phòng làm việc	3797.2	73	
1.1	Khu A	1338.1	31	
	Loại phòng từ 12-30 m ²	161.5	8	
	Loại phòng từ 31-50 m ²	379.6	11	
	Loại phòng từ 51-70 m ²	574.6	9	
	Loại phòng từ 71-150 m ²	222.4	3	
1.2	Khu B	345	7	
	Loại phòng từ 12-30 m ²	51	2	
	Loại phòng từ 31-50 m ²	128	3	
	Loại phòng từ 51-70 m ²	60.4	1	
	Loại phòng từ 71-150 m ²	105.6	1	
1.3	Khu C	221.6	4	
	Loại phòng từ 12-30 m ²	26.4	1	
	Loại phòng từ 31-50 m ²	97.6	2	
	Loại phòng từ 71-150 m ²	97.6	1	
1.4	Khu H	132	6	
	Loại phòng từ 12-30 m ²	132	6	
1.5	Khu D	1760.5	25	

STT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m ²)	Số lượng phòng	Ghi chú
	Loại phòng từ 34-68 m2	512.5	11	
	Loại phòng từ 70-99 m2	1248	14	
2	Phòng học lý thuyết	6935	73	
2.1	Khu A	2074	25	
	Loại phòng từ 37-60 m2	294	6	
	Loại phòng từ 68-116 m2	1780	19	
2.2	Khu B	1379.1	11	
	Loại phòng từ 87-100 m2	562.7	6	
	Loại phòng từ 137-256 m2	816.4	5	
2.3	Khu C	878.4	8	
	Loại phòng 97,6 m2	585.6	6	
	Loại phòng 146,4 m2	292.8	2	
2.4	Khu H	798.7	5	
	Loại phòng 158,6 m2	627.2	4	
	Loại phòng 171,5 m2	171.5	1	
2.5	Khu D	1804.8	24	
	Loại phòng 75.2 m2	1804.8	24	
3	Xưởng thực tập và thực hành	8257.3	79	
3.1	Khu A	613.9	5	
	Loại phòng từ 30-100 m2	210.4	3	
	Loại phòng 136 m2-266 m2	403.5	2	
3.2	Khu B	2775.5	37	

STT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m ²)	Số lượng phòng	Ghi chú
	Loại phòng từ 20-50 m2	345.1	14	
	Loại phòng từ 71-100 m2	1323.6	15	
	Loại phòng từ 101-150 m2	1106.8	8	
3.3	Khu C	2541.4	17	
	Loại phòng từ 64 - 100 m2	761.6	9	
	Loại phòng từ 128 - 150 m2	423.2	3	
	Loại phòng từ 160 - 200 m2	359.2	2	
	Loại phòng từ 280 - 400 m2	997.4	3	
3.4	Khu D	2326.5	20	
	Loại phòng từ 113 - 136 m2	2326.5	20	
4	Phòng thực hành máy tính	2973.4	28	
4.1	Khu B	2512.8	24	
	Loại phòng từ 60-80 m2	268.4	4	
	Loại phòng từ 92-140 m2	2244.4	20	
4.2	Khu D	460.6	4	
	Loại phòng từ 112-122 m2	460.6	4	
5	Thư viện	2630	4	
6	Ký túc xá	2052		
7	Sân vận động	7050	8	
	Sân Tennis	638	1	
	Sân bóng rổ	1612	1	
	Sân bóng đá mini	4800	6	

STT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m ²)	Số lượng phòng	Ghi chú
8	Phòng y tế	35.3	1	
9	Căn tin	684	4	
	Căn tin CB-GV-NV	77.6	2	
	Căn tin sinh viên	607	2	
10	Nhà thi đấu đa năng	800	1	
11	Hội trường, phòng họp	1959.6	4	

1.5.3 Tổng số đầu sách trong thư viện của trường:

1.5.3.1 Đầu sách in (bản cứng)

Tính đến 30/08/2022 Trung tâm Thông tin Thư viện có 6.523 tên. trong đó số đầu sách, giáo trình thuộc ngành nghề đào tạo là: 5.388 tên

- Giáo trình nội bộ: 251 tên
- Kỷ yếu: 16 tên
- Báo - tạp chí: 16 tên
- Tiểu luận Cao đẳng: 585 tên
- Tiểu luận trung cấp: 401

Tài liệu đa phương tiện: 503 tên/1.504 bản

1.5.3.2 Đầu sách số hóa (Thư viện điện tử)

- Tổng đầu sách: 9.000 tên
- Trong đó đầu sách là giáo trình và sách, tài liệu chuyên ngành, nghề đào tạo là: 6.206 tên

1.5.4 Tổng số máy tính của trường:

- Dành cho văn phòng: 181 bộ
- Dành cho học sinh học tập: 1.479 bộ
- Tổng cộng: 1.660 bộ

1.5.5 Tổng kinh phí đào tạo trong 3 năm trở lại đây

- Năm 2019 : 82.253.732.556 đ
- Năm 2020 : 54.588.000.000 đ
- Năm 2021 : 53.575.000.000 đ
- Tháng 8/2022 : 62.701.000.000 đ

1.5.6 Tổng thu học phí (hệ chính quy) trong 3 năm trở lại đây

- Năm 2019 : 76.419.414.375đ
- Năm 2020 : 88.261.471.660đ
- Năm 2021 : 30.654.407.225đ
- Tháng 8/2022 : 40.043.480.621đ

2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA CƠ KHÍ Ô TÔ

2.1 Thông tin khái quát:

- Tên khoa: Khoa Cơ khí Ô tô
- Tên tiếng Anh: Faculty of Automotive Engineering
- Địa chỉ đơn vị: Số 53 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, Tp.Thủ Đức,Tp.HCM
- Số điện thoại: 028.66810145
- Email: khoacokhioto@tdc.edu.vn
- Website: www.khoacokhioto.tdc.edu.vn
- Facebook: www.facebook.com/khoacokhiototdc/
- Năm thành lập đơn vị: 15/07/2016

2.2 Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật:

* Lịch sử phát triển

Khoa Cơ khí Ô tô được thành lập theo quyết định số 395/QĐ-CNTĐ-NS ngày 15 tháng 07 năm 2016, của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức trên cơ sở tách ra từ Khoa Cơ khí có bề dày về đào tạo cử nhân Cao đẳng và Học sinh bậc trung cấp chuyên nghiệp cung cấp nguồn nhân lực cho thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh lân cận và cả nước. Khoa Cơ khí Ô tô quy tụ lực lượng giảng viên, nhân viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao 100% tốt nghiệp đại học, hơn 95% có trình độ thạc sĩ, nhiệt tình trong công tác giảng dạy, tất cả vì học sinh sinh viên.

Khoa Cơ khí Ô tô luôn nhận được sự quan tâm của Ban giám hiệu nhà trường trong việc tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên như cử giảng viên bồi dưỡng chuyên môn cũng như tiếp cận thực tế ở các doanh nghiệp trong dịp hè trên cơ sở đó giúp công tác đào tạo của nhà trường gần hơn với doanh nghiệp.

Với hệ thống nhà xưởng khang trang, trang thiết bị đồng bộ và hiện đại được nhà trường chú trọng đầu tư trọng điểm hằng năm. Các mô hình học tập sát với thực tế, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo.

Hàng năm, học sinh sinh viên của Khoa tham gia các phong trào, hoạt động do các đơn vị bạn tổ chức: Hội thi HSSV giỏi nghề Ô Tô, Giải đua xe sinh thái tiết kiệm nhiên liệu của Honda,... đều đạt được những giải thưởng cao trong các hội thi.

Khoa Cơ khí Ô tô có mối quan hệ với hơn 100 các cơ sở là garage, showroom, công ty, nhà xưởng đang hoạt động liên quan đến ngành nghề Cơ khí Ô Tô. Tính đến năm 2021, Khoa Cơ khí Ô tô đã vận động được hơn 20 doanh nghiệp đang hoạt động về lĩnh vực Ô Tô ký kết hợp tác với Nhà trường.

Sự quan hệ hợp tác và là đối tác của nhiều doanh nghiệp trong lĩnh vực ô tô trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận là cơ sở trong việc giúp sinh viên

học sinh thuận lợi trong công tác thực tập cũng như tìm kiếm cơ hội có việc làm ngay sau khi học sinh sinh viên tốt nghiệp ra trường.

*** Thành tích nổi bật của khoa:**

Năm học	Danh hiệu thi đua	Thành tích	Quyết định
2017-2018	Tổ công đoàn xuất sắc NH 2017-2018	Xếp loại thi đua tổ công đoàn năm học 2017–2018	Quyết định số 52/QĐ-CNTĐ-CD ngày 03/8/2018 của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức
2017-2018	Công trình thi đua tập thể NH 2017-2018	Đã có thành tích đạt loại Khá năm học 2017–2018	QĐ số 345/QĐ-CNTĐ-NS ngày 10/08/2018 của Hiệu trưởng trường CĐCNTĐ
2017-2018	Tập thể lao động xuất sắc NH 2017-2018	Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ NH 2017-2018	QĐ số 347/QĐ-CNTĐ-NS ngày 10/08/2018 về công nhận danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc NH 2017-2018 của Hiệu trưởng trường CĐCN Thủ Đức
2017-2018	Đạt giải nhất –Bóng đá nam trong hội thao chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11-2017	Giấy khen	QĐ số 564/QĐ-CNTĐ-NS ngày 13/11/2017 của Hiệu trưởng trường CĐCNTĐ
2017-2018	Tập thể khoa có đội tuyển HSSV đạt giải trong các cuộc thi tay nghề cấp thành phố năm 2018	Giấy khen	QĐ số 17/QĐ-CNTĐ-ĐTN ngày 10/05/2018 2017 của Hiệu trưởng trường CĐCNTĐ
2018-2019	Tập thể lao động	Đã có thành tích hoàn	QĐ số 290/QĐ-CNTĐ-NS

Năm học	Danh hiệu thi đua	Thành tích	Quyết định
	tiên tiến NH 2018-2019	thành tốt nhiệm vụ NH 2018-2019	ngày 24/6/2019 về công nhận danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc NH 2018-2019 của Hiệu trưởng trường CDCN Thủ Đức

*** Các thành tích nổi bật của giảng viên:**

Năm học	Danh hiệu thi đua	Thành tích	Quyết định	Họ và tên giảng viên
2017-2018	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Đã có thành tích tiêu biểu trong công tác, góp phần tích cực trong phong trào thi đua chung của thành phố	1684/QĐ-GDĐT-VP ngày 26/07/2018 Quyết định về công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở NH 2017-2018	1. Tiêu Hà Hồng Nhân
2017-2018	Nhà giáo trẻ tiêu biểu cấp trường	Đã có thành tích tiêu biểu trong công tác, góp phần tích cực trong phong trào thi đua chung của thành phố	QĐ số 49/QĐ-CNTĐ-ĐTN ngày 12/11/2018 về khen thưởng cá nhân đạt danh hiệu “Nhà giáo trẻ tiêu biểu” NH 2017-2018 của Hiệu trưởng trường CDCN Thủ Đức	1. Tiêu Hà Hồng Nhân
2017-2018	Nhà giáo trẻ tiêu biểu cấp thành phố	Đã có thành tích tiêu biểu trong công tác, góp phần tích cực trong phong trào thi đua chung	479/QĐKT-TĐTN-VP ngày 12/11/2018 Quyết định về công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở NH 2017-2018	1. Tiêu Hà Hồng Nhân

Năm học	Danh hiệu thi đua	Thành tích	Quyết định	Họ và tên giảng viên
		của thành phố		
2017-2018	GV hoàn thành tốt nhiệm vụ trong tổ chức ôn luyện đội tuyển tham gia các cuộc thi tay nghề cấp thành phố năm 2018	Giấy khen	QĐ số 22/QĐ-CNTĐ-ĐTN ngày 23/05/2018 về khen thưởng GV hoàn thành tốt nhiệm vụ trong tổ chức ôn luyện đội tuyển tham gia các cuộc thi tay nghề cấp thành phố năm 2018 của Hiệu trưởng trường CDCN Thủ Đức	1. Nguyễn Chí Hiếu 2. Nguyễn Hùng Việt
2018-2019	Nhà giáo trẻ tiêu biểu cấp trường	Đã có thành tích tiêu biểu trong công tác, góp phần tích cực trong phong trào thi đua chung của thành phố	QĐ số 103/QĐ-CNTĐ-ĐTN ngày 31/12/2019 về khen thưởng cá nhân đạt danh hiệu “Nhà giáo trẻ tiêu biểu” NH 2018-2019 của Hiệu trưởng trường CDCN Thủ Đức	1. Tiêu Hà Hồng Nhân
2018-2019	GV hoàn thành tốt nhiệm vụ trong tổ chức ôn luyện đội tuyển tham gia các cuộc thi tay nghề cấp thành phố năm 2018	Giấy khen	Thông báo số 49-TB/ĐTN ngày 24/05/2018 về khen thưởng GV hoàn thành tốt nhiệm vụ trong tổ chức ôn luyện đội tuyển tham gia các cuộc thi tay nghề cấp thành phố năm 2018 của Hiệu trưởng trường	3. Nguyễn Chí Hiếu 4. Nguyễn Hùng Việt

Năm học	Danh hiệu thi đua	Thành tích	Quyết định	Họ và tên giảng viên
			CĐCN Thủ Đức	
2019-2020	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Đã có thành tích tiêu biểu trong công tác, góp phần tích cực trong phong trào thi đua chung của thành phố	Quyết định số 1721/QĐ-GDĐT-VP ngày 21/8/2020 về công nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở NH 2019 - 2020	1. Tiêu Hà Hồng Nhân
2019-2020	Nhà giáo trẻ tiêu biểu cấp trường	Đã có thành tích tiêu biểu trong công tác, góp phần tích cực trong phong trào thi đua chung của thành phố	Thông báo số 42 TB/ĐTN ngày 20/11/2020 về khen thưởng cá nhân đạt danh hiệu “Nhà giáo trẻ tiêu biểu” NH 2019-2020 của Hiệu trưởng trường CĐCN Thủ Đức	1. Tiêu Hà Hồng Nhân
2019-2020	Nhà giáo trẻ tiêu biểu cấp thành phố	Đã có thành tích tiêu biểu trong công tác, góp phần tích cực trong phong trào thi đua chung của thành phố	Quyết định số 368/QĐKT-TĐTN-VP ngày 16/11/2020 Quyết định về công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở NH 2019-2020	1. Tiêu Hà Hồng Nhân
2019-2020	GV hoàn thành tốt nhiệm vụ trong tổ chức ôn luyện đội tuyển tham gia các cuộc thi tay nghề cấp thành	Giấy khen	Thông báo số 49-TB/ĐTN ngày 24/05/2018 về khen thưởng GV hoàn thành tốt nhiệm vụ trong tổ chức ôn luyện đội tuyển tham gia các	1. Tiêu Hà Hồng Nhân 2. Uông Hoàng Trí

Năm học	Danh hiệu thi đua	Thành tích	Quyết định	Họ và tên giảng viên
	phổ năm 2018		cuộc thi tay nghề cấp thành phố năm 2018 của Hiệu trưởng trường CDCN Thủ Đức	
2020-2021	GV hoàn thành tốt nhiệm vụ trong tổ chức ôn luyện đội tuyển tham gia các cuộc thi tay nghề cấp thành phố năm 2019	Giấy khen	Thông báo số 51-TB/ĐTN ngày 28/11/2020 về khen thưởng GV hoàn thành tốt nhiệm vụ trong tổ chức ôn luyện đội tuyển tham gia các cuộc thi tay nghề cấp thành phố năm 2019 của Hiệu trưởng trường CDCN Thủ Đức	1. Tiêu Hà Hồng Nhân 2. Uông Hoàng Trí
2020	Đã có thành tích xuất sắc trong kỳ thi tay nghề TP. HCM 2019- kỳ thi Kỹ năng nghề Quốc gia 2020 và Hội thi “HSSV giỏi nghề” 2020	Giấy khen	số: 37/QĐ-CNTĐ-ĐTN ngày 31/10/2020	Khoa cơ khí ô tô
2020	Đạt danh hiệu nhà giáo giáo dục nghề nghiệp dạy giỏi cấp thành phố	Giấy chứng nhận	QĐ số: 33956/QĐ-SLĐTBXH ngày 12/11/2020	Nguyễn Văn Hoàng Khánh

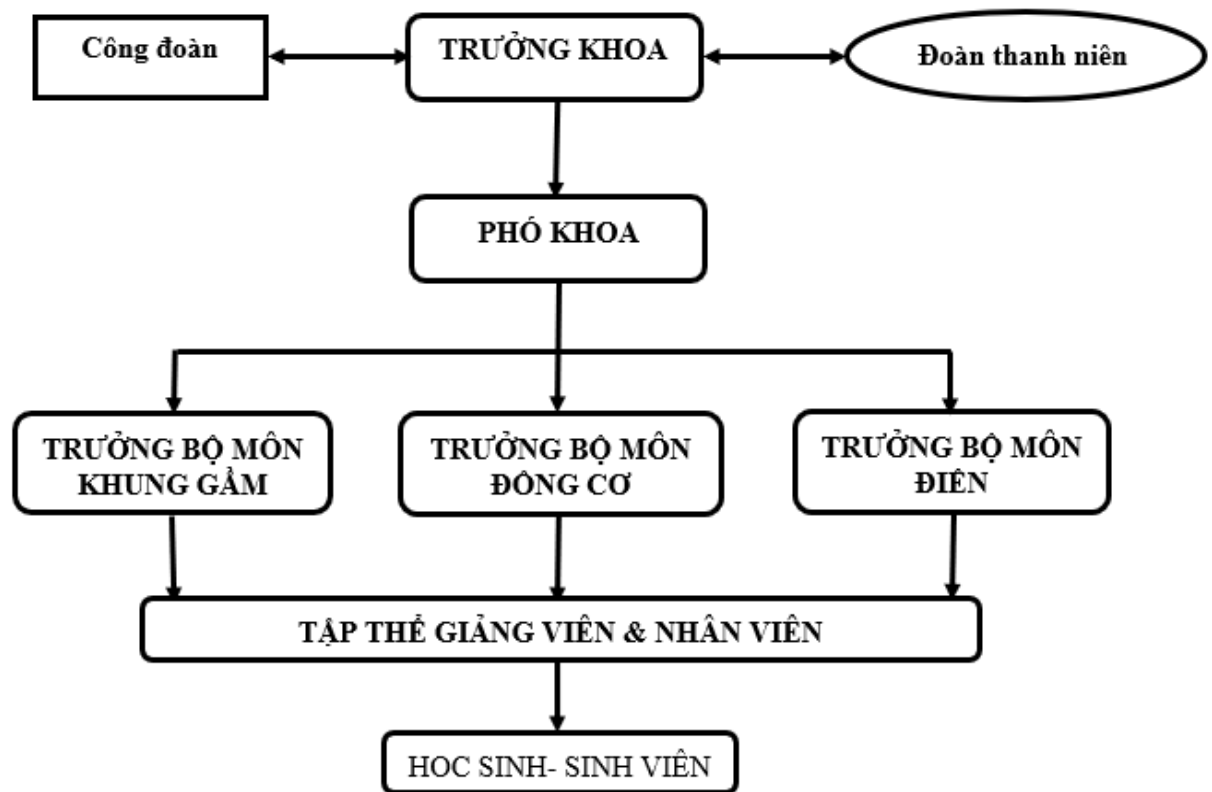
Năm học	Danh hiệu thi đua	Thành tích	Quyết định	Họ và tên giảng viên
	năm 2020			
2020	Đạt danh hiệu nhà giáo giáo dục nghề nghiệp dạy giỏi cấp thành phố năm 2020 do Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tổ chức	Giấy khen	số: 621/QĐ- CNTĐ- NS ngày 18/11/2020	Nguyễn Văn Hoàng Khánh

*** Thành tích nổi bật của sinh viên:**

Năm	Cuộc thi	Thành tích	Quyết định	Họ và tên HSSV
2017	Thiết kế Vẽ kỹ thuật cơ khí	Đạt giải thưởng trong các cuộc thi học thuật năm học 2016-2017	08-QĐ/ĐTN ngày 08/06/2017	1. Trương Khắc Duy CT16OT1 – giải nhất 2. Phạm Thế Quang CT16OT2 – giải nhì 3. Trần Minh Nghĩa CT16OT2 – giải nhì 4. Trần Văn Quang CT16OT1 – giải KK 5. Vòng Lý Cún CT16OT1 – giải KK
2018	Kỳ thi tay nghề TP.HCM	Khen thưởng HSSV đạt giải trong tham gia kỳ	21/QĐ- CNTĐ-ĐTN ngày	1. Nguyễn Văn Đoan CD16OT2- Giải KK

Năm	Cuộc thi	Thành tích	Quyết định	Họ và tên HSSV
	năm 2018 do Sở LĐTB- XH tổ chức	thi tay nghề TP.HCM năm 2018 do Sở LĐTB-XH tổ chức và hội thi Học sinh, sinh viên giỏi nghề lần 10 do Thành Đoàn tổ chức	21/05/2018	2. Phùng Minh Đồng CD16OT2- Giải KK
2019	Hội thi Thợ Cơ khí Ô tô tay nghề giỏi	V/v cấp giấy chứng nhận của Ban Chấp hành Đoàn trường cho các cá nhân đạt giải trong Hội thi học thuật lần 1, năm học 2019 – 2020	01-QĐ/ĐTN ngày 05/02/2020	1. Lê Minh Tài CD18OT3 – giải nhất 2. Hoàng Xuân Thuận CD18OT9 – giải nhì 3. Bùi Trọng Quý CD18OT3 – giải ba 4. Nguyễn Khánh Văn CD18OT3 – giải KK 5. Trần Nhật Tân CD18OT7 – giải KK
2020- 2021	Hội thi “Học sinh sinh viên giỏi nghề” lần thứ 12 năm 2020	Khen thưởng HSSV đạt giải trong tham gia kỳ thi tay nghề TP.HCM năm 2020 do Sở LĐTB-XH tổ chức và hội thi Học sinh, sinh viên giỏi nghề lần 12 do Thành Đoàn tổ chức	Số 35- QĐ/ĐTN ngày 05/02/2020	1. Lê Minh Tài CD18OT7 – giải KK 2. Đoàn Xuân Hồng CD18OT7 – giải KK

2.3 Cơ cấu tổ chức:



2.4 Các nghề đào tạo:

STT	CÁC NGHỀ	GHI CHÚ
1	Công nghệ Kỹ thuật Ô Tô	Cao đẳng
2	Bảo trì & Sửa chữa Ô Tô	Trung cấp

3. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1 Mục tiêu của chương trình đào tạo

- Kiến thức:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về Ô tô, Vẽ kỹ thuật, AutoCAD, An toàn lao động trong Ô tô, Bảo dưỡng Ô tô, Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả;
- Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các hệ thống trên Động cơ, Khung gầm, Điện Ô tô;
- Trình bày được quy trình bảo dưỡng của các hệ thống trên Động cơ, Khung gầm, Điện Ô tô;
- Nhận biết và trình bày được cách vận hành các thiết bị và dụng cụ sử dụng trong chuyên môn nghề;
- Chẩn đoán và xác định được các sai hỏng của ô tô;
- Phân tích được các nguyên nhân gây sai hỏng của các hệ thống trên Động cơ, Khung gầm, Điện Ô tô;
- Trình bày được các quy trình vận hành và kiểm tra cho ô tô;
- Mô tả được các phương pháp hiệu chỉnh các thông số làm việc của các hệ thống trên ô tô, bảo đảm đúng các điều kiện quy định của nhà sản xuất;
- Tiếp thu và chuyển giao được công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô;

- Kỹ năng:

- Sử dụng thành thạo các thiết bị và dụng cụ dùng cho chuyên môn nghề;
- Bảo dưỡng xe đúng quy trình, đảm bảo các thông số và yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất;
- Thực hiện đúng các quy trình kiểm tra và chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô;
- Tháo và lắp thành thạo các chi tiết, các cơ cấu và hệ thống trên ô tô;
- Thực hiện sửa chữa đúng quy trình, quy phạm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;
- Lập được kế hoạch tổ chức sửa chữa và quản lý các công việc phù hợp với các điều kiện nơi làm việc;
- Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Chấp hành tốt các quy định pháp luật, chính sách của nhà nước;
- Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- Giải quyết tốt công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện môi trường làm việc thay đổi;
- Thực hiện tác phong công nghiệp, có ý thức kỷ luật lao động cao, có trách nhiệm với công việc, thích ứng với môi trường lao động trong bối cảnh hội nhập Quốc tế;
- Chấp hành tốt các nội quy, quy định tại nơi làm việc, có năng lực tự chủ, sẵn sàng nhận và hoàn thành các nhiệm vụ khi được giao;
- Luôn có tinh thần học hỏi, rèn luyện tính cẩn thận, chịu khó, tập trung, sáng tạo để nâng cao kỹ năng thực hành đáp ứng yêu cầu công việc;
- Tuân thủ các yêu cầu bảo đảm an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường;
- Đánh giá được các kết quả công việc của mình và của các thành viên trong nhóm.

+ Năng lực ngoại ngữ:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC 350 quốc tế hoặc chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương hoặc được đánh giá đạt trong kỳ thi đánh giá năng lực Tiếng Anh chuẩn đầu ra do Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức tổ chức.
- Hoặc có chứng chỉ Tiếng Hàn Topik 1 cấp độ 2 do Viện Giáo dục quốc tế Quốc gia Hàn Quốc cấp.
- Hoặc có chứng chỉ Tiếng Nhật JLPT hoặc NAT-TEST cấp độ N5;

+ Năng lực sử dụng CNTT:

Có chứng chỉ Công nghệ thông tin nâng cao do Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức cấp hoặc có chứng chỉ kỹ năng sử dụng CNTT nâng cao theo quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT

3.2 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Kỹ thuật viên trạm bảo dưỡng & sửa chữa ô tô tại các showroom ủy quyền của các hãng.
- Nhân viên phụ tùng (quản lý kho)
- Nhân viên bán hàng.
- Nhân viên lắp ráp ô tô.
- Nhân viên cố vấn dịch vụ.
- Kỹ thuật viên sửa chữa xe tại các garage
- Trợ giảng tại các trường trung cấp.

3.3 Phương thức đào tạo:

- Phương thức đào tạo chung của trường: tích lũy tín chỉ.
- Phương thức đào tạo của khoa: tích lũy tín chỉ.

3.4 Tóm tắt nội dung chương trình

Chương trình đào tạo cho khóa tuyển sinh năm 2019

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)		
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH
A	Các học phần chung/đại cương		19	11	8	435	160	275
1.1	DCC100280	Giáo dục chính trị	4	3	1	75	41	34
1.2	DCC100220	Pháp luật	2	2	0	30	18	12
1.3	DCCK100031	Giáo dục thể chất 1	1	0	1	30	4	26
1.4	DCCK100032	Giáo dục thể chất 2	1	0	1	30	1	29
1.5	DCC100290	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	2	1	75	36	39
1.6	DCC100191	Tin học	3	1	2	75	15	60
1.7	NNK100040	Tiếng Anh 1B	2	1	1	45	15	30
1.8	NNC100040	Tiếng Anh 2	3	2	1	75	30	45
B	Các học phần chuyên môn ngành, nghề		66	33	33	1590	495	1095
I	Học phần cơ sở		12	9	3	225	135	90
1.1	CSC114070	Nhập môn CNKT ô tô	2	1	1	45	15	30
1.2	CSC102150	Vẽ kỹ thuật	3	2	1	60	30	30
1.3	CSC114060	AutoCAD	3	2	1	60	30	30
1.4	CSC114040	An toàn lao động trong ô tô	2	2	0	30	30	0
1.5	CSC114080	Bảo dưỡng ô tô	2	2	0	30	30	0

II	Học phần chuyên môn		41	15	26	1050	225	825
2.1	CNC114131	Động cơ xăng 1	5	2	3	120	30	90
2.2	CNC114132	Động cơ xăng 2	5	2	3	120	30	90
2.3	CNC114280	Động cơ Diesel	5	2	3	120	30	90
2.4	CNC114241	Gầm ô tô 1	5	2	3	120	30	90
2.5	CNC114242	Gầm ô tô 2	5	2	3	120	30	90
2.6	CNC114261	Điện ô tô 1	5	2	3	120	30	90
2.7	CNC114262	Điện ô tô 2	5	2	3	120	30	90
2.8	CNK114010	Điện lạnh ô tô	3	1	2	75	15	60
2.9	CNC114200	Thực tập doanh nghiệp	3	0	3	135	0	135
III	Học phần tốt nghiệp		13	9	4	315	135	180
3.1	TNC114120	Chuyên đề Động cơ ô tô	3	3	0	45	45	0
3.2	TNC114130	Chuyên đề Điện ô tô	3	3	0	45	45	0
3.3	TNC114140	Chuyên đề Khung gầm ô tô	3	3	0	45	45	0
3.4	TNC114060	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4	180	0	180
Tổng cộng			85	44	41	2025	655	1370

Chương trình đào tạo cho khóa tuyển sinh năm 2020

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)		
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH

A	Các học phần chung		14	9	5	300	119	181
1	DCC100280	Giáo dục chính trị	4	3	1	75	41	34
2	DCC100220	Pháp luật	2	2	0	30	18	12
3	DCC100191	Tin học	3	1	2	75	15	60
4	NNK100040	Tiếng Anh 1B	2	1	1	45	15	30
5	NNC100040	Tiếng Anh 2	3	2	1	75	30	45
Các môn Giáo dục thể chất, QP&AN (Không tính số tín chỉ)								
6	DCCK100031	Giáo dục thể chất 1	1	0	1	30	4	26
7	DCCK100032	Giáo dục thể chất 2	1	0	1	30	1	29
8	DCC100290	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	2	1	75	36	39
B	Các học phần chuyên môn ngành		66	32	34	1620	480	1140
I	Học phần cơ sở		14	11	3	255	165	90
1	CSC114070	Nhập môn CNKT ô tô	2	1	1	45	15	30
2	CSC102150	Vẽ kỹ thuật	3	2	1	60	30	30
3	CSK114020	AutoCAD	3	2	1	60	30	30
4	CSC114040	An toàn lao động trong ô tô	2	2	0	30	30	0
5	CSC114080	Bảo dưỡng ô tô	2	2	0	30	30	0
6	CSK114010	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả	2	2	0	30	30	0
II	Học phần chuyên môn		52	21	31	1365	315	1050
1	CNC114131	Động cơ xăng 1	5	2	3	120	30	90
2	CNC114132	Động cơ xăng 2	5	2	3	120	30	90
3	CNC114280	Động cơ Diesel	5	2	3	120	30	90
4	CNC114241	Gầm ô tô 1	5	2	3	120	30	90
5	CNC114242	Gầm ô tô 2	5	2	3	120	30	90

6	CNC114261	Điện ô tô 1	5	2	3	120	30	90
7	CNC114262	Điện ô tô 2	5	2	3	120	30	90
8	CNK114010	Điện lạnh ô tô	3	1	2	75	15	60
9	CNC114200	Thực tập doanh nghiệp	3	0	3	135	0	135
10	TNC114170	Chuyên đề Động cơ ô tô	2	2	0	30	30	0
11	TNC114160	Chuyên đề Điện ô tô	2	2	0	30	30	0
12	TNC114150	Chuyên đề Khung gầm ô tô	2	2	0	30	30	0
13	TNC114180	Thực tập tốt nghiệp	5	0	5	225	0	225
Tổng cộng:			80	41	39	1920	599	1321

Chương trình đào tạo cho khóa tuyển sinh năm 2021

TT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			Thời lượng (giờ)			
			TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KIỂM TRA
A	Các học phần chung		14	9	5	300	119	167	14
1	DCC100280	Giáo dục chính trị	4	3	1	75	41	29	5
2	DCC100220	Pháp luật	2	2	0	30	18	10	2
3	DCC100191	Tin học	3	1	2	75	15	57	3
4	NNK100040	Tiếng Anh 1B	2	1	1	45	15	28	2
5	NNC100040	Tiếng Anh 2	3	2	1	75	30	43	2

Các môn Giáo dục thể chất, QP&AN (Không tính số tín chỉ)									
6	DCK100031	Giáo dục thể chất 1	1	0	1	30	3	26	1
7	DCK100032	Giáo dục thể chất 2	1	0	1	30	2	26	2
8	DCC100290	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	2	1	75	36	35	4
B	Các học phần chuyên môn ngành		66	32	34	1620	462	1108	50
I	Học phần cơ sở		14	11	3	255	153	90	12
1	CSC114070	Nhập môn CNKT ô tô	2	1	1	45	15	28	2
2	CSC102150	Vẽ kỹ thuật	3	2	1	60	30	28	2
3	CSC114060	AutoCAD	3	2	1	60	30	28	2
4	CSC114040	An toàn lao động trong ô tô	2	2	0	30	22	6	2
5	CSC114080	Bảo dưỡng ô tô	2	2	0	30	28	0	2
6	CSK114010	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả	2	2	0	30	28	0	2
II	Học phần chuyên môn		52	21	31	1365	309	1018	38
1	CNC114131	Động cơ xăng 1	5	2	3	120	30	86	4

2	CNC114132	Động cơ xăng 2	5	2	3	120	30	86	4
3	CNC114280	Động cơ Diesel	5	2	3	120	30	86	4
4	CNC114241	Gầm ô tô 1	5	2	3	120	30	86	4
5	CNC114242	Gầm ô tô 2	5	2	3	120	30	86	4
6	CNC114261	Điện ô tô 1	5	2	3	120	30	88	2
7	CNC114262	Điện ô tô 2	5	2	3	120	30	88	2
8	CNK114010	Điện lạnh ô tô	3	1	2	75	15	58	2
9	CNC114200	Thực tập doanh nghiệp	3	0	3	135	0	132	3
10	TNC114170	Chuyên đề Động cơ ô tô	2	2	0	30	28	0	2
11	TNC114160	Chuyên đề Điện ô tô	2	2	0	30	28	0	2
12	TNC114150	Chuyên đề Khung gầm ô tô	2	2	0	30	28	0	2
13	TNC114180	Thực tập tốt nghiệp	5	0	5	225	0	222	3
Tổng cộng:			80	41	39	1920	581	1275	64

3.5 Kế hoạch, số lượng tuyển sinh:

TT	Khóa học	Số lượng tuyển sinh		Ghi chú
		Theo kế hoạch	Thực tế	
1	Khóa CD19OT (2019-2022)	260	281	

2	Khóa CD20OT (2020-2023)	260	280	
3	Khóa CD21OT (2021-2024)	260	284	
	TỔNG CỘNG	780	845	

3.6 Đội ngũ nhà giáo

Tổng số: 16, trong đó:

- Nam: 16
- Nữ: 00
- Cơ hữu: 16

Giáo viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Thạc sĩ	16	0	16
Tổng số	16	0	16

Danh sách CBGV:

STT	Họ & Tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
1	Cù Huy Hoài	Trưởng Khoa	Thạc sỹ
2	Lê Văn Thanh	Phó Khoa	Thạc sỹ
3	Uông Hoàng Trí	Trưởng Bộ môn Khung Gầm	Thạc sỹ
4	Đoàn Minh Tường	Trưởng Bộ môn Điện	Thạc sỹ
5	Tiêu Hà Hồng Nhân	Giảng viên	Thạc sỹ
6	Bùi Ngọc Triều	Giảng viên	Thạc sỹ
7	Nguyễn Chí Hiếu	Giảng viên	Thạc sỹ
8	Nguyễn Hùng Việt	Giảng viên	Thạc sỹ
9	Bùi Văn Hoàng	Giảng viên	Thạc sỹ
10	Phạm Trường Giang	Giảng viên	Thạc sỹ
11	Lê Thành Đạt	Giảng viên	Thạc sỹ
12	Thái Quang Hoàng	Giảng viên	Thạc sỹ
13	Phan Quốc Hùng	Giảng viên	Thạc sỹ
14	Nguyễn Văn Hoàng Khánh	Giảng viên	Thạc sỹ
15	Đoàn Xuân Lập	Giảng viên	Thạc sỹ
16	Quảng Minh Đăng	Giảng viên	Thạc sỹ

3.7 Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Trường có khuôn viên với tổng diện tích 51.598m² với:

- Có 75 phòng học lý thuyết có diện tích 6.935m²

- Có 28 phòng học thực hành máy tính diện tích: 2.973,4m², với tổng số máy tính là 1.479 bộ.
- Thư viện có diện tích 428m², Tính đến 30/08/2022 Trung tâm Thông tin Thư viện có 6.523 tên. trong đó số đầu sách, giáo trình thuộc ngành nghề đào tạo là: 5.388 tên, giáo trình nội bộ: 251 tên
- Xưởng thực hành của Khoa Cơ khí Ô Tô với 15 xưởng thực hành.

Stt	Phòng	Tên phòng xưởng thực hành	Ghi chú
1	C101	Xưởng Điện lạnh ô tô 1	
2	C102	Xưởng Điện lạnh ô tô 2	
3	C001	Xưởng khung gầm 1	
4	C002	Xưởng khung gầm 2	
5	C003	Xưởng khung gầm 3	
6	C004	Xưởng khung gầm 4	
7	C010	Xưởng Động cơ 1	
8	C011	Xưởng Động cơ 2	
9	C012	Xưởng Động cơ 3	
10	C013	Xưởng Động cơ 4	
11	C103	Xưởng Động cơ 5	
12	D09-01	Xưởng Điện ô tô 1	
13	D09-02	Xưởng Điện ô tô 2	
14	D09-03	Xưởng Điện ô tô 3	
15	D09-04	Xưởng Điện ô tô 4	
16	C202, C203, C204	Phòng lý thuyết chuyên môn	

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. TỔNG QUAN CHUNG

1.1. Căn cứ tự đánh giá

- Căn cứ quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

- Căn cứ quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

- Căn cứ công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 03 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

- Căn cứ Kế hoạch số 05/KH-CNTĐ-CL ngày 16/05/2022 về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề: Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Kế toán Trình độ: Cao đẳng - Năm 2022.

- Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-CNTĐ-NS ngày 30 tháng 05 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức về việc thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng năm 2022.

1.2 Mục đích tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ – giảng viên và sinh viên – học sinh của Khoa cơ khí Ô tô về vai trò quan trọng của công tác tự kiểm định, tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành.

- Thu thập và xử lý các minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của Nghề Công nghệ kỹ thuật ô tô dựa trên cơ sở đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của trường Cao đẳng.

- Phát hiện những điểm mạnh, những điểm cần cải thiện trong thời gian tới, và qua đó giúp Trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng Trường trở thành trường Cao đẳng chất lượng cao, khẳng định uy tín và thương hiệu của mình.

1.3 Yêu cầu tự đánh giá

- Thu thập và tổng hợp toàn bộ thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo;
- Lập dự thảo báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của trường.

1.4 Phương pháp tự đánh giá

- Tổ chức nghiên cứu, thu thập, biên dịch (nếu có), tổng hợp, xử lý tài liệu trong, ngoài nước (nếu có) về tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- Tổ chức khảo sát, lấy phiếu điều tra, phân tích, xử lý, tổng hợp ý kiến của các chuyên gia, nhà nghiên cứu, giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề, doanh nghiệp, hội nghề nghiệp, học sinh, sinh viên, người lao động phục vụ xây dựng hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- Viết chuyên đề nghiên cứu theo từng tiêu chí tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- Biên tập hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

1.5 Các bước tiến hành tự đánh giá

- Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của trường
- Hoạt động chuẩn bị của Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
- Chuẩn bị tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của đơn vị trong trường.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của đơn vị trong trường.
- Khoa có chương trình đào tạo được đánh giá lập báo cáo tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của trường.
- Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của trường thẩm định, phê duyệt Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của trường.
- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

2. TỰ ĐÁNH GIÁ

- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của đơn vị.
- Hoạt động chuẩn bị tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của đơn vị.
- Chuẩn bị tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của đơn vị.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của đơn vị.
- Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của trường thẩm định, phê duyệt Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo tại đơn vị.
- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo đơn vị và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo đơn vị về phòng đảm bảo chất lượng.

2.1 Tổng hợp kết quả tự đánh giá

STT	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN	ĐIỂM CHUẨN	TRƯỜNG TỰ ĐÁNH GIÁ
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC		
	Tổng điểm	100	98
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu quản lý và tài chính	6	6
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	14	12
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập,	2	2

STT	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN	ĐIỂM CHUẨN	TRƯỜNG TỰ ĐÁNH GIÁ
	rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp	2	2
	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	0
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16
	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao	2	2
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	24	24
	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về	2	2

STT	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN	ĐIỂM CHUẨN	TRƯỜNG TỰ ĐÁNH GIÁ
	năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.		
	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	2
	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	16
	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào	2	2

STT	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN	ĐIỂM CHUẨN	TRƯỜNG TỰ ĐÁNH GIÁ
	tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.		
	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	8	8
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi	2	2

STT	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN	ĐIỂM CHUẨN	TRƯỜNG TỰ ĐÁNH GIÁ
	tốt nghiệp.		
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

2.2 Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

2.2.1 Tiêu chí 1: Mục tiêu quản lý và tài chính

Trường Cao đẳng Công nghệ Đức là cơ sở đào tạo công lập, các đơn vị trong Trường hoạt động theo mục tiêu, chức năng nhiệm vụ được phê duyệt tại điều lệ Trường. Nhà trường luôn xác định chương trình đào tạo là một trong những yếu tố quyết định đến chất lượng của quá trình đào tạo. Mục tiêu cuối cùng của quá trình đào tạo là người học nghề sau khi ra trường có đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động, của xã hội hay không. Chính vì vậy, việc xây dựng chương trình đào tạo được Nhà trường đặc biệt quan tâm. Chương trình đào tạo nghề Công nghệ kỹ thuật Ô tô của Trường được xây dựng bám sát chương trình khung theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Thông tư số 04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về danh mục nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, Trường đã tiến hành tổ chức khảo sát điều kiện thực tiễn sản xuất, mời doanh nghiệp và các chuyên gia trong nghề tham gia góp ý, xây dựng các chương trình đào tạo ở các bậc đào tạo cao đẳng, trung cấp và sơ cấp nghề theo đúng quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, phù hợp với yêu cầu sử dụng nhân lực của TPHCM và các tỉnh lân cận.

+ Những điểm mạnh:

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Công nghệ kỹ thuật Ô tô phù hợp với mục tiêu dạy nghề theo trình độ đào tạo nghề được quy định tại Luật Giáo dục Nghề nghiệp, chương trình khung, mục tiêu, nhiệm vụ của trường và yêu cầu sử dụng nhân lực của khu vực TP.HCM và các tỉnh lân cận

Chương trình chi tiết thể hiện mục tiêu rõ ràng, nội dung phù hợp với thực tiễn nghề nghiệp và cập nhật công nghệ tiên tiến, phù hợp thực tiễn, yêu cầu sản xuất và điều kiện của Nhà trường.

Nhiệm vụ đào tạo tại Trường và Khoa được xác định rõ ràng, chi tiết và được công khai minh bạch trước khi tổ chức đào tạo trên website, tờ rơi, bảng tin,...

+ Những tồn tại:

Việc nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo còn hạn chế.

+ Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Khoa đang nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo và có văn bản thể hiện.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	6
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2

Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Mục tiêu chung: Đào tạo nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực cơ khí ô tô có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có năng lực tự nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ ứng với trình độ cao đẳng, có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, có năng lực Tiếng Anh, có sức khỏe, có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc trong nước và khu vực. Đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Chương trình đào tạo nghề CNKT Ô Tô của Trường được xây dựng bám sát Thông tư số 03/2017/TT -BLĐTBXH ngày 01/3/2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và quy định chung của trường cao đẳng Công Nghệ Thủ Đức. Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, Trường đã tiến hành tổ chức khảo sát điều kiện thực tiễn sản xuất, mời doanh nghiệp và các chuyên gia trong nghề tham gia góp ý, xây dựng các chương trình đào tạo ở các bậc đào tạo cao đẳng, trung cấp và sơ cấp nghề theo đúng quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, phù hợp với yêu cầu sử dụng nhân lực của TPHCM và các tỉnh lân cận. **(1.1.01 - Chương trình khung nghề CNKT Ô Tô Khóa 2019, 2020, 2021; 1.1.02 - Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND: Ban hành quy định về kích cầu đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ của thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2018 – 2020; 1.1.03 - Quyết định Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp (DN) và sản phẩm cơ khí - tự động hóa TP giai đoạn 2021 – 2030).**

Ngoài ra, chương trình đào tạo được xây dựng theo đúng quy trình hướng dẫn của Bộ LĐTB&XH. Mục tiêu chương trình đào tạo được xây dựng xuất phát từ Sứ

mệnh và Tầm nhìn của Trường, nên mục tiêu chương trình đào tạo luôn phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường (**1.1.04** - Website công bố Sứ mạng, tầm nhìn của Trường- www.tdc.edu.vn).

Chương trình đào tạo được công bố công khai trên trang web Nhà trường, tài khoản của sinh viên.

CTĐT nghề CNKT Ô Tô phù hợp với mục tiêu của trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động tại Tp. HCM và cả nước (**1.1.05** - Công văn số 20833/SLĐT BXH-DN ngày 10/8/2017 V/v bổ sung trường chất lượng cao, nghề trọng điểm và trường được lựa chọn nghề trọng điểm), trong đó có nghề CNKT Ô Tô được chọn là nghề trọng điểm cấp quốc gia.

Chương trình đào tạo đều được thực hiện trên nhu cầu của thị trường lao động và có sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở giáo dục... (**1.1.06** - Biên bản thẩm định CTĐT nghề CNKT Ô Tô khóa 2020; phiếu thẩm định chương trình đào tạo khóa 2020).

Đầu mỗi khóa học Khoa đều lập kế hoạch đào tạo các khóa tuyển sinh theo tiến độ chung của nhà trường ban hành (**1.1.07** - Kế hoạch đào tạo khóa tuyển sinh 2019, 2020, 2021 do Trưởng Khoa ký).

Chương trình đào tạo nghề CNKT Ô Tô của Khoa được rà soát, điều chỉnh theo từng khóa học (**1.1.08** - Kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo khóa tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021; **1.1.09** - Thông báo về việc xây dựng chương trình và kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2019: Số: 61/TB-CNTĐ-ĐT ngày 19/4/2019; **1.1.10** - Thông báo: 19/TB-CNTĐ-ĐT ngày 26/2/2020 Thông báo v/v đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo khóa tuyển sinh 2020). **1.1.11** - Thông báo: 51/TB-CNTĐ-ĐT ngày 10/3/2021 Thông báo v/v đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo khóa tuyển sinh 2021)

Hàng năm căn cứ vào báo cáo phân tích thị trường lao động và dự báo nhu cầu nhân lực tại thành phố Hồ Chí Minh, nhà trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu tuyển dụng nhân lực của doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh và tất cả các nghề đào tạo của trường đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động thành phố (**1.1.12** - Báo cáo phân tích thị trường lao động năm 2019, 2020, 2021 - Dự báo nhu cầu nhân lực năm 2019, 2020, 2021 tại TP HCM). Mục tiêu chương trình đào tạo được xây dựng xuất phát từ Sứ mệnh và Tầm nhìn của Trường, nên mục tiêu chương trình đào tạo luôn phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường và phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và cả nguyện vọng của chính bản thân người học.

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

Trường có giao nhiệm vụ cụ thể cho Khoa phụ trách CTĐT Công nghệ Kỹ Thuật Ô Tô (Cao đẳng) và Bảo trì & Sửa chữa Ô Tô (Trung cấp) và các đơn vị liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo thông qua quy định rõ chức năng nhiệm vụ của Khoa Cơ khí Ô tô là đơn vị thực hiện chức năng xây dựng chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy chung của Nhà trường. (**1.2.01** - Quyết định số 167/QĐ-CNTĐ-NS ngày 10/5/2017: Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ; Quy định chức năng, nhiệm vụ của Khoa Cơ khí Ô tô - Phần X – Các khoa chuyên môn, từ trang 10 đến trang 13-Đính kèm quyết định 164A/QĐ-CNTĐ-ĐT về việc giao nhiệm vụ cho khoa/đơn vị phụ trách và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện CTĐT; **1.2.02** - Báo cáo kết quả hoạt động năm học và phương hướng nhiệm vụ của khoa năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; **1.2.03** - Báo cáo kết quả hoạt động năm học và phương hướng nhiệm vụ của Nhà trường năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2021-2022).

Dựa trên kế hoạch đào tạo, Khoa tiến hành triển khai quá trình đào tạo cho từng nghề, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Khoa (**1.2.04** - Bảng phân công nhiệm vụ của Khoa; **1.1.05** - Kế hoạch đào tạo khóa tuyển 2019, 2020, 2021 do Trưởng Khoa ký).

Trong mỗi chương trình đào tạo khi tiến hành mở nghề xây dựng CTĐT theo quy định chung hướng dẫn của Nhà trường (**1.2.05** - DT-QT3 - Quy trình cập nhật điều chỉnh chương trình đào tạo do P.QLĐT biên soạn).

Hàng năm, Khoa Cơ khí Ô tô đều thực hiện báo cáo tổng kết các công việc đã thực hiện trong năm, rút kinh nghiệm những việc chưa làm được, khen thưởng các cá nhân, đơn vị thực hiện xuất sắc công việc được giao cũng như phương hướng triển khai cho giai đoạn tiếp theo (**1.2.07** - Quyết định khen thưởng đối với giảng viên, nhân viên năm học 2019, 2020, 2021).

Khoa hoàn thành các nhiệm vụ đào tạo do Nhà trường giao và được đánh giá thông qua các hoạt động thanh kiểm tra định kỳ trong năm học. Cũng từ đó, khoa có căn cứ tiếp tục phát huy được những mặt mạnh và tiếp tục điều chỉnh để các nhiệm vụ đó được hoàn thành ngày càng tốt hơn (**1.2.08** - Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ của phòng Thanh tra Pháp chế năm 2019-2020; 2020-2021, 2021-2022).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức là trường công lập nên mọi nguồn thu, chi đều minh bạch, theo quy định, dưới sự giám sát của Kiểm toán Nhà nước.

Hàng năm khi Bộ môn xây dựng và thực hiện CTĐT khoa điều xem xét chương trình/ đề cương chi tiết của từng môn học cụ thể để xác định được: nội dung, kiến thức, kỹ năng cũng như năng lực tự chủ và trách nhiệm nhằm đảm bảo để thực hiện CTĐT đạt chuẩn đầu ra đã đặt ra.

Các đề cương chi tiết được xây dựng và có đánh giá xem xét các điều kiện thực hiện về cơ sở vật chất tối thiểu của CTĐT, các vật tư cần trang bị cho môn học. **(1.1.06 - Biên bản thẩm định CTĐT nghề CNKT Ô Tô khóa 2020; phiếu thẩm định chương trình đào tạo khóa 2020; 1.3.01 - Chương trình chi tiết khóa 2019, 2020, 2021; 1.3.02 - Danh mục vật tư theo từng học kỳ năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).**

Nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm của Trường gồm có: Kinh phí thường xuyên của Ngân sách nhà nước cấp, học phí chính quy, ngoài ra Trường có các nguồn thu hợp pháp như lệ phí tuyển sinh, học phí các hệ đào tạo, thu tiền ở KTX, hợp tác đào tạo, thu từ dịch vụ trông giữ xe....

Việc thực hiện thu, chi và phân bổ các khoản thu được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ tại Điều 6 Phần 2 và Phần 3 của Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức **(1.3.03 - Quyết định về Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm tài chính 2018, số 557/QĐ-CNTĐ-HC, ngày 31/10/2017, do Hiệu trưởng ký ban hành; Quyết định về Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm tài chính 2019, số 610/QĐ-CNTĐ-HC, ngày 02/11/2018, Quyết định về Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm tài chính 2020, số 673/QĐ-CNTĐ-NS ngày 04/11/2019).**

Trường thực hiện thu học phí, lệ phí của học sinh, sinh viên theo quy định của Hiệu trưởng nhà trường **(1.3.04 - Thông báo thu học phí, lệ phí năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022)**

Để có căn cứ định mức thiết bị và vật tư sử dụng trong quá trình đào tạo của chương trình nghề CNKT Ô Tô nhằm xác định được các thiết bị và vật tư tối thiểu sử dụng cho quá trình dạy và học **(1.3.05 - Báo cáo, biên bản thanh kiểm tra về công tác đào tạo năm 2019, 2020, 2021)** Nhà trường đã thành lập ban xây dựng và hội đồng thẩm định định mức thiết bị vật tư để làm căn cứ để mua sắm thiết bị, vật tư phục vụ quá trình đào tạo. **(1.3.06 - Hồ sơ nghiệm thu định mức thiết bị vật tư nghề CNKT Ô Tô năm 2021).**

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

2.2.2 Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Khoa Cơ khí Ô tô luôn chấp hành nghiêm túc quy chế, quy định hiện hành trong việc triển khai hoạt động đào tạo. Bên cạnh đó Khoa luôn nghiên cứu, cập nhật kịp thời các kiến thức, công nghệ mới vào hoạt động đào tạo. Xác định mục tiêu gắn hoạt động đào tạo của nhà trường với nhu cầu nhân lực của địa phương, của xã hội; từng bước nâng cao vị thế, vai trò của nhà trường trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

Trong những năm học vừa qua, lãnh đạo nhà trường luôn quan tâm chỉ đạo các đơn vị thực hiện đúng và đầy đủ các quy chế và quy định của các cơ quan chủ quản cũng như các nội quy, quy định của nhà trường. Không ngừng cải tiến phương pháp giảng dạy, đổi mới công tác quản lý, công tác đánh giá kết quả học tập của người học với mục tiêu ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

Hoạt động đào tạo là một trong các hoạt động trọng yếu, quyết định sự tồn tại và phát triển bền vững của nhà trường. Việc tổ chức hoạt động đào tạo đòi hỏi phải đảm bảo tính pháp lý nhưng cũng cần có sự linh động, nhạy bén, kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu của xã hội.

Định hướng quan trọng của nhà trường là gắn kết hoạt động đào tạo với nhu cầu doanh nghiệp, nhu cầu xã hội. Tuy bước đầu thực hiện còn gặp nhiều khó khăn nhưng nhà trường cũng đã đạt được nhiều thành quả trong việc tiếp cận doanh nghiệp để điều chỉnh hoạt động đào tạo. Trong thời gian tới nhà trường sẽ tiếp tục triển khai bài bản hơn nhằm nâng cao chất lượng tiếp cận mục tiêu học sinh sinh viên ra trường đáp ứng nhu cầu xã hội.

Hàng năm, Khoa thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt chỉ tiêu theo kế hoạch của trường.

+ Những điểm mạnh:

Lập kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định. Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học. Trước khi kết thúc mỗi học kỳ Khoa có lập kế hoạch phân công ra đề thi, chấm thi, theo lịch thi chung của nhà trường. Ngoài công tác thi kết thúc môn học để đánh giá học lực, Khoa còn tổ chức đánh giá điểm rèn luyện cho HSSV các khóa theo thông báo chung của Trường. Giảng viên ngoài thời gian giảng dạy còn phải thực hiện nghĩa vụ tham gia dự giờ hàng năm theo đúng quy định. Theo định kỳ thường niên, Khoa và Nhà trường tổ chức lễ ký kết hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp.

+ Những tồn tại:

Trường có tổ chức đào tạo liên kết và liên thông tuy nhiên việc đào tạo liên thông ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô Tô được triển khai nhưng do học viên đăng ký chưa đủ hình thành lớp.

+ Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Trong những năm tiếp theo Khoa tiến hành xây dựng kế hoạch đào tạo liên thông, quy định và chương trình đào tạo liên thông, liên kết với các Trường có đào tạo bậc Đại học có đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	0

Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

- Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường có văn bản xác định chỉ tiêu và được cấp giấy nhận đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh. Trong công tác tuyển sinh năm từ năm 2017, Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh của trường. Nội dung quy chế tuyển sinh của trường được căn cứ theo quy định tại Thông tư số 05/2017/TT – BLĐTBXH ngày 02/3/2017 về việc quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng (**2.1.02 - Thông tin tuyển sinh năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.1.03 - QĐ ban hành Quy chế tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021**).

Trong công tác tuyển sinh năm 2018, năm 2019 thực hiện theo nội dung quy chế tuyển sinh của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội, nhà trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh của trường. Nội dung quy chế tuyển sinh của trường được căn cứ theo quy định tại Thông tư số 05/2017/TT – BLĐTBXH ngày 02/3/2017 về việc quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng. Trước mỗi đợt tuyển sinh hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch tuyển sinh và thông báo tuyển sinh và được công bố đến các Khoa và truyền thông rộng rãi (**2.1.01 -**

Kế hoạch tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021). Hoạt động tuyển sinh của nhà trường được điều hành bởi Hội đồng tuyển sinh (**2.1.04 - QĐ thành lập HĐ tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021**). Tất cả thành viên Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc được tập huấn và quán triệt một cách kỹ càng về quy trình, công việc trước khi thực hiện công tác tuyển sinh. Sau khi xét duyệt hồ sơ đạt yêu cầu, Nhà trường gửi giấy báo trúng tuyển cho Thí sinh đến làm hồ sơ nhập học theo quy định. Các đợt tuyển sinh được truyền thông rộng rãi trên các phương tiện, nhằm để người đăng ký học được theo dõi thông tin cụ thể ngành mình đăng ký. Sau khi họp Hội đồng tuyển sinh, Nhà trường có Ban hành Quyết định công nhận danh sách sinh viên trúng tuyển và nhập học (**2.1.05 - QĐ công nhận trúng tuyển NH 2019, 2020, 2021; 2.1.06 - QĐ thành lập lớp Bạc Cao đẳng khóa 2019, 2020, 2021**). Sau khi họp hội đồng tuyển sinh, Nhà trường đã tổng kết báo cáo số lượng tuyển sinh. Sau khi trúng tuyển và nhập học, Sinh viên được sinh hoạt công dân đầu năm với nhà trường, Khoa cũng tổ chức buổi gặp gỡ Sinh viên để phổ biến Sinh viên về các quy định.

BẢNG DỮ LIỆU TUYỂN SINH THEO KẾ HOẠCH VÀ THỰC TẾ NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ

TT	Khóa học	Số lượng tuyển sinh		Tỉ lệ	Ghi chú
		Theo kế hoạch	Thực tế		
1	Khóa CD19OT (2019-2022)	260	281	108%	
2	Khóa CD20OT (2020-2023)	260	280	107%	
3	Khóa CD21OT (2021-2024)	260	284	109%	
	TỔNG CỘNG	780	845		

Hàng năm, Khoa thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt chỉ tiêu theo kế hoạch của trường. Khoa Cơ khí Ô tô là khoa trọng tâm của Trường thực hiện nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực nên được quan tâm đầu tư trang thiết bị và thu hút số đông HSSV đến với Khoa. Sau khi kết thúc tuyển sinh Khoa và Trung tâm Tư vấn tuyển sinh đều lên kế hoạch cho đợt tuyển sinh tiếp theo. Khoa đã đạt 108% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo. Trường luôn xác định đào tạo phải luôn gắn liền với nhu cầu xã hội. Để đáp ứng yêu cầu đó, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát nhu cầu của người học, và tư vấn cho người học chọn ngành nghề đúng với sở thích và năng lực của họ. Căn cứ vào kế hoạch tuyển sinh, triển khai công tác quảng bá, chiêu sinh cho mọi đối tượng có nhu cầu học nghề. Kết quả tuyển sinh hàng năm đạt trên 100% so với yêu cầu đề ra. Kết thúc đợt tuyển sinh trường tổng kết báo cáo, đánh giá kết quả tuyển sinh cho Sở LĐ TB&XH, Bộ LĐ TB&XH.

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

- Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, dựa vào thông báo và tiến độ của Phòng đào tạo và chương trình đào tạo đã ban hành, Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo cho các khóa tuyển sinh theo quy định của nhà trường (**1.1.11** - Kế hoạch đào tạo NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **1.1.03** - QĐ ban hành chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021).

Đầu năm học, Khoa Cơ khí Ô tô xây dựng tiến độ đào tạo, bảng phân công chuyên môn cho từng lớp, từng khóa học cho ngành công nghệ kỹ thuật Ô tô, cụ thể: từng học kỳ, năm học, kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định (**2.2.11** - KH phân công GV biên chế HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **2.2.12** - KH phân công GV thỉnh giảng HK2 NH 2020 - 2021; **2.2.01** - QĐ ban hành tiến độ NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **2.2.05** - Tiến độ đào tạo HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **2.2.06** - Thời khóa biểu đào tạo HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;).

Mỗi học kỳ, giảng viên được phân công chuyên môn sẽ căn cứ vào chương trình đào tạo và đề cương chi tiết cho học phần mình đảm nhận cùng với kế hoạch chung của Nhà trường xây dựng lên kế hoạch giảng dạy cụ thể cho học phần mình phụ trách. Kế hoạch này được Bộ môn/khoa kiểm duyệt ở đầu và cuối học kỳ nhằm để giám sát tiến độ thực hiện của mỗi giảng viên (**2.2.02** - Giáo án HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **2.2.03** - Lịch giảng dạy HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **2.2.04** - Nhật ký giảng dạy HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022).

Trường đã tổ chức thu thập ý kiến định kỳ hằng năm, thông qua họp giao ban, họp cơ quan từng tháng, học kỳ, hội nghị CBCC, thùng thư góp ý, thông qua phiếu khảo sát để đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên, người học về chất lượng của các phương thức đào tạo

Để theo dõi, giám sát kế hoạch đào tạo được thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả, Phòng Thanh tra – Pháp chế ban hành quy định thanh tra, kiểm tra đào tạo bằng các văn bản thông báo kế hoạch khảo sát hoạt động giảng dạy (**2.2.07** - TB khảo sát hoạt động giảng dạy của GV HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022). Sau thời gian khảo sát Phòng tổng hợp và thống kê kết quả gửi về các Khoa chuyên môn (**2.2.08** - Bảng thống kê kết quả khảo sát hoạt động giảng dạy của từng GV HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022). Các Khoa gửi đến các Giảng viên xem và phản hồi lại kết quả khảo sát từ HSSV. Khoa tổ chức họp và ghi

nhận kết quả khảo sát từ GV (**2.2.09** - *Biên bản họp về việc khảo sát hoạt động giảng dạy của GV HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*). Phòng Quản lý Đào tạo xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo hàng năm. Ngoài ra, còn có sự kiểm tra giám sát hoạt động của phòng Đảm bảo chất lượng theo quy trình ISO 9001:2015 (**2.2.10** - *QĐ ban hành chuẩn đầu ra khóa 2019, 2020, 2021; 2.2.13* - *Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.14* - *Biên bản góp ý giờ giảng NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.15* - *Kế hoạch đánh giá nội bộ NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 1.3.03* - *Đề cương báo cáo kiểm tra nội bộ khoa Cơ khí ô tô NH 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022; 1.3.04* - *Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

- **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm, trước khi bắt đầu năm học mới khoa tiến hành phân công chuyên môn cho giảng viên, giảng viên thực hiện biên soạn giáo án, lịch giảng dạy trước khi bắt đầu giảng dạy. Trong trường sử dụng phần mềm UIS (quản lý đào tạo) để quản lý. GV, HSSV, nhật ký giảng dạy, đánh giá rèn luyện...Giáo viên và HSSV có tài khoản để truy cập và tra cứu được các thông tin về chương trình đào tạo, kết quả thi, kiểm tra. Kết thúc mỗi học kỳ HSSV sẽ đánh giá lại quá trình giảng dạy của GV qua đó phát huy được ưu điểm và khắc phục được nhược điểm trong hoạt động giảng dạy. Mọi hoạt động đào tạo của nhà trường đều được quản lý bằng phần mềm UIS. Nhà trường có phòng máy vi tính để phục vụ đào tạo cho môn có sử dụng máy vi tính như môn AutoCAD. Một số GV trong Khoa có sử dụng các phần mềm mô phỏng, ứng dụng trong quá trình giảng dạy. (**2.2.01** - *QĐ ban hành tiến độ NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.02* - *Giáo án HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.03* - *Lịch giảng dạy HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.04* - *Nhật ký giảng dạy HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.05* - *Tiến độ đào tạo HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.06* - *Thời khóa biểu đào tạo HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.07* - *Kế hoạch khảo sát hoạt động giảng dạy của GV HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.08* - *Phiếu khảo sát hoạt động giảng dạy của từng GV HK1,*

HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.09 - Biên bản họp về việc khảo sát hoạt động giảng dạy của GV HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.10 - Chuẩn đầu ra khóa 2019, 2020, 2021; 2.2.11 - KH phân công GV biên chế HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.12 - KH phân công GV thỉnh giảng HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.13 - Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.14 - Biên bản góp ý giờ giảng NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.15 - Kế hoạch đánh giá nội bộ NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 1.3.03 - Đề cương báo cáo kiểm tra nội bộ khoa Cơ khí ô tô NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 1.3.04 - Báo cáo kết quả kiểm tra nội bộ các đơn vị NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.3.01 - Phần mềm quản lý chương trình đào tạo, môn học, học sinh, điểm UIS; 2.3.02 - Phần mềm giảng dạy thực hành AutoCAD; 2.3.03 - Tài liệu giảng dạy AutoCAD; 2.3.04 - Kế hoạch tập huấn phần mềm chuyên môn của Giảng viên Số 87/KH-CNTĐ-KOT ngày 30/11/2018).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 2.4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

- **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Đào tạo tiệm cận đến doanh nghiệp là chủ trương của nhà trường và của Khoa Cơ khí Ô tô. Hằng năm, Khoa và doanh nghiệp tham gia ký kết và hợp tác trong hoạt động đào tạo, tạo ra nhiều cơ hội để HSSV thực tập tại doanh nghiệp. Mô hình học kỳ doanh nghiệp đã được khoa thực hiện từ Khóa Cao đẳng 2014 đến nay. Khoa Cơ khí Ô tô có mối quan hệ hơn 100 doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực ô tô. Hầu hết các doanh nghiệp đều có nhận định việc đưa các HSSV thực tập doanh nghiệp giúp các HSSV định hình rõ hơn về nghề ô tô giúp HSSV chọn cho mình một hướng đi phù hợp trong tương lai. (2.4.01 - Biên bản ký kết hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021; 2.4.02 - Kế hoạch thực tập DN của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.4.03 - Danh sách thực tập doanh nghiệp của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.4.04 - Chương trình chi tiết môn TTDN khóa NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.4.05 - Nhật ký thực tập doanh nghiệp của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.4.06 - Phiếu đánh giá thực tập doanh nghiệp của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.4.07 - Báo cáo kết quả thực tập doanh nghiệp của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.4.08 - Phiếu vấn đáp kết quả thực tập doanh nghiệp của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021,

2021-2022; **2.4.09** - Kế hoạch thực tập TN của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **2.4.10** - Danh sách thực tập TN của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **2.4.11** - Chương trình chi tiết môn TTTN khóa NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **2.4.12** - Nhật ký thực tập TN của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **2.4.13** - Phiếu đánh giá thực tập doanh nghiệp của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **2.4.14** - Báo cáo kết quả thực tập doanh nghiệp của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **2.4.15** - Phiếu vấn đáp kết quả thực tập doanh nghiệp của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **2.4.16** - Kế hoạch gặp gỡ Tân HSSV Khóa 2019, 2020, 2021)

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

- Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình chi tiết các học phần thể hiện rõ các mục tiêu, nội dung học tập, thời lượng lý thuyết và thực hành. Phương thức đánh giá học phần cũng được thể hiện rõ thông thường mỗi học phần sẽ có hai cột điểm: điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá kết thúc môn học. Đối với điểm đánh giá quá trình được tổ chức kiểm tra lồng ghép trong quá trình học do GV thực hiện đối với lớp. Đối với điểm đánh giá kết thúc môn học sẽ có hình thức thi tập trung sau khi hoàn thành quá trình học tập. HSSV đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 5,5đ trở lên sau khi hoàn thành chương trình học có thể làm đơn xét tốt nghiệp theo đúng quy chế đào tạo và quy trình xét và công nhận tốt nghiệp.

Dựa theo tiến độ chung của nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra, thi, và xét công nhận tốt nghiệp. Trong quá trình thực hiện tổ chức đào tạo, Trường đã xây dựng và ban hành các Quy trình ISO liên quan đến việc thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp phát văn bằng, chứng chỉ để cụ thể hóa các quy định của Trường nhằm đảm bảo thực hiện một cách thống nhất, đồng bộ, nghiêm túc, khách quan và chính xác (**1.2.06** - Quyết định ban hành Quy chế đào tạo bậc Cao đẳng năm 2017; **1.2.07** - Quyết định về việc điều chỉnh Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ năm 2019 số 180/TB-CNTĐ-ĐT ngày 26/09/2019).

Sau khi kết thúc mỗi học kỳ, SV của Khoa sẽ được thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV theo đúng quy định, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công khai, minh bạch (**2.5.01** - Lịch thi NH 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 – 2021; **2.5.02** - Phân công GV coi thi NH 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 – 2021).

Việc xét học vụ, xét và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên được thực hiện đúng quy chế. Nhà trường thành lập hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp có sự tham gia của Phòng Đào tạo và các khoa để chốt danh sách sinh viên được tốt nghiệp và trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên. Sinh viên nộp hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp tại Khoa sau đó Khoa sẽ lập danh sách và gửi phòng đào tạo để ra danh sách công nhận tốt nghiệp(2.5.03 - *Hồ sơ xét tốt nghiệp NH 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 – 2021*; 2.5.04 - *Thông báo xét tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020*; 2.5.05 - *Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020*). Khoa phối hợp với Phòng Công tác Chính trị HSSV đánh giá rèn luyện hàng năm (2.5.06 - *Thông báo đánh giá rèn luyện HK1, HK2 NH 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 – 2021*). Việc đánh giá HSSV một cách công khai và minh bạch theo đúng quy định. Tất cả các hồ sơ học tập được lưu theo đúng quy định.

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

- **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Công tác thanh tra, kiểm tra được xác định là công tác cần thiết và quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường, Khoa. Việc thanh tra, kiểm tra hoạt động dạy - học được nhà Trường thực hiện hằng năm theo kế hoạch (2.2.13 - *Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*;). Phòng Thanh tra – Pháp chế phối hợp các Khoa tổ chức kiểm tra chuyên môn giảng viên thông qua hoạt động thao giảng, dự giờ, kiểm tra hồ sơ giảng dạy của giảng viên. Qua mỗi giờ thao giảng, giảng viên tổ chức góp ý, trao đổi nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy (2.6.01 - *Lịch dự giờ GV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*; 2.2.14 - *Biên bản góp ý giờ giảng NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*;). Các môn học có thi kết thúc môn học sẽ được nhà trường tổ chức thi tập trung theo quy định chung do Phòng Quản lý đào tạo là đơn vị chuyên trách có nhiệm vụ tổ chức thi cho toàn trường đảm nhiệm. Các đề thi đảm bảo thực hiện đúng quy trình, khách quan, đồng nhất, một môn học sẽ được tổ chức thi cùng giờ, cùng đề, trường hợp 1 học phần có nhiều buổi thi thì sẽ đề khác nhau. Sau mỗi đợt thi học kỳ, công tác chấm thi, phúc khảo và công bố điểm được thực hiện theo đúng các quy định, quy trình của Nhà trường, bảo đảm tính thống nhất, khách quan, chính xác, công bằng cho sinh viên (2.6.03 - *Phân công ra đề thi HK1, HK2 năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*; 2.6.04 - *Phân công chấm thi HK1, HK2 năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*;).

Sau đó, Khoa sử dụng kết quả ghi nhận từ phòng Thanh tra - Pháp chế làm căn cứ đánh giá thi đua hàng tháng; Khoa có nhắc nhở điều chỉnh giảng viên đối với các trường hợp có ghi nhận. Sau mỗi học kỳ, Phòng Thanh tra – Pháp chế đều lấy khảo sát, đánh giá của người học về công tác giảng dạy của Giảng viên và GV sẽ phản hồi về hoạt động giảng dạy sau khi nhận kết quả khảo sát từ phòng thanh tra. Sau đó, Khoa sẽ tiến hành họp và phản hồi về đánh giá của HSSV về giảng viên nhằm cải thiện các mặt chưa tốt cũng như phát huy các mặt tốt nhằm khuyến khích động viên giảng viên thực hiện tốt hơn trong giảng dạy cũng như để cán bộ quản lý xem xét điều chỉnh phân công chuyên môn nếu chưa phù hợp. (2.6.02 - Bảng tổng hợp ghi nhận việc thực hiện nhiệm vụ giảng dạy của GV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.09 - Biên bản họp về việc khảo sát hoạt động giảng dạy của GV HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.
--

- Mô tả, phân tích, nhận định:

Các chương trình đào tạo liên thông được thực hiện theo Nội dung văn bản của cơ sở đào tạo hướng dẫn về đào tạo liên thông đúng quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐ-TB&XH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, Cơ sở đào tạo đảm bảo các yêu cầu về đào tạo liên thông quy định tại Thông tư số 27/2017/TT-BLĐ-TB&XH ngày 21/09/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô đã được đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng đối với những ngành, nghề đào tạo liên thông

Khoa có kết hợp với Trung tâm Đào tạo nguồn nhân lực và Hợp tác doanh nghiệp thông báo và tuyển sinh đào tạo liên thông trình độ từ trung cấp lên cao đẳng, từ cao đẳng lên đại học. Chương trình đào tạo có tính liên thông và cập nhật giúp các học viên lĩnh hội thêm kiến thức mới. Khoa có liên kết với các Trường trong khu vực để mở ra nhiều hình thức liên thông. Tuy nhiên do số lượng học viên đăng ký không đủ để mở lớp nên không thực hiện quá trình đào tạo. (2.7.01 – Hợp đồng ký kết liên thông)

- Điểm tự đánh giá: **0 điểm**

2.2.3 Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

+ Mở đầu

Trường Cao đẳng công nghệ Thủ Đức có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng được yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và được đảm bảo quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Trường.

Trường Cao Công nghệ Thủ Đức với đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trẻ, năng động, đáp ứng các yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trường luôn đảm bảo quyền lợi, có các chính sách chế độ đãi ngộ cho giảng viên theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Trường. Trường thực hiện tốt nhiệm vụ tuyển dụng, đào tạo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý để không ngừng nâng cao và tự nâng cao về trình độ và chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định.

Hàng năm, nhà trường có kế hoạch tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định. Khoa sẽ thực hiện theo các thông báo chung của nhà trường và tùy theo nhu cầu, đặc thù của mỗi ngành thì sẽ có kế hoạch cụ thể.

Khoa Cơ khí Ô tô của trường có đội ngũ cán bộ quản lý, Giảng viên, nhân viên đáp ứng được yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo Thông tư số 08/2017/TT-BLĐ-TB&XH Quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và Thông tư số 07/2017/TT-BLĐ-TB&XH quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

Đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên tâm huyết với nghề, nghề và nhiệt tình trong công việc và luôn gương mẫu, hoàn thành tốt các nhiệm vụ do Nhà trường giao. Điều này, giúp Khoa ngày càng đoàn kết, lớn mạnh và phát triển hơn nữa, đặc biệt trong công tác đào tạo.

+ Những điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ các quy chế, quy định, các văn bản hướng dẫn thực hiện về tuyển dụng, bổ nhiệm và phân cấp quyền hạn, trách nhiệm của cán bộ và nhân viên, và giáo viên. Thực hiện các chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên một cách rõ ràng, công khai, bảo đảm minh bạch, công bằng và dân chủ.

Về chính sách đào tạo bồi dưỡng cán bộ, Nhà trường hỗ trợ cả về thời gian và kinh phí, gửi cán bộ, giáo viên đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở các Trường Đại học có uy tín trong và ngoài nước.

Đội ngũ giảng viên đảm bảo đạt chuẩn về năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học theo quy định, cả biên chế và thỉnh giảng.

Giảng viên tham gia giảng dạy hoàn thành tốt các nhiệm vụ do Khoa và nhà trường giao. Các giảng viên giảng dạy trong chương trình đào tạo ngành công nghệ kỹ thuật ô tô có chuyên môn vững, kinh nghiệm giảng dạy lâu năm trong nghề, luôn ý thức và tận tâm với nghề.

+ **Những tồn tại:** Không

+ **Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Trong những năm tới Khoa Cơ khí Ô tô sẽ thực hiện nâng cao năng lực ngoại ngữ, sáng kiến kinh nghiệm và NCKH cho giảng viên.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 3.1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

- **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Khoa Cơ khí Ô Tô quy tụ các giảng viên có trình độ và kinh nghiệm trong lĩnh vực cơ khí ô tô. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên gồm 18 nhân sự bao gồm 16 giảng viên cơ hữu và 2 nhân viên, các giảng viên thỉnh giảng đến từ các trường bạn và đại diện các doanh nghiệp, 100% giảng viên cơ hữu của khoa có trình độ thạc sĩ, 02 nhân viên có trình độ phù hợp với công việc. Đội ngũ cán bộ, giảng viên được đào tạo cơ bản, đảm bảo đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học phù hợp công tác giảng dạy. Đối chiếu với thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Nhà giáo tham gia giảng dạy CTĐT ngành CKOT đủ chuẩn về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm theo quy định. **(3.1.01 - Danh sách tổng hợp GV năm 2019, 2020, 2021; 3.1.04 - Hồ sơ quản lý nhà giáo).**

Hàng năm, khoa có làm đề nghị tuyển dụng giảng viên, làm văn bản báo cáo tổng kết, biên bản thanh kiểm tra có nội dung về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo cũng như các ý kiến của nhà giáo và cán bộ quản lý. **(3.1.02 - Bảng đăng ký tuyển dụng GV năm 2019, 2020, 2021; 3.1.03 - Báo cáo kết quả kiểm tra nội bộ các đơn vị NH 2019- 2020, 2020 – 2021, 2021-2022).**

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

- Mô tả, phân tích, nhận định:

Tập thể CB-GV-NV Khoa Cơ Ô tô cơ bản đảm bảo các tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ, được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ thường xuyên và thực hiện công việc theo đúng quy định được phân công. Trước khi bắt đầu năm học, Khoa và Bộ môn có tổ chức họp và phân công giảng dạy cho giảng viên biên chế và thỉnh giảng **(3.1.01 - Danh sách tổng hợp GV năm 2019, 2020, 2021; 2.2.11 - KH phân công GV biên chế HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020- 2021, 2021- 2022; 2.2.12 - KH phân công GV thỉnh giảng HK2 NH 2020 – 2021, 2021-2022).**

Tập thể CB-GV-NV Khoa Cơ Ô tô luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường Cao Đẳng. Nhà trường quy định rõ các tiêu chuẩn thi đua tháng, học kỳ và năm học.

Hàng năm, Khoa đều thực hiện việc đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện xét và đề nghị công nhận danh hiệu thi đua cho tất cả CBGVNV trong Khoa **(1.3.03 - Đề cương báo cáo kiểm tra nội bộ khoa Cơ khí ô tô NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022).**

Kế hoạch đăng ký thi đua phần đầu trong năm học thường được tập thể thống nhất trước khi bắt đầu năm học mới. Những nhiệm vụ đặt ra trong kế hoạch giúp các GV trong khoa chủ động trong việc thi đua. 100% giảng viên của Khoa Cơ khí Ô tô và thỉnh giảng thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng dạy theo đúng kế hoạch được phân công. Lịch giảng dạy - Nhật ký giảng dạy; Giáo án lên lớp. Giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng luôn hoàn thành mọi nhiệm vụ được khoa và nhà trường giao **(2.2.13 - Kế hoạch dự giờ dạy của GV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.14 - Biên bản góp ý giờ giảng NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022).**

Kết thúc mỗi năm học Khoa đều tổ chức cho các GV tự đánh giá phân loại viên chức theo đúng quy định. **(3.2.01 - Biên bản xét thi đua tháng; 3.2.02 - Kết quả tổng hợp thi đua quý; 3.2.03 - Kết quả tổng hợp thi đua năm 2019, 2020, 2021; 1.2.01 - QĐ**

công nhận danh hiệu thi đua tập thể NH 2019 - 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 3.2.04 - Tổng hợp đánh giá xếp loại nhà giáo năm 2019 –2020, 2020 –2021, 2021-2022).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

- Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện theo Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, nhà trường ban hành Quy chế giờ dạy của giảng viên quy định nghĩa vụ giảng dạy và các nhiệm vụ khác của giảng viên. *(3.1.01 - Danh sách tổng hợp GV năm 2019, 2020, 2021; 1.3.04 - Báo cáo kết quả kiểm tra nội bộ các đơn vị NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 3.3.01 - Quy định chế độ làm việc của GV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022).*

Hàng năm Phòng quản lý đào tạo công bố tiến độ đào tạo năm học đến các phòng, khoa, trung tâm và đăng lên website để toàn thể CB, GV, NV và HSSV đều biết. Đầu năm học, khoa lập kế hoạch phân công chuyên môn cho giảng viên giảng dạy theo từng môn học. Có danh sách người học từng lớp, có bảng thống kê giờ giảng của nhà giáo hàng năm. Hàng tháng, các khoa lập bảng thống kê giờ dạy về phòng quản lý đào tạo để tính số tiết thực dạy cho GV. *(1.1.11 - Kế hoạch đào tạo NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.05 - Tiến độ đào tạo HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.06 - Thời khóa biểu đào tạo HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 3.3.02 - Danh sách HSSV theo lớp học phần HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022).*

Khoa đảm bảo tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo theo Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ, quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Tất cả các học phần thuộc chương trình đào tạo có đầy đủ các giảng viên tuy nhiên những năm gần đây số lượng HSSV tham gia theo học ngành ô tô tăng đột biến do nhu cầu của xã hội dẫn đến tỷ lệ GV/ HSSV nhiều hơn so với quy định nhưng việc học và đánh giá vẫn tổ chức khách quan đảm bảo năng lực của HSSV sau khi tốt nghiệp. *(3.3.03 - Bảng thống kê giờ dạy của GV năm 2019, 2020, 2021).*

BẢNG TÍNH SỐ HỌC SINH SINH VIÊN QUY ĐỔI

Trình độ đào tạo	Năm		
	2019	2020	2021
	<i>(tính đến tháng 31/12/2019)</i>	<i>(tính đến tháng 31/12/2020)</i>	<i>(tính đến tháng 31/12/2021)</i>
Cao đẳng	613	615	616
Số lượng GV	25	25	25
Tỷ lệ SV/Giảng viên	24.52	24.6	24.64

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

- Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường tổ chức hội giảng cấp khoa, trường, giáo viên đã tham gia hội giảng. Thông qua hội giảng các giáo viên có điều kiện để trao đổi chuyên môn, kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy. Các giáo viên đạt giải cấp trường được cử đi tham gia hội giảng giáo viên dạy giỏi các cấp. Nhiều giáo viên của trường đạt giải trong các kỳ thi hội giảng cấp thành phố và toàn quốc. Ngoài ra, giáo viên của trường còn tích cực tham gia nghiên cứu, chế tạo các mô hình, thiết bị dạy nghề và được đánh giá cao qua các hội thi thiết bị dạy nghề tự làm cấp thành phố và toàn quốc. **(3.1.01 - Danh sách tổng hợp GV năm 2019, 2020, 2021; 3.4.01 - Quy chế công tác hoạt động NCKH năm 2019, 2020, 2021; 3.4.02 - Kế hoạch NCKH năm 2019, 2020, 2021; 3.4.03 - Danh sách đăng ký công trình NCKH NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022).**

Công tác nghiên cứu khoa học luôn được Nhà trường quan tâm, chú trọng. Trong những năm qua giáo viên luôn tích cực tham gia và đã đạt được những kết quả quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học. Cùng với nhiệm vụ giảng dạy, Khoa CKOT xem hoạt động NCKH cũng là nhiệm vụ quan trọng. Các hoạt động nghiên cứu đã góp phần thiết thực vào công tác đào tạo của Khoa. Trên 60% giáo viên trong khoa có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tiến đồ dùng, thiết bị dạy học và tham gia nghiên cứu khoa học và tỷ lệ này ngày càng tăng lên. **(3.4.04 - Báo cáo công trình NCKH NH 2019 –2020, 2020–2021, 2021-2022; 3.4.05 - Kết quả nghiệm thu công trình NCKH 2019–2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 3.4.06 - CV 8955/SLĐTBXH-**

GDNN ngày 23/03/2020 về việc đăng ký tham gia hội giảng nhà giáo GDNN cấp thành phố năm 2020, 2021; 3.4.07 - Danh sách GV đăng ký tham gia hội giảng nhà giáo GDNN cấp thành phố năm 2020, 2021).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 3.5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

- **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường thực hiện và làm tốt công tác bồi dưỡng đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ giảng viên đảm bảo phù hợp với quy mô, xu thế phát triển và hội nhập. (3.5.01 - Danh sách đăng ký tham dự khóa bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề cho GV dạy nghề năm 2018; 3.5.02 - Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3; 3.5.03 - Danh sách đăng ký tham dự tập huấn thiết kế chương trình đào tạo chuẩn quốc tế năm 2019).

Nhà trường luôn đặt việc nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn lên hàng đầu. Hàng năm nhà trường đều cho giảng viên tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng chuyên môn theo quy định. Giảng viên luôn có ý thức nâng cao nghiệp vụ chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu giảng dạy thực tế cho sinh viên, giảng viên thực hiện báo cáo kết quả học tập, bồi dưỡng và nộp các văn bằng, chứng chỉ sau khi hoàn thành khóa bồi dưỡng. (3.5.04 - Giấy chứng nhận hoàn thành khóa tập huấn thiết kế chương trình đào tạo chuẩn quốc tế năm 2019; 3.5.05 - Quyết định cử cán bộ tham dự tập huấn về quy trình/công cụ “Nguyên lý và phương pháp thiết kế chuẩn đầu ra năm 2020”; 3.5.06 - Báo cáo kết quả tập huấn về quy trình/công cụ “Nguyên lý và phương pháp thiết kế chuẩn đầu ra năm 2020”; 3.5.07 - Quyết định cử cán bộ tham dự tập huấn “Phương thức triển khai DACUM và hình thành chuẩn năng lực từ DACUM năm 2020”; 3.5.08 - Báo cáo kết quả tập huấn “Phương thức triển khai DACUM và hình thành chuẩn năng lực từ DACUM năm 2020”).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

- **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm, để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định, khoa Cơ khí Ô tô đã tổ chức cho giáo viên nghề công nghệ kỹ thuật ô tô đi tham quan và thực tập thực tế ở các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, cơ sở thực tập để bổ sung kinh nghiệm nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu giảng dạy theo kế

hoạch chung của Trường. Khoa Cơ khí Ô tô tiếp nhận đăng ký của GV, tổng hợp và lập kế hoạch trình đơn vị là Trung tâm Đào tạo nguồn nhân lực & Hợp tác doanh nghiệp và Hiệu trưởng ký duyệt. (3.1.01 - *Danh sách tổng hợp GV năm 2019, 2020, 2021*; 3.6.01 - *KH thực tập DN của Giảng viên NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*; 3.6.02 - *Bảng mô tả công việc đi thực tập tại DN của Giảng viên NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*).

Sau khi thực hiện công tác thực tập tại doanh nghiệp, Khoa lập báo cáo kết quả giảng viên cho Trung tâm Đào tạo Nguồn Nhân lực & Hợp tác doanh nghiệp dựa trên nhận xét, đánh giá của doanh nghiệp. Thông qua các đợt thâm nhập thực tế, giảng viên có điều kiện tiếp cận công nghệ mới với hoạt động sản xuất tại doanh nghiệp, qua đó bổ sung thêm nhiều kinh nghiệm cho hoạt động giảng dạy tại Trường. (3.6.03 - *Nhật ký thực tập tại DN của Giảng viên NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*; 3.6.04 - *Báo cáo kết quả thực tập tại DN của Giảng viên NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*; 3.6.05 - *Phiếu nhận xét kết quả thực tập DN của Giảng viên NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

- **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Cán bộ quản lý của Khoa có năng lực lãnh đạo, có phẩm chất đạo đức. Các chức danh đang đảm nhiệm đều đạt chuẩn về trình độ, có năng lực trong chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, nhạy bén trong việc xử lý các công việc của Khoa và Nhà trường. Hiện tại cán bộ quản lý và nhân viên phục vụ cho ngành CKOT là 6 người, trong đó có 4 cán bộ quản lý (CBQL) trình độ thạc sĩ và hai nhân viên đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định. Được đào tạo và bồi dưỡng hàng năm theo đúng quy định. (3.7.01 - *Danh sách CBQL và nhân viên năm 2019, 2020, 2021*; 3.7.02 - *Bảng phân công công việc của khoa Cơ khí ô tô năm 2019, 2020, 2021*).

Hàng năm, giảng viên thực hiện phiếu nhận xét đánh giá và phân loại viên chức, khoa tiến hành họp tổng kết công tác thi đua năm học. Phiếu phân loại nhà giáo và phiếu đánh giá viên chức của cá nhân được lưu giữ tại phòng Tổ chức - Nhân sự. (3.2.01 - *Biên bản xét thi đua tháng*; 3.2.03 - *Kết quả tổng hợp thi đua năm 2019, 2020, 2021*; 3.2.04 - *Tổng hợp đánh giá xếp loại nhà giáo năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

- Mô tả, phân tích, nhận định:

Cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên trong khoa luôn thực hiện tốt các nghĩa vụ được giao và được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường Cao Đẳng. Nhà trường quy định rõ các tiêu chuẩn thi đua tháng, học kỳ và năm học. Căn cứ vào quy định trên, Khoa tổ chức họp và xét thi đua hằng tháng cho giảng viên, hằng học kỳ, hằng năm. Cán bộ quản lý và nhân viên đảm bảo 100% về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đáp ứng yêu cầu công tác, 100% các đơn vị trong trường hoàn thành nhiệm vụ được giao. (3.2.01 - *Biên bản xét thi đua tháng*; 3.2.03 - *Kết quả tổng hợp thi đua năm 2019, 2020, 2021*; 3.2.04 - *Tổng hợp đánh giá xếp loại nhà giáo năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*).

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ và kết quả hoạt động của các giảng viên được khoa đánh giá, Nhà trường, hội đồng thi đua Nhà trường tiến hành họp và tổ chức đánh giá nhận xét, đánh giá và phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động.

Hàng năm, giảng viên thực hiện phiếu nhận xét đánh giá và phân loại viên chức, khoa tiến hành họp tổng kết công tác thi đua năm học. Phiếu phân loại nhà giáo và phiếu đánh giá viên chức của cá nhân được lưu giữ tại phòng Tổ chức - Nhân sự. (3.8.01 - *Phiếu đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo*; 3.8.02 - *Kết quả xét thi đua của CBQL và nhân viên*; 1.2.11 - *Báo cáo tổng kết của nhà trường năm 2019, 2020, 2021*).

Kết quả phân loại CBCCVC hàng năm cho thấy đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên Khoa có tinh thần trách nhiệm trong công tác, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (3.7.01 - *Danh sách CBQL và nhân viên năm 2019, 2020, 2021*; 3.7.02 - *Bảng phân công công việc của khoa Cơ khí ô tô năm 2019, 2020, 2021*; 3.8.02 - *Kết quả xét thi đua của CBQL và nhân viên*; 1.2.01 - *QĐ công nhận danh hiệu thi đua tập thể NH 2019 - 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*; 3.2.04 - *Tổng hợp đánh giá xếp loại nhà giáo năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

2.2.4 Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Chương trình đào tạo của khoa thực hiện theo hệ thống tin chỉ, tích hợp giữa việc truyền đạt kiến thức và kỹ năng cho người học.

Chương trình theo hệ thống tin chỉ giúp người học chủ động lên kế hoạch học tập phù hợp. Người học có thể kéo dài thời gian học tập hoặc rút ngắn thời gian học tập tùy vào điều kiện cá nhân.

Chương trình đào tạo được cập nhật hàng năm; xác định được mục tiêu, kiến thức, kỹ năng và có tính liên thông chặt chẽ giữa các bậc học. Nhằm tạo điều kiện cho người học cập nhật nâng cao trình độ ở bậc cao hơn và rút ngắn được thời gian học tập, không cần phải học lại những học phần đã học ở bậc thấp, có số tín chỉ tương đương.

Nguồn tài liệu giáo trình giảng dạy được đội ngũ giảng viên của khoa biên soạn chi tiết, cụ thể đáp ứng được nhu cầu về kiến thức chuyên môn, kỹ năng tay nghề và nhu cầu của doanh nghiệp.

+ Những điểm mạnh:

Chương trình đào tạo khoa phối hợp cùng doanh nghiệp trong công tác rà soát, xây dựng mới chương trình đào tạo và cập nhật hàng năm, đào tạo liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp, nhằm giúp cho sinh viên trong quá trình học đã tiếp cận được với doanh nghiệp tạo thuận lợi và giải quyết được việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Khoa tổ chức xây dựng, biên soạn, nghiệm thu, phê duyệt chương trình đào tạo đúng theo hướng dẫn.

Giáo trình đào tạo định kỳ được rà soát để điều chỉnh và bổ sung dựa trên đánh giá và góp ý từ các doanh nghiệp, giảng viên trường bạn, cựu sinh viên và sinh viên đang theo học.

Trường có đầy đủ các chương trình đào tạo và giáo trình giảng dạy đáp ứng được mục tiêu đào tạo của từng ngành.

Khoa và bộ môn biên soạn chương trình đào tạo đã xác định được danh mục và thời lượng của từng môn học, mô đun tương ứng với phương thức đào tạo; thời gian học lý thuyết và thời gian học thực hành, thực tập.

Thư viện điện tử của trường cung cấp nhiều loại tài liệu tham khảo cho giảng viên và học sinh-sinh viên tham khảo.

+ Những tồn tại:

Các tài liệu phục vụ giảng dạy do Khoa biên soạn chưa nhiều, chủ yếu là tài liệu do các nhà xuất bản hoặc của các trường khác.

+ Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Tăng cường công tác biên soạn tài liệu phục vụ dạy - học .

Tăng cường bổ sung, cập nhật, đánh giá, thẩm định và biên soạn mới giáo trình giảng dạy cho các học phần còn lại.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	24
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2
Tiêu chuẩn 9	2
Tiêu chuẩn 10	2
Tiêu chuẩn 11	2
Tiêu chuẩn 12	2

Tiêu chuẩn 4.1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định
+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành theo quy định tại các Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017. **(4.1.01 - TB về việc xây dựng Chương trình đào tạo và Kế hoạch đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo khóa tuyển sinh năm 2020 Số 14/KH-CNTĐ-ĐT ngày 24/02/2020;** Ban chủ nhiệm/ban biên soạn chương trình đào tạo được thành lập để biên soạn và chịu trách nhiệm về việc xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo **1.1.04 - Quyết định thành lập Ban biên soạn, chủ nhiệm chương trình đào tạo khóa 2019,2020,2021;** Căn cứ vào điều 7 (Quy trình về thẩm định chương trình đào tạo) theo thông tư số 03/2017/TT – BLĐTBXH. **4.1.02 - Biên bản họp của Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo khóa 2019,2020,2021;** Sau khi hoàn thành việc biên soạn các CTĐT, các chương trình môn học **4.1.03 - Kế hoạch điều chỉnh chương trình chi tiết khóa tuyển sinh năm 2020 số 5A/KH-CNTĐ-KOT ngày 02/03/2020;** Nhà trường đã ra quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo. Để đảm bảo việc cập nhật nội dung, chương trình giáo dục được định kỳ đánh giá, bổ sung, điều chỉnh dựa trên đánh giá và góp ý từ các doanh nghiệp, giảng viên trường bạn, cựu sinh viên và sinh viên đang theo học **1.1.08 - QĐ thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo khóa 2019,2020, 2021; 1.1.10 - Biên bản thẩm định CTĐT năm 2019,2020, 2021;**

Căn cứ kết quả thẩm định chương trình đào tạo, Nhà trường đã ban hành Chương trình đào tạo theo đúng theo điều 8 của thông tư thông tư số 03/2017/TT –BLĐTBXH **1.1.03 - QĐ ban hành chương trình đào tạo khóa 2019,2020, 2021; 1.1.01 - Chương trình khung khóa 2019,2020, 2021; 1.1.02 - Chương trình chi tiết khóa 2019,2020, 2021).** **4.1.04 - Thư mời đại diện doanh nghiệp góp ý dự thảo chương trình đào tạo**

nghề ...Nhu cầu học tập để phát triển của người học là rất lớn, do đó các chương trình giáo dục cũng cần được thiết kế theo hướng linh hoạt, liên thông hợp lý giữa các trình độ, các phương thức tổ chức đào tạo và các chương trình đào tạo khác.

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2017 chương trình đào tạo nghề Công nghệ Kỹ thuật Ô Tô được xây dựng và điều chỉnh theo quy định của Bộ Lao Động – Thương binh và Xã hội và của nhà trường có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành; *(4.1.01 - Kế hoạch đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo khóa tuyển sinh năm 2020 Số 14/KH-CNTĐ-ĐT ngày 24/02/2020; 1.1.04 - Quyết định ban hành Quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo Số 13/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 24/02/2020; nghiệm thu do hội đồng thẩm định chương trình – giáo trình gồm các chuyên gia và nhà doanh nghiệp đánh giá; 4.1.05 - Kế hoạch điều chỉnh chương trình chi tiết khóa tuyển sinh năm 2020 số 5A/KH-CNTĐ-KOT ngày 02/03/2020; Thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của các doanh nghiệp đang sử dụng lao động trong ngành ô tô.; 1.1.06 - QĐ thành lập Ban chủ nhiệm đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo số 91/QĐ-CNTĐ-NS ngày 12/03/2020; Sau khi được thẩm định, chương trình nghề Công nghệ Kỹ thuật Ô Tô được nghiệm thu; 1.1.07 - Biên bản họp đánh giá hiệu chỉnh CTĐT năm 2017, 2020; 1.1.08 - QĐ thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo 2017, 2020; 1.1.09 - Phiếu thẩm định CTĐT năm 2017, 2020; 1.1.10 - Biên bản thẩm định CTĐT năm 2020; Hiệu trưởng phê duyệt cho phép giảng dạy với cao đẳng nghề và liên thông từ trung cấp lên cao đẳng. Chương trình nghề Công nghệ Kỹ thuật Ô Tô đã được các chuyên gia, các doanh nghiệp đánh giá chương trình đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp; 1.1.03 - QĐ ban hành chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021; 1.1.01 - Chương trình khung khóa 2019, 2020, 2021; 1.1.02 - Chương trình chi tiết khóa 2017, 2018, 2019, 2020).*

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô Tô có thể hiện định mức khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành *(1.1.03 - QĐ ban hành chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021; . Nội dung các hệ thống trên ô tô được đào tạo từ cơ bản đến nâng cao theo các phân nhóm môn như: Động cơ, khung gầm, điện thân xe và điều hòa không khí ô tô. Các môn học được đào tạo theo hướng tích hợp lý thuyết kết hợp thực hành. 1.1.01 - Chương trình khung khóa 2019, 2020, 2021; 1.1.02 - Chương trình chi tiết khóa 2019, 2020, 2021. Giúp HSSV lĩnh hội các kiến thức, kỹ năng để thực hành một năng lực cụ thể yêu cầu của từng môn học. Thời lượng trung bình thực hành chiếm từ 70% so với khối lượng lý thuyết. Thể hiện được các năng lực cần có của HSSV và chuẩn đầu ra của HSSV tốt nghiệp. 4.3.02 - Chuẩn đầu ra trình độ Cao đẳng khóa 2019, 2020, 2021.*

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ thông tư Thông tư Số 03/2017/TT-BLĐ-TB&XH ngày 1/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. *1.1.03 - QĐ Ban hành chương trình đào tạo khóa, 2019, 2020, 2021; 1.1.01 - Chương trình khung khóa 2019, 2020, 2021; 1.1.02 - Chương trình chi tiết khóa 2019, 2020, 2021)*

Căn cứ Thông tư Số 12/2017/TT-BLĐ-TB&XH ngày 20/04/2017 Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ Thuật Ô Tô tại Trường Cao Đẳng Công Nghệ Thủ Đức thể hiện được sự phân bổ thời gian, tiến trình tự thực hiện các môn học và được đào tạo theo tiến độ chung của nhà trường để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục cung ứng nhân lực cho ngành ô tô. *Biên bản góp ý sự phù hợp về phân bổ thời gian, trình tự đào tạo các môn học của chương trình năm 2019, 2020, 2021; 2.2.01 - QĐ ban hành tiến độ NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.05 - Tiến độ đào tạo HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022.*

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Trang thiết bị, vật tư tại các xưởng thực hành đầy đủ và hiện đại. Tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tham gia học tập, thực hành. *4.5.01 - Bảng thống kê số lượng phòng học thực hành năm 2019, 2020, 2021; 4.5.02 - Phiếu đề nghị vật tư năm 2019, 2020, 2021).* Giảng viên cả biên chế và thỉnh giảng đáp ứng đủ yêu cầu về chuyên môn để giảng dạy nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. *3.1.01 - Trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học.* Các CBGV được phân công giảng dạy chuyên môn hóa một nhóm bộ môn: động cơ, gầm, điện thân xe, điện lạnh ô tô. *3.1.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; môn học đang giảng dạy; Toàn bộ các môn học trong chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô Tô. 1.1.03 - QĐ ban hành chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021; 1.1.01 - Chương trình khung khóa 2019, 2020, 2021; 1.1.02 - Chương trình chi tiết khóa 2019, 2020, 2021.* Có thể hiện số lượng trang thiết bị, dụng cụ, sơ đồ nhà xưởng phục vụ cho việc giảng dạy môn học. *4.5.02 - Danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu so với quy định cho nghề; 4.5.03 - Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng thực hành; 4.5.01 - Bảng danh sách các phòng thực hành, thực tập của Khoa; 4.5.04 - Sơ đồ xưởng thực hành ...*

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Mỗi chương trình đào tạo, **1.1.03 - QĐ ban hành chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021; 1.1.01 - Chương trình khung khóa 2019, 2020, 2021; 1.1.02 - Chương trình chi tiết khóa 2019, 2020, 2021).** đều thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học qua việc kiểm tra giữa kỳ, kiểm tra kết thúc môn đối với các học phần thực tập và thi cuối kỳ đối với các học phần lý thuyết, tích hợp. **4.6.03 - Biên bản họp góp ý sự phù hợp phương pháp đánh giá kết quả học tập, mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học năm 2019, 2020, 2021.** Mỗi mô đun tích hợp cả kiến thức và kỹ năng giúp người học sau khi hoàn thành một mô đun có năng lực thực hiện thành thạo một công việc của một nghề. Người học sau khi học xong mỗi mô đun đều phải thi kết thúc mô đun và đạt yêu cầu. Do đó, việc không tổ chức thi tốt nghiệp cuối khóa vẫn đảm bảo để người học đạt được mục tiêu dạy nghề của chương trình đào tạo. **4.6.02 - Điểm thi kết thúc học phần năm 2019, 2020, 2021.** Toàn bộ các môn học chuyên ngành được giảng dạy tích hợp và đánh giá kết quả học tập thông qua các bài thực hành tại lớp và các bài thi lý thuyết tập trung khi kết thúc mỗi một học kỳ. **4.6.01 - Bảng điểm quá trình (Mẫu 4) năm 2019, 2020, 2021.** Phương pháp đánh giá trực tiếp, khách quan, minh bạch luôn được chú trọng trong Khoa.

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 4.7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo hàng năm được xây dựng, lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định chung của tổng cục cho từng ngành nghề và theo nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp, để đảm bảo việc cập nhật nội dung, kiến thức được cập nhật bổ sung, điều chỉnh dựa trên đánh giá và góp ý từ hội đồng thẩm định và từ các doanh nghiệp, giảng viên trường bạn, cựu sinh viên và sinh viên đang theo học tại khoa. TB về việc xây dựng Chương trình đào tạo và Kế hoạch đào tạo năm 2019, 2020, 2021. **1.1.04 - Quyết định ban hành Quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo Số 13/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 24/02/2020; 1.1.05 - Kế hoạch điều chỉnh chương trình chi tiết khóa tuyển sinh năm 2020 số 5A/KH-CNTĐ-KOT ngày 02/03/2020;** Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ. **4.7.05 - Biên bản họp khoa góp ý xây dựng chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021; 4.7.04 - Báo cáo phân tích thị trường lao động năm 2019, 2020, 2021; 4.7.04 - Dự báo nhu cầu nhân lực năm 2020, 2021, 2022 tại TP HCM,**

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo được xây dựng hợp lý bao gồm các môn học chung, các môn học cơ sở, và các kiến thức chuyên ngành. Nội dung chương trình môn học đều xây dựng theo hướng liên thông từ trình độ trung cấp, cao đẳng và trình độ đại học (**Quyết định ban hành Chương trình đào tạo liên thông cho khóa 2019, 2020, 2021; 4.3.02 - Chương trình chi tiết môn học các khóa 2019, 2020, 2021).**

Chương trình đào tạo liên thông của trường được thiết kế trên cơ sở so sánh giữa chương trình đào tạo ở 2 trình độ trung cấp và cao đẳng từ đó, bổ sung các học phần còn thiếu, thời lượng còn thiếu của các học phần nhằm đạt được các mục tiêu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ cao đẳng **4.7.02** - *Quyết định về việc công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ của sinh viên cao đẳng liên thông khóa 2019, 2020, 2021*

Các chương trình đào tạo liên thông được thực hiện theo Nội dung văn bản của cơ sở đào tạo hướng dẫn về đào tạo liên thông đúng quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐ-TB&XH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, Cơ sở đào tạo đảm bảo các yêu cầu về đào tạo liên thông quy định tại Thông tư số 27/2017/TT-BLĐ-TB&XH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp. Nghề CNKT ô tô đã được đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng đối với những nghề, nghề đào tạo liên thông. **4.8.01** - *Kế hoạch tuyển sinh cao đẳng liên thông năm 2019, 2020, 2021; Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc Hội đồng tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021*);

Ngoài ra, tất cả các chương trình đào tạo của trường còn được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các chương trình đào tạo trong hệ thống giáo dục đại học. Sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng của trường được dự thi liên thông lên trình độ đại học ở các trường đại học khác có đào tạo cùng nghề như: Trường Đại học GTVT Tp.HCM (*Công văn của trường ĐH GTVT Tp.HCM về liên kết hỗ trợ đào tạo đại học vừa học vừa làm; Biên bản ghi nhớ của trường ĐH GTVT về việc liên kết hỗ trợ đào tạo đại học hình thức vừa học vừa làm.*).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2016 trở về trước, Nhà trường tổ chức xây dựng, ban hành chương trình đào tạo theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Theo đó, mỗi chương trình đào tạo đều phải có danh mục tài liệu, giáo trình phục vụ giảng dạy đáp ứng theo yêu cầu của chương trình đào tạo. Danh mục tài liệu, giáo trình này được Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra trực tiếp về chủng loại, số lượng tại thư viện của trường và lập biên bản đánh giá khi đạt các yêu cầu. **4.9.02** - *Quyết định ban hành Quy định biên soạn, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh giáo trình đào tạo năm; kèm theo Quy định*

Chương trình đào tạo của Khoa Cơ khí Ô tô từ bậc trung cấp lên cao đẳng có đầy đủ các chương trình chi tiết, giáo trình cho từng bậc đào tạo. Được biên soạn theo đúng mẫu quy định và thẩm định theo đúng quy trình. (**1.1.03** - *QĐ ban hành chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021*;

Từ khóa tuyển sinh năm 2017, nhà trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành theo đúng quy định của Thông tư số 03/2017/TT – BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. **4.9.03** - *Quyết định ban hành Danh mục giáo trình đào tạo/Tài liệu giảng dạy trình độ CĐ năm 2019, 2020, 2021*

Ngoài ra, để tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên, học sinh – sinh viên tra cứu tài liệu, nhà trường còn có trang đọc sách trực tuyến với nhiều tài liệu liên quan đến các lĩnh vực đào tạo tại trường - <http://lib.tdc.edu.vn/Default.aspx?>).

Sau mỗi mô-đun, môn học của chương trình đào tạo đều có danh sách giáo trình tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Tất cả các giáo trình đào tạo do CBGV biên soạn đều có bản in và được lưu trữ tại Trung tâm thông tin Thư viện. Trung tâm thông tin Thư Viện đã kiểm tra danh mục Hiệu Trưởng phê duyệt theo năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021- 2022 Trung tâm thư viện đã lưu đủ. (4.9.01 - *Danh sách thống kê giáo trình cho từng môn học năm, 2019, 2020, 2021*; 4.9.02 - *Bản in giáo trình giảng dạy của học phần...*)

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Khoa tổ chức xây dựng, lựa chọn giáo trình đào tạo để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức các học phần của tất cả các ngành đào tạo. Trên cơ sở chương trình đào tạo, bao gồm chương trình đào tạo và chương trình chi tiết (1.1.03 - QĐ ban hành chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021; 1.1.01 - Chương trình khung khóa 2019, 2020, 2021; 1.1.02 - Chương trình chi tiết khóa 2019, 2020, 2021; thì 100% giáo trình đào tạo được tổ chức biên soạn, thẩm định, duyệt và sử dụng theo quy định của Thông tư số 03/2017/TT – BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. 4.10.01 - QĐ thành lập HĐ lựa chọn, thẩm định GTĐT năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 4.10.02 - QĐ thành lập HĐ nghiệm thu GTĐT 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 4.10.03 - QĐ ban hành danh mục GTĐT NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022). Sau khi tổ chức biên soạn, thẩm định và thông qua báo cáo của phòng Khoa học Công nghệ để Hiệu trưởng nhà trường xem xét, làm căn cứ quyết định phê duyệt và sử dụng Các giáo trình đào tạo do CBGV biên soạn đều có bản in và được lưu trữ tại Trung tâm thông tin Thư viện. 4.9.01 - *Danh sách thống kê giáo trình cho từng môn học năm 2019, 2020, 2021*; 4.9.02 - *Bản in giáo trình giảng dạy của học phần*;

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào chương trình đào tạo ngành CNKTOT đã được Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành (1.1.01 - *Chương trình khung và chương trình chi tiết đào tạo năm, 2019, 2020, 2021*; 1.1.03 - *QĐ ban hành chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021*; 1.1.01 - *Chương trình khung khóa, 2018, 2019, 2020*; 1.1.02 - *Chương trình chi tiết khóa 2019, 2020, 2021*; hàng năm khoa CNKT Ô TÔ tổ chức phân công giảng viên biên soạn giáo trình đào tạo.

Tất cả các học phần của chương trình đào tạo của khoa, đang từng bước được triển khai bằng các tài liệu giảng dạy nội bộ. Tài liệu giảng dạy được biên soạn bởi các

giảng viên chuyên môn cao trực tiếp giảng dạy, giảng viên có nghiệp vụ sư phạm tốt, cập nhật các phương pháp giảng dạy mới và biên soạn tài liệu bám sát chương trình chi tiết và được biên soạn theo hướng mở các phương pháp giảng dạy tích cực. Nhằm phát huy hết năng lực của giảng viên và khả năng ứng dụng các phương pháp mới mang tính hiệu quả cao.

Từ khóa tuyển sinh năm 2017, nhà trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành theo đúng quy định của Thông tư số 03/2017/TT – BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức (**4.9.02** - *Bản in giáo trình giảng dạy của học phần*;; **4.11.01** - *Biên bản thẩm định GTĐT NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*;). Theo đó các giáo trình đào tạo được đánh giá chất lượng với các tiêu chí sự tương ứng với chương trình, đảm bảo mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thời lượng của từng học phần (**4.11.02** – *Quy định tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức*).

Trên cơ sở Đề xuất của Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo (**4.10.01** - *QĐ thành lập HĐ lựa chọn, thẩm định GTĐT NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*;; **4.9.05** - *Biên bản họp hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo năm 2019, 2020, 2021*), sau khi tổ chức thẩm định và thông qua báo cáo của phòng Khoa học Công nghệ để Hiệu trưởng nhà trường xem xét, làm căn cứ quyết định phê duyệt và sử dụng (**4.9.06** - *Quyết định ban hành Danh mục giáo trình đào tạo/Tài liệu giảng dạy trình độ CĐ năm 2019, 2020, 2021*).

Bản in giáo trình sử dụng trong chương trình đào tạo ngành CNKTOT được lưu trữ tại Trung tâm Thông tin Thư viện (**4.9.03** - *Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT*).

Ngoài ra, để tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên, học sinh – sinh viên tra cứu tài liệu, nhà trường còn có trang đọc sách trực tuyến với nhiều tài liệu liên quan đến các lĩnh vực đào tạo tại trường. (**4.9.02** - *Danh mục giáo trình, tài liệu giảng dạy*; **4.9.07** - <http://lib.tdc.edu.vn/Default.aspx?ModuleId=706c7baa-8aab-4c9c-a64c0c6540a1b6b>).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Giáo trình của Khoa Cơ khí Ô tô được biên soạn dựa trên chương trình chi tiết của từng môn học do các GV có chuyên môn và kinh nghiệm lâu năm biên soạn. **1.1.01** - *Chương trình khung khóa 2019, 2020, 2021*; **1.1.02** - *Chương trình chi tiết khóa 2019, 2020, 2021*; Toàn bộ nội dung giáo trình phục vụ cho từng môn học được cập nhật theo sự phát triển của ngành ô tô giúp HSSV tiếp cận được với công nghệ. Nội dung của giáo trình được biên soạn theo bố cục lý thuyết kết hợp với thực hành để phù hợp với phương pháp đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực. (**1.1.03** - *QĐ ban hành chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021*; **4.11.01** - *Biên bản thẩm định GTĐT NH 2019 - 2020, 2020 – 2021 - 2021, 2022*; **4.9.01** - *Danh sách thống kê giáo*

trình cho từng môn học năm 2019, 2020, 2021; **4.9.02** - Bảng in giáo trình giảng dạy của học phần).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

2.2.5 Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

+ Mở đầu

Để thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức xem việc đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, điều kiện làm việc cũng là nhiệm vụ quan trọng để xây dựng trường thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu có chất lượng cao trong nghề giáo dục. Các điều kiện về cơ sở vật chất của Nhà trường đã góp phần thiết thực vào công tác đào tạo của trường và phát triển KT - XH của thành phố, góp phần đẩy mạnh CNH - HĐH đất nước.

Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức được thành lập trên cơ sở trường Trung học Kỹ thuật và Nghiệp vụ Thủ Đức với điều kiện cơ sở vật chất tốt, khuôn viên Nhà trường với tổng diện tích 51.598m². Nhà trường luôn có kế hoạch duy tu sửa chữa, trang bị mới cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, điều kiện làm việc phục vụ tốt cho nhiệm vụ đào tạo của trường.

+ Những điểm mạnh:

Xưởng thực hành và các phòng lý thuyết đáp ứng nhu cầu đào tạo của Nhà trường.

Loại hình tài liệu của Trung tâm TT-TV khá phong phú phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu của CBGVNV và HSSV Nhà trường.

Giảng viên được tập huấn bổ sung về quy trình 5S nhằm sắp xếp xưởng phù hợp với từng môn học. Giảng viên tham gia các dự án mang tầm quốc tế nhằm để cập nhật, trao đổi kinh nghiệm với các trường bạn.

Khoa Cơ khí Ô tô tọa lạc tại Khu C – Trường Cao Đẳng Công Nghệ Thủ Đức. Cơ sở vật chất của Khoa gồm có: Văn phòng Khoa, 5 xưởng thực tập động cơ xăng – diesel, 4 xưởng thực tập khung gầm, 2 xưởng điện lạnh ô tô, 4 xưởng điện thân xe ô tô. Các trang thiết bị phục vụ đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô được phân bố đều trong các xưởng. Xưởng cơ khí ô tô đảm bảo được các trang thiết bị tối thiểu phục vụ đào tạo.

Các phòng học lý thuyết và thực hành được trang bị máy chiếu projector, tivi màn hình rộng 55 inch phục vụ công tác giảng dạy. Thiết bị giảng dạy đáp ứng theo nhu cầu công nghệ thực tế. Hệ thống phòng học, xưởng thực hành được sửa chữa để đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật, kiến trúc đẹp, quy hoạch phòng học, nhà xưởng phù hợp. Quy hoạch nội bộ thuận tiện cho việc vận chuyển và lắp đặt các thiết bị.

+ Những tồn tại:

Hiện nay, công nghệ ô tô phát triển vượt bậc mà một số mô hình, thiết bị hiện đại tiên tiến nhất vẫn chưa có.

+ Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Trong năm học 2021 – 2022, Khoa hướng tới mô hình nhà xưởng theo hướng chuyên môn hóa giúp HSSV định hướng được những công việc cụ thể sau này đảm nhận.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

- Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức được thành lập theo quyết định số 6426/QĐ- BGD-ĐT ngày 24/09/2008 của Bộ Giáo dục – Đào tạo trên cơ sở trường Trung học kỹ thuật và nghiệp vụ Thủ Đức. Trường trực thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh, trường nằm ở vị trí trung tâm của Quận Thủ Đức, một quận cửa ngõ phía Đông Bắc Thành phố Hồ Chí Minh, hiện có cơ sở vật chất kỹ thuật phong phú hiện đại với diện tích khuôn viên 51.598 m², địa hình và vị trí địa lý rất thuận lợi cho việc thiết kế hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác đào tạo tại địa phương.

Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành và hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo. (5.1.01 - Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị thực hành, danh mục thiết bị; 5.1.03 - Hóa đơn điện, nước các năm).

Trường có phòng học lý thuyết khang trang được trang bị đầy đủ các trang thiết bị đáp ứng cho công tác giảng dạy, xưởng thực hành được đầu tư với trang thiết bị đáp ứng được thực tiễn (4.5.01 - Bảng thống kê số lượng phòng xưởng thực hành ; 5.1.02 - Hồ sơ bản vẽ thống kê diện tích sàn sử dụng; 5.1.04 - Bản vẽ sơ đồ các xưởng thực hành;

5.1.05 - Bảng thống kê số lượng học sinh, sinh viên **5.1.07** – Báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng về số lượng phòng thực hành theo CTĐT).

Nhà trường đảm bảo việc cung cấp điện 24/24 giờ cho mọi hoạt động sinh hoạt, giảng dạy với 2 trạm biến áp công suất 560KVA và 225 KVA. Trường đã sớm xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch đảm bảo nhu cầu sử dụng nước cho từng khu vực, từng nhà, từng xưởng trong toàn trường (**5.1.08** – Báo cáo kế hoạch bảo dưỡng năm 2019, 2020, 2021; **5.1.09** – Báo cáo thực trạng máy móc thiết bị).

Khuôn viên trường có nhiều cây xanh to, tỏa bóng mát trên không gian rộng nên không khí trong lành, yên tĩnh. Trong những năm qua, Nhà trường luôn đảm bảo an toàn, yên tĩnh cho giảng dạy và học tập. Hiện tại, Nhà trường có đủ các khối công trình (Khu hành chính, khu học tập, xưởng thực hành, KTX, khu để xe, khu thể thao, văn hóa, văn nghệ), đảm bảo phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động của trường.

Khoa có các xưởng thực hành đầy đủ, đa dạng phục vụ đào tạo tất cả các môn học trong chương trình đào tạo của nghề Công nghệ kỹ thuật Ô tô (**5.1.06** – Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo đối với phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa). Với mỗi xưởng thực hành đều có danh mục thiết bị được quản lý rõ ràng (**5.1.01** - Sổ tài sản của từng xưởng thực hành). Để sử dụng hiệu quả các phòng thực hành, khoa lên thời khóa biểu của các lớp học phần thể hiện rõ việc bố trí xưởng, phòng học theo đúng quy định. (**2.2.06** - Thời khóa biểu các lớp học phần cho từng học kỳ).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, bằng nguồn vốn ngân sách Nhà trường đã bổ sung nhiều trang thiết bị theo Hàng năm, bằng nguồn vốn ngân sách Nhà trường đã bổ sung nhiều trang thiết bị theo đề xuất của Khoa. Khoa có đầy đủ danh mục thiết bị xưởng thực hành đáp ứng cho chương trình đào tạo (**5.2.01** – Biên bản họp xác định danh mục thiết bị tối thiểu cho nghề CNKT ô tô; **5.2.02** – Quyết định ban hành danh mục thiết bị tối thiểu của trường; **5.2.03** - Danh mục thiết bị tối thiểu; Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong CTĐT). Hàng năm Nhà trường thực hiện theo dõi tài sản cố định vào cuối mỗi năm (**5.1.04** - Báo cáo về thực trạng sử dụng và mức độ đáp ứng của phòng học, phòng thực hành, phòng mô phỏng và vật tư hàng năm; **5.1.01** - Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị thực hành, danh mục thiết bị).

Để bổ sung trong quá trình cập nhật thiết bị, dụng cụ mới để đáp ứng với thị trường lao động, khoa cũng chủ động đề nghị các thiết bị được cập nhật bổ sung thông qua các kế hoạch mua sắm nhằm đáp ứng tốt việc thay đổi CTĐT theo nhu cầu của xã hội. **(4.5.02 - Kế hoạch mua sắm và sửa chữa hàng năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022).**

Để phát triển các xưởng thực hành, khoa cũng lên kế hoạch đề nghị mua sắm, bổ sung các thiết bị thay thế cũng như mở rộng các xưởng thực hành nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của nghề Công nghệ kỹ thuật Ô tô.

Ngoài ra, khoa cũng kết nối với các tổ chức tài trợ nhằm bổ sung các thiết bị, dụng cụ thông qua kế hoạch hoạt động dự án IECD giai đoạn 2018-2020 ngày 23/1/2018 do Hiệu Trưởng ký, Biên bản Thỏa thuận hợp tác giữa IECD và TDC ký ngày 08/2/2018; Kế hoạch số 57/KH-CNTĐ- KĐT ngày 10/7/2021 kế hoạch trang bị học tập tại Khoa.

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo. Hàng năm, nhà trường có trang bị thêm nhiều thiết bị đào tạo mới để phục vụ cho quá trình đào tạo

+ **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trường có hệ thống phòng học, phòng lý thuyết, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hoá được thiết kế và xây dựng rộng rãi, thoáng mát đúng công năng.

Hệ thống phòng thực hành bao gồm các phòng: 5 xưởng thực tập động cơ xăng – diesel, 4 xưởng thực tập khung gầm, 2 xưởng điện lạnh ô tô, 4 xưởng điện thân xe ô tô **(4.5.01 – Bảng thống kê số lượng phòng xưởng thực hành).**

Trang thiết bị Nhà trường đáp ứng nhu cầu đào tạo, đáp ứng chủng loại theo danh mục tối thiểu của chương trình đào tạo yêu cầu **(5.2.01 – Biên bản hợp xác định danh mục thiết bị tối thiểu cho nghề CNKT Ô Tô; 5.2.03 - Danh mục thiết bị tối thiểu; Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong CTĐT; 5.1.01 - Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị thực hành, danh mục thiết bị).**

Hàng năm trường trang bị và bổ sung trang thiết bị để đáp ứng nhu cầu người học tăng thêm cũng như tăng cường thiết bị hiện đại để người học nghề có thể tiếp cận với công nghệ thực tiễn bên ngoài doanh nghiệp sau khi ra trường. Các trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy cho nghề CNKT Ô tô đảm bảo đáp ứng tốt các môn học. Các xưởng thực hành có đủ thiết bị, dụng cụ cho học sinh, sinh viên **(5.3.01 – Bảng dự trù mua sắm hàng năm; 5.1.10 - Sổ tài sản của từng xưởng thực hành; 3.3.03 – Danh sách**

HSSV từng lớp cố định, Danh sách HSSV trong từng lớp học phần; 2.2.06 - Thời khóa biểu các lớp học phần cho từng học kỳ).

Tất cả các phòng học, xưởng thực hành, thí nghiệm, phòng học chuyên môn hóa có hệ thống bàn ghế, thiết bị, dụng cụ đáp ứng công tác đào tạo của Trường đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo. (5.3.02 – *Bảng thống kê tần suất sử dụng phòng học các xưởng thực hành năm 2019, 2020, 2021*).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

+ **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Thiết bị được bố trí hợp lý thuận tiện cho việc dạy và học, các xưởng luôn được vệ sinh sạch sẽ, dụng cụ học tập, bàn ghế được bố trí gọn gàng ngăn nắp (5.4.01 - *Hình chụp xưởng thực hành*)

Các trang thiết bị, dụng cụ trong xưởng thực hành được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng, tổ chức, hướng dẫn thực hành. Việc bố trí trang thiết bị, dụng cụ thực hành được thực hiện theo đúng quy định về bố trí lắp đặt trang thiết bị phục vụ công tác dạy học, có sự trao đổi và thống nhất của các giáo viên giảng dạy trong cùng bộ môn (5.4.03 – *Biên bản họp khoa về Bố trí các xưởng thực hành*).

Tại mỗi xưởng thực hành của Trường, đều có nội quy xưởng thực hành dành cho HSSV, được bố trí trước mỗi xưởng giúp SV dễ dàng nhìn thấy và tuân thủ theo (5.4.04 - *Bảng nội quy thực hành tại các xưởng; 5.1.04 – Bản vẽ sơ đồ các xưởng thực hành; 5.4.05 – Quy trình an toàn vận hành thiết bị; 5.4.02 - Biên bản kiểm tra phòng cháy chữa cháy hàng năm; 5.4.06 - Tiêu lệnh chữa cháy*).

Các xưởng thực hành đảm bảo các yêu cầu về mỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ nghề nghiệp và sư phạm, được bố trí hợp lý, thuận tiện cho giảng dạy và học tập. Có hệ thống chiếu sáng, đảm bảo tính thẩm mỹ trong môi trường sư phạm, vệ sinh công nghiệp (5.4.07 – *Văn bản của nhà trường về đánh giá sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ của khoa; 5.4.08 – Kế hoạch bảo dưỡng trang thiết bị ở các xưởng thực hành hàng năm; Báo cáo kết quả thực hiện bảo dưỡng trang thiết bị hàng năm*).

Các phòng thực hành được các khoa quản lý đảm bảo được an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng trang

thiết bị, dụng cụ trong xưởng thực hành, thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. (5.4.09 – *Bảng phân công nhiệm vụ cho quản lý xưởng*; 5.4.10 - *Sổ nhật ký xưởng*; 5.4.11 - *Phiếu theo dõi sửa chữa, bảo trì các xưởng thực hành*; 5.1.10 - *Sổ tài sản của từng xưởng thực hành*).

Tại các xưởng thực hành, việc bố trí máy móc, thiết bị được Nhà trường lắp đặt theo đúng thiết kế kỹ thuật của xưởng thực hành đảm bảo vị trí trang thiết bị, dụng cụ hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành theo lớp. Thiết bị đào tạo tại các xưởng của khoa có hồ sơ quản lý rõ ràng (5.2.03 – *Danh mục thiết bị tối thiểu*; *Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong CTĐT*).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

+ **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Vào đầu mỗi học kỳ, dựa vào phân công giảng dạy và thời khóa biểu và đề nghị cấp vật tư học tập của từng giảng viên mà nhân viên quản lý xưởng đề nghị vật tư học tập phục vụ công tác giảng dạy. Tại các xưởng thực hành các thiết bị, dụng cụ được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện sử dụng cho việc dạy và học an toàn và hiệu quả. Khoa có đầy đủ hồ sơ sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng trang thiết bị vật tư, linh kiện (5.5.01 – *Quyết định ban hành định mức tiêu hao vật tư nguyên nhiên vật liệu của trường*; 5.5.03 - *Quy trình đề nghị cấp phát vật tư học tập*; 5.5.04 - *Quy trình đề nghị cấp phát vật tư học tập*; 5.5.05 - *Quyết định công bố danh mục quy trình*; 5.5.06 – *Biên bản bàn giao thành phẩm*; 5.5.07 - *Phiếu đề nghị tổng hợp*, 5.5.08 - *Phiếu đề nghị nhập kho*; 5.5.09 – *Phiếu đề nghị trả kho*; 5.5.10 – *Phiếu xuất kho*).

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch tài chính từ các khoa chuyên môn, Nhà trường cân đối nguồn kinh phí và phê duyệt phần kinh phí phục vụ mua sắm vật tư cho công tác đào tạo trên cơ sở lập dự toán của các khoa chuyên môn đề xuất dựa theo tình hình thực tiễn của sinh viên thực tế. Từ đó các khoa chuyên môn có kế hoạch dự trù vật tư cho từng năm học (5.2.03 – *Danh mục thiết bị tối thiểu*; *Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong CTĐT*; 1.2.02 - *Kế hoạch hoạt động năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*).

Quản lý xưởng cung cấp kịp thời vật tư thiết bị cho công tác giảng dạy, việc cấp phát vật tư kịp thời được thể hiện rất cụ thể qua hồ sơ xin lĩnh vật tư phục vụ kế hoạch

giảng dạy, đáp ứng theo tiến độ đào tạo được thể hiện qua ghi nội dung giảng dạy cụ thể trong sổ lên lớp cho từng nội dung bài học (**4.5.02 – Phiếu đề nghị cấp vật tư học tập**)

Tổ chức quản lý việc cấp phát, thu nhận vật tư hàng hoá nên vật tư, hàng hóa, vật liệu được cấp phát theo đúng quy trình mà Nhà trường đã quy định. Kết thúc mỗi học kỳ cán bộ cấp phát vật tư thực hành báo cáo tình trạng, mức độ đáp ứng vật tư thực hành (số lượng tồn kho còn lại) trong học kỳ qua để từ đó triển khai và lập dự toán trình phê duyệt kinh phí và danh mục vật tư cho học kỳ tiếp theo (**5.5.11 – Biên bản kiểm kê kho 5.5.02 - Quy trình mua sắm, sử dụng vật tư**).

Hiện nay, việc mua sắm vật tư phục vụ cho giảng dạy các môn thực hành theo bảng tổng hợp dự trù vật tư học tập. Kinh phí cấp phát vật tư cho 1 học sinh được thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ sau khi rà soát, đối chiếu với bảng định mức tiêu hao vật tư (**5.5.12 - Bảng định mức tiêu hao vật tư**).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Trung tâm Thông tin Thư viện Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức được thành lập vào ngày 31/12/2011 với tổng diện tích hơn 2.000m², bao gồm các khu vực: phòng mượn (737m²), phòng đọc cho giảng viên, phòng đọc chung, khu vực tra cứu thông tin...có thể phục vụ tại chỗ trên 350 người và có thể tra cứu, đọc trên máy tính tại thư viện hoặc có thể truy cập từ máy tính cá nhân ở các nơi trong nhà trường (đối với sách, giáo trình và tài liệu số hóa).

Nhà trường có bảng kê danh mục chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt: tên chương trình/giáo trình, năm xuất bản, đơn vị xuất bản, số lượng bản in, bản điện tử được thể hiện trong bảng kê danh mục giáo trình (**5.6.01 - Hợp đồng sử dụng phần mềm thư viện 4.10.08 - Biên bản họp hội đồng thẩm định/ lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2019, 2020, 2021; 4.9.03 - Quyết định ban hành Danh mục giáo trình đào tạo/Tài liệu giảng dạy trình độ CD năm 2019,2020, 2021**).

Các giáo trình đào tạo biên soạn nội bộ đã có đủ 05 bản in đáp ứng đủ nhu cầu học tập, được lưu tại thư viện và trên thư viện điện tử (**4.9.07 - Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT**).

Nhà trường có bảng kê và bảng in danh mục sách, tạp chí, tài liệu tham khảo hàng năm: tên, năm xuất bản, đơn vị xuất bản, số lượng bản in, bản điện tử được thể hiện trong Bảng kê danh mục sách, tài liệu tham khảo Khoa Cơ khí Ô tô (5.6.02 - *Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT năm năm 2019, 2020, 2021*).

Trung tâm thư viện thực số hoá 100% giáo trình nội bộ do giảng viên Khoa cơ khí Ô tô biên soạn tài liệu tham khảo ngành CNKT Ô TÔ phục vụ đào tạo nhằm giúp người đọc thuận lợi trong việc tra cứu thông tin phục vụ cho nhu cầu giảng dạy và học tập (5.6.03 - *Danh mục giáo trình số hóa khóa 2019, 2020, 2021*; 5.6.04 - *Danh mục tài liệu tham khảo số hóa 2019, 2020, 2021*).

Nhà trường hàng năm đều có thống kê số số lượt học sinh sinh viên nghề CNKT cơ khí sử dụng thư viện hàng năm và báo kết quả khảo sát ý kiến người đọc về hoạt động của Thư viện (5.6.05 - *Bảng thống kê số lượng HSSV sử dụng thư viện hàng năm*; 5.6.06 - *Kế hoạch biên soạn giáo trình đào tạo*; 5.6.07 - *Đề xuất biên soạn giáo trình đào tạo*; 5.6.08 - *Đề xuất hội đồng thẩm định Giáo trình đào tạo*).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

+ **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trung tâm Thông tin Thư viện mở cửa từ 7h30 – 11h30 và từ 13h15 – 16h30 các ngày từ thứ 2 đến sáng thứ 7. Kho sách của Thư viện được tổ chức theo dạng mở (kho tự chọn), được sắp xếp theo từng môn loại chuyên ngành và có chỉ dẫn để người đọc có thể tự tìm kiếm tài liệu. (5.7.01- *Quy định về hoạt động của Thư viện*; 5.7.02 - *Nội quy Thư viện*; 5.7.03 - *Sổ tay hướng dẫn sử dụng thư viện*).

Từ 1/9/2018 đến 30/6/2021, Thư viện đã tổ chức phục vụ 65.323 lượt bạn đọc, trong đó bạn đọc của Khoa cơ Khí ô tô là 1.896 sinh viên, số lượt truy cập của bạn đọc truy cập tại website của Thư viện (<http://lib.tdc.edu.vn>) tính đến 30/6/2021 là 502 lượt. (5.7.04 - *Thống kê lượt bạn đọc của nghề sử dụng thư viện năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*). Nhằm đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu học và tra cứu tài liệu, thư viện đã trang bị 61 máy tính được nối mạng Internet phục vụ miễn phí cho bạn đọc tra cứu và đọc tài liệu điện tử, 01 máy photo và in ấn phục vụ cho giảng viên. Các máy tính được quản lý chặt chẽ thông qua Sổ theo dõi TSCĐ, được kiểm kê và theo dõi hằng năm. (5.7.5 - *Sổ theo dõi tài sản cố định*). Thư viện sử dụng hệ thống internet tốc độ cao nhằm cung cấp đường truyền ổn định đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin của người học (5.7.06 - *Hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet*). Nhà trường xây dựng phần

mềm quản lý tài liệu quét mã vạch nhằm quản lý nhanh chóng và hiệu quả quá trình mượn trả sách của cán bộ, giảng viên nhân viên và sinh viên (5.7.07 – *Sổ theo dõi tài sản cố định và công cụ dụng cụ tại nơi sử dụng*; 5.7.08 – *Giao diện phần mềm quản lý lưu thông tin tài liệu*). Nhà trường cũng xây dựng hệ thống website tìm kiếm thông tin tài liệu để phục vụ cho việc tra cứu tài liệu của giảng viên và sinh viên một cách dễ dàng và nhanh chóng (5.7.09 – *Website tra cứu tài liệu: www.lib.tdc.edu.vn*). Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ cho người đọc, Thư viện đã tiến hành điều tra, khảo sát trực tuyến nhu cầu bạn đọc và nhận được đánh giá cao của bạn đọc về mức độ đáp ứng yêu cầu của thư viện đối với bạn đọc (5.7.10 - *Báo cáo thống kê kết quả điều tra nhu cầu bạn đọc hàng năm*). Bên cạnh đó, thư viện báo cũng thực hiện cáo về các hoạt động để đánh giá và rút kinh nghiệm nhằm phục vụ tốt hơn cho người đọc (5.7.11 - *Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến HSSV về hoạt động của Thư viện hàng năm*).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

+ **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu học tập thực tiễn của học sinh-sinh viên, Khoa Cơ khí ô tô đặt mục tiêu cài đặt các phần mềm mô phỏng nhằm phục vụ cho việc giảng dạy và học tập đảm bảo có đầy đủ thiết bị dạy học thực tế, như:

Khoa cơ khí Ô tô có phần mềm AutoCAD sử dụng vẽ các bản vẽ kỹ thuật tại các xưởng thực hành máy tính B102, B103... Trong quá trình giảng dạy đa số GV bộ môn trong Khoa đều có sử dụng một số phần mềm mô phỏng trong quá trình giảng dạy các môn học như PowerPoint và elextude. (5.8.01 – *Chương trình chi tiết các học phần*; 5.8.02 – *Danh mục các phần mềm sử dụng trong CTĐT*).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

2.2.6 Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học

Khoa Cơ khí Ô tô luôn quan tâm đảm bảo tốt nhất các điều kiện phục vụ học tập, hoạt động phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao nhằm tạo sân chơi lành mạnh để HSSV học tập và rèn luyện, đồng thời xây dựng môi trường thân thiện, tích cực nhưng kỷ cương nề nếp.

Khoa Cơ khí Ô tô thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở và xử lý kịp thời các vi phạm nếu có.

Ngay từ đầu khóa học và đầu mỗi năm học Khoa Cơ khí Ô tô triển khai đã tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân”.

Việc cung cấp cho người học các thông tin cần thiết về nghề nghiệp, nhu cầu của thị trường lao động, tư vấn học nghề, giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp được Bộ phận tuyển sinh, trực thuộc Phòng Đào tạo và Trung tâm Đào tạo, Quan hệ doanh nghiệp và Hỗ trợ sinh viên thực hiện thường xuyên và có hiệu quả.

+ Những điểm mạnh:

Khoa Cơ khí Ô tô triển khai cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho người học về mục tiêu, chương trình đào tạo, các yêu cầu về chuyên môn cần đạt được của khóa học; người học được phổ biến đầy đủ về quy chế thi và kiểm tra, đánh giá, điều kiện xét tốt nghiệp và các nội quy, quy định của nhà trường.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao ngoài giờ, đảm bảo an ninh trật tự trong trường học, có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ,

Khoa Cơ khí Ô tô triển khai cập nhật thông tin thị trường lao động, giới thiệu việc làm cho người học và tổ chức các cuộc tiếp xúc giữa người học và nhà tuyển dụng, đáp ứng được yêu cầu việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo của người học.

+ Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Đa dạng hóa các hình thức thông tin tuyển sinh, giới thiệu việc làm.

Tăng cường các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho HSSV.

Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho người học để định hướng, lựa chọn ngành nghề phù hợp.

Tích cực tìm kiếm đối tác là các đơn vị sử dụng lao động ký kết các hợp đồng đào tạo và cung ứng lao động giúp người học sau khi tốt nghiệp có ngay việc làm phù hợp.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	8
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Đầu mỗi năm học, Phòng Công tác Chính trị - HSSV xây dựng kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân HSSV quy định rõ về những nội dung cần phải phổ biến đến HSSV. Ban giám hiệu Nhà trường phổ biến thông tin tổng quan về nguồn lực, các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học. Phòng Công tác Chính trị - HSSV phổ biến quy chế công tác HSSV, các chế độ chính sách hiện hành đối với người học. Phòng Quản lý đào tạo phổ biến quy chế đào tạo bao gồm các nội dung về kiểm tra, thi, quy định chuẩn đầu ra và xét công nhận tốt nghiệp. Các khoa chuyên môn phổ biến mục tiêu, chương trình đào tạo nghề, phương pháp học tập, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp.

Bên cạnh việc tổ chức sinh hoạt công dân cho HSSV toàn Trường của P.CTCT-HSSV để phổ biến các qui chế, quy định về công tác sinh viên, quy chế đào tạo, các chế độ chính sách đối với người...HSSV Khoa cơ Khí ô tô còn có buổi gặp gỡ và sinh hoạt riêng với lãnh đạo, giáo viên của khoa để biết một số quy định học tập tại khoa... Mỗi lớp HSSV Khoa cơ khí ô tô đều giới thiệu giảng viên làm CVHT của từng lớp để hỗ trợ, giúp đỡ HSSV trong quá trình học tập Trường (**2.4.06** - *Kế hoạch tổ chức tuần lễ sinh hoạt công dân - HSSV các năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;; 2.4.17* - *Các biên bản gặp gỡ tân HSSV với lãnh đạo Khoa, doanh nghiệp và cựu HSSV 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;; 6.1.02* – *Các thông báo miễn giảm học phí năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022).*

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học thông qua kênh thông tin của Nhà trường, tài khoản cá nhân, website khoa, sổ tay sinh viên...(1.2.06 - *Quyết định ban hành Quy định về kiểm tra, thi kết thúc học phần: 246/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 16/12/2017; Quyết định ban hành quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức:145/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 26/7/2017, được điều chỉnh theo quyết định số 203/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 19/10/2018 và quyết định số 180/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 26/9/2019).*

Nhà trường cũng ban hành quy chế Cố vấn học tập, quy định rõ về nhiệm vụ của Cố vấn học tập trong công tác quản lý, tư vấn và hướng dẫn HSSV về quy chế, về

chương trình và kế hoạch học tập, về phương pháp học tập (**6.1.01** - Các biên bản sinh hoạt lớp; **6.1.04** - Quyết định v/v ban hành Quy chế cố vấn học tập tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, số 152/QĐ-CNTĐ-SV, ngày 04/12/2018, do Hiệu trưởng ký ban hành).

Sau mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức xét chọn và cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV có kết quả học tập tốt, điểm rèn luyện phải đạt tiêu chuẩn và còn hỗ trợ xác nhận để sinh viên có thể vay vốn chính sách tại địa phương.

Sổ tay học vụ các khóa tuyển sinh được phát bản in cho HSSV năm nhất vào đầu năm học và được đăng tải trên website của Nhà trường. Sổ tay HSSV các học kỳ được đăng tải trên website của Nhà trường vào đầu mỗi học kỳ để người học có thể nắm được các thông tin như quy chế đào tạo, quy chế công tác HSSV, chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ, lịch học tập, thời khóa biểu trong mỗi học kỳ, hướng dẫn xem thời khóa biểu và đăng ký môn học online... (**6.1.03** - Hình ảnh bảng tin thông báo của Trường; **6.1.06** - Sổ tay HSSV online: <http://online.tdc.edu.vn>; mục Sổ tay HSSV_Phần IV – Trích quy chế đào tạo trình độ TC, CD; thông báo ban hành sổ tay HSSV các năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022).

Sau mỗi đợt sinh hoạt công dân, Nhà trường đều có tổ chức làm bài thu hoạch đánh giá mức độ tiếp thu, nắm bắt thông tin của HSSV; có ghi nhận điểm bài làm của HSSV, lưu trữ trên phần mềm SAM để làm cơ sở đánh giá kết quả rèn luyện năm học (**6.1.07** - Các Thông báo làm bài kiểm tra sinh hoạt công dân năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022).

Khoa Cơ Khí Ô Tô và Phòng Quản lý Đào Tạo phối hợp quản lý công tác đào tạo, trong đề cương chi tiết từng học phần cũng thể hiện rõ trách nhiệm của giảng viên bộ môn phải phổ biến cụ thể về nội dung, phân bổ thời lượng, hình thức kiểm tra, đánh giá của học phần đến toàn thể HSSV tham gia lớp học phần (**6.1.08** - Quyết định ban hành chương trình đào tạo khóa 2019 QĐ số: 153/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 27/8/2019; Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2020 QĐ Số: 106/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 17/7/2020).

Cuối mỗi học kỳ, HSSV được tham gia nhận xét, đánh giá giảng viên bộ môn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy (**6.1.05** - Phiếu khảo sát. Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến HSSV hàng năm; **6.1.09** - Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022).

Website trường và Website các đơn vị có công bố về chương trình đào tạo, văn bản, quy định cần thiết cho HSSV tra cứu và cập nhật.

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường cập nhật kịp thời các quy định hiện hành của Chính phủ để thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi của HSSV về chính sách xã hội như: miễn, giảm học phí; cấp giấy xác nhận cho HSSV vay vốn tín dụng đào tạo; cấp giấy xác nhận cho HSSV hoãn nghĩa vụ quân sự... Căn cứ theo các văn bản: miễn giảm học phí (Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 02/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm 2015-2016 đến năm học 2020-2021); HSSV được hỗ trợ thủ tục để vay vốn tín dụng sinh viên (Nghị định 78/2002/NĐ-CP về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng về việc điều chỉnh mức cho vay với học sinh, sinh viên); tạm hoãn NVQS theo Luật nghĩa vụ quân sự (Luật số: 78/2015/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2015 của Quốc Hội).

Ngoài ra, hàng năm Nhà trường xét cấp “Học bổng vượt khó”, học bổng khuyến khích học tập cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn, học tập và rèn luyện đạt từ loại khá trở lên từ nguồn quỹ huy động được của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (**6.2.01** – *Quyết định về ban hành quy chế xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV hệ chính quy tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, quyết định số 132/QĐ-CNTĐ-SV ngày 16/12/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức; 6.2.02* – *Danh sách học sinh nhận học bổng vượt khó học tập năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 6.2.03* - *Các quyết định cấp học bổng vượt khó học tập năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;*).

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đưa ra thông báo về mức thu học phí từng học kỳ trên trang <http://online.tdc.edu.vn/> thông tin học phí của trường (**6.2.04** – *Quyết định về mức thu học phí trình độ Cao đẳng các năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*).

Nhằm khích lệ và động viên HSSV có thành tích cao trong học tập và rèn luyện trong suốt khóa học, Nhà trường có khen thưởng và tặng biểu trưng cho các thủ khoa

đầu nghề vào mỗi năm (**6.2.05** – *Quyết định công nhận và khen thưởng sinh viên đạt danh hiệu Thủ khoa tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021 và Danh sách HSSV được cấp học bổng*).

Mỗi học kỳ của năm học, trường đều thực hiện thông báo hướng dẫn và lập danh sách người học thuộc đối tượng được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định gồm thông tin đối tượng và nội dung được hỗ trợ, miễn giảm học phí cho HSSV theo từng năm học (**6.1.06** – *Các thông báo miễn giảm học phí năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*).

Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định (**6.2.0** - *Bảng thống kê các chính sách, chế độ hỗ trợ đối với người học thuộc đối tượng ưu tiên trường CĐCNTĐ đang áp dụng*).

Ngoài ra, để hỗ trợ cho HSSV có điều kiện tham gia học tập, nhà trường có cấp giấy xác nhận cho HSSV làm thủ tục vay vốn tín dụng và hoãn nghĩa vụ quân sự (**6.2.09** - *Số liệu về giấy xác nhận vay vốn tín dụng và tạm hoãn nghĩa vụ quân sự cấp cho HSSV được thống kê trên phần mềm quản lý SV (UIS)*).

Bên cạnh đó, Đoàn thanh niên – Hội Sinh viên Nhà trường hàng năm đều tổ chức xét chọn, tuyên dương và khen thưởng học sinh bậc trung cấp đạt danh hiệu “Học sinh 3 rèn luyện” và sinh viên bậc Cao đẳng đạt danh hiệu “Sinh viên 5 Tốt” cấp trường (**6.2.11** - *Quy chế xét tặng danh hiệu “Học sinh 3 rèn luyện” của trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, quyết định số 12/QĐ-CNTĐ-ĐTN ngày 21/4/2015 của Đoàn trường; Quy chế sửa đổi, bổ sung xét tặng danh hiệu “Sinh viên 5 tốt” quyết định số 05/QĐ-CNTĐ-ĐTN ngày 21/3/2020 của Đoàn trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức; Các quyết định của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức về việc tặng giấy khen các cá nhân điển hình đạt danh hiệu “Học sinh 3 rèn luyện” cấp trường năm học 2018-2019, 2019-2020; 2020-2021; Quyết định khen thưởng các cá nhân đạt danh hiệu “Sinh viên 5 tốt” cấp trường năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

+ **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Từ năm 2011 đến nay, Nhà trường định kỳ tổ chức “Ngày hội hướng nghiệp và Tuyển dụng” để giới thiệu việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp nhằm mục đích để HSSV khoa cơ khí Ô tô được cung cấp các thông tin về nghề nghiệp và giới thiệu việc

làm cho sinh viên sau tốt nghiệp (**6.3.01** – *Kế hoạch số: 34/KH-CNTĐ-TDN 05/5/2018 Kế hoạch tổ chức ngày hội hướng nghiệp và tuyển dụng năm 2018 do Hiệu trưởng ký; Kế hoạch số: 35/KH-CNTĐ-ĐTN ngày 26/7/2019 v/v tổ chức ngày hội việc làm năm 2019 chủ đề “TDC Career Day 2019”*; **6.3.02** – *Báo cáo kết quả tổ chức “Ngày hội hướng nghiệp, tuyển dụng năm 2018 trong đó có danh sách các nhà tuyển dụng tham gia*).

Khoa ô tô cũng tiếp nhận nhiều nhu cầu tiếp nhận từ các doanh nghiệp và đăng thông tin trên website của Khoa để sinh viên tiện theo dõi và đăng ký nếu có nhu cầu (**6.3.03** - *File ảnh chụp giao diện website Khoa*), thường xuyên tiếp nhận và đăng thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp để sinh viên tìm hiểu và đăng ký ứng tuyển.

Bên cạnh đó, nhà trường còn tạo trang Giới thiệu việc làm trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức - TDC trên mạng xã hội facebook (<https://www.facebook.com/vieclamTDC/>) để đăng tin tuyển dụng và tạo thuận lợi cho HSSV truy cập, tìm kiếm việc làm (**6.3.04** - *File ảnh chụp trang Giới thiệu việc làm trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, Danh sách doanh nghiệp đăng tin tuyển dụng, Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp*).

Theo thống kê của Trung tâm Đào tạo NNL và HTDN, từ tháng 9/2020 đến tháng 7/2021 trung tâm đã tiếp nhận và đăng tải 527 thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp lên website vieclam.tdc.edu.vn, Đồng thời giới thiệu 1523 lượt hồ sơ xin việc của HSSV gửi đến doanh nghiệp (**6.3.05** – *Báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác doanh nghiệp năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 số: 12/BC-CNTĐ-TDN ngày 09/6/2021; Báo cáo tổng kết công tác tổ chức đưa HSSV tham quan doanh nghiệp NH 2019-2020 số: 17/BC-CNTĐ-TDN ngày 12/10/2020*).

Trước mỗi đợt đưa HSSV tham gia thực tập tại doanh nghiệp, Khoa ô tô đều tổ chức tư vấn, giới thiệu cho HSSV nhằm mục đích nắm rõ các nội dung (**6.3.06** – *Biên bản họp phổ biến các nội dung, tư vấn cho HSSV trước khi tham gia thực tập tại doanh nghiệp*).

Nhà trường cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp và đều thực hiện báo cáo (**6.3.07** - *Báo cáo kết quả cập nhật thông tin, tổ chức khảo sát tình hình việc làm của cựu HSSV sau tốt nghiệp-đợt 1, đợt 2 năm 2020 Phần I mục 3.2*).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 6.4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Người học được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội. Trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường, người học luôn được tạo điều kiện về thời gian, sử dụng trang thiết bị, cơ sở vật chất, được tham gia các cuộc thi, hội thi về văn nghệ, thể dục thể thao, được tham gia các hoạt động tình nguyện thường xuyên và các chiến dịch tình nguyện (**6.4.01 – Kế hoạch số 08/KH-CNTĐ-ĐTN tổ chức chương trình “Trung thu yêu thương” mang Tết trung thu đến với trẻ em nghèo vùng biên giới ngày 30/8/2018; Kế hoạch tổ chức ngày hội “Sinh viên với văn hóa giao thông” hưởng ứng “Ngày pháp luật Việt Nam 09/11 số: 35/KH-ĐTN ngày 26/10/2018)**

Trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường, người học luôn được tạo điều kiện về thời gian, sử dụng trang thiết bị, cơ sở vật chất, được tham gia các cuộc thi, hội thi về văn nghệ, thể dục thể thao, được tham gia các hoạt động tình nguyện thường xuyên và các chiến dịch tình nguyện (**6.4.02 - Kế hoạch số:28/KH-CNTĐ-ĐTN ngày 18/6/2018 về việc tổ chức chiến dịch tình nguyện mùa hè xanh năm 2018, Kế hoạch số:15/KH-CNTĐ-ĐTN ngày 09/7/2020 về việc tổ chức chiến dịch tình nguyện mùa hè xanh năm 2020).**

Hoạt động xã hội là môi trường giúp cho Người học rèn luyện bản lĩnh, tác phong, thái độ, có ý thức vì cộng đồng. Hàng năm Nhà trường tổ chức đa dạng các hoạt động tình nguyện thường xuyên, hoạt động tình nguyện tại chỗ, chú trọng các hoạt động chăm lo đời sống cho học sinh, sinh viên. Quan tâm đầu tư đến các hoạt động tình nguyện gắn liền với chuyên môn các khoa. Triển khai thực hiện các công trình thanh niên, phần việc làm theo lời Bác tại các Chi đoàn, Chi hội, Đoàn khoa và Liên Chi hội khoa. Nhà trường tổ chức đa dạng, phong phú các hoạt động về văn nghệ, thể dục thể thao tại nhà trường các dịp lễ 20/11, 26/3,...của năm học. Ngoài ra, HSSV Khoa cơ khí Ô tô còn được tham gia các cuộc thi văn nghệ, hội thao do cấp Quận, cấp Thành phố tổ chức. Các câu lạc bộ - Đội - Nhóm văn nghệ, thể dục thể thao được thành lập và duy trì hoạt động thường xuyên để Người học tham gia hoạt động, rèn luyện năng khiếu: Văn nghệ xung kích, nhảy hiện đại (2017), Bóng đá, Bóng rổ (2018 – 2019), Vovinam, Taekwondo (2018 – 2019), Võ Cổ truyền (**6.4.03 - Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 6.4.04 - Hình ảnh hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao của sinh viên Khoa).**

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

2.2.7 Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng

+ Mở đầu

Cùng với công tác Tự đánh giá chất lượng, từ năm 2011 nhà trường đã xây Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, đến tháng 8/2017 nhà trường đã chuyển đổi HTQLCL tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Hàng năm, nhà trường đều tổ chức đánh giá nội bộ, phối hợp với các chuyên gia của công ty Intertek đánh giá giám sát HTQLCL, qua đó nhà trường thực hiện các cải tiến và duy trì đến nay. Từ năm 2018, trên cơ sở HTQLCL ISO 9001:2015, nhà trường tiến hành xây dựng Hệ thống đảm bảo chất lượng theo Thông tư dự thảo ngày 03/04/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về hệ thống đảm bảo chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Hàng năm, nhà trường thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động thông qua các kênh email, đường bưu điện, cựu HSSV trường đang làm việc tại doanh nghiệp; tổ chức chương trình ký kết thỏa thuận hợp tác trong công tác đào tạo giữa Nhà trường và Doanh nghiệp

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch và thông báo triển khai lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên được thực hiện thông qua mạng internet. Sau khi người học thực hiện khảo sát, Phòng Thanh tra – Pháp chế tiến hành xử lý thống kê kết quả khảo sát, báo cáo kết quả lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên.

+ Những điểm mạnh:

Lãnh đạo nhà trường quan tâm đến công tác giám sát, đánh giá chất lượng.

Nhà trường đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, hệ thống được đánh giá và cải tiến hàng năm.

+ Những tồn tại:

Chưa thực hiện lấy ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

+ Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Từ tháng 1/2018, nhà trường xây dựng tích hợp Hệ thống đảm bảo chất lượng trên nền tảng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 nhằm phù hợp Thông tư dự thảo ngày 03/04/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

Xây dựng kế hoạch và triển khai lấy ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 7.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường tổ chức lễ ký kết thỏa thuận hợp tác trong công tác đào tạo giữa Nhà trường và Doanh nghiệp (**7.1.01 - Kế hoạch tổ chức lễ ký kết hợp tác giữa Nhà trường và Doanh nghiệp các năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;**). Nội dung tọa đàm được lồng ghép trong chương trình lễ ký kết, Doanh nghiệp trao đổi trực tiếp với Nhà trường về tình hình HSSV thực tập, thực tế tại doanh nghiệp cũng như năng lực làm việc của HSSV qua quá trình thực tập được doanh nghiệp giữ lại làm việc. Qua trao đổi Nhà trường đã tiếp thu được nhiều ý kiến của doanh nghiệp về HSSV như: kỹ năng tự học, khả năng thích ứng với môi trường làm việc, thái độ làm việc và tinh thần kỷ luật nơi làm việc. Từ đó, GV nắm bắt được tình trạng của HSSV để cập nhật bổ sung vào các nội dung giảng dạy trên lớp (**7.1.03 - Biên bản thỏa thuận hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp các năm 2019**) .

Ngoài ra, Nhà trường cũng xây dựng “Kế hoạch cập nhật thông tin, tổ chức khảo sát doanh nghiệp về Chất lượng đào tạo nguồn nhân lực” và tiến hành khảo sát, phân tích và báo cáo, công bố kết quả theo kế hoạch. Bên cạnh hoạt động khảo sát của Nhà Trường, hàng năm, Khoa cũng tiến hành lên kế hoạch và thực hiện thu thập ý kiến các doanh nghiệp có sinh viên đã tốt nghiệp ngành công nghệ kỹ thuật ô tô của Khoa đang làm việc nhằm đánh giá sự đáp ứng yêu cầu của sinh viên đối với doanh nghiệp, cũng như đánh giá sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn (**7.1.02 - Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp có tuyển dụng sinh viên nghề công nghệ kỹ thuật ô tô đã tốt**

ngành – thực hiện khảo sát các năm 2019, 2020, 2021; 7.1.04 - Kế hoạch khảo sát cựu HSSV năm 2019, 2020, 2021; 7.1.05 - Phiếu khảo sát doanh nghiệp có tuyển dụng sinh viên đã tốt nghiệp; 2.5.04 - Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm 2019, 2020, 2021 và danh sách SV tốt nghiệp).

Hàng năm, khoa thu thập từ 10 doanh nghiệp sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc và cho thấy sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất kinh doanh và dịch vụ. Danh sách thông tin các doanh nghiệp (tên, địa chỉ doanh nghiệp) cũng như số lượng, thông tin sinh viên đã tốt nghiệp ngành công nghệ kỹ thuật ô tô của Khoa đang làm việc tại doanh nghiệp được thu thập và thể hiện trong các kế hoạch khảo sát. Phương pháp Khoa tiến hành khảo sát: Khoa thông qua các giảng viên hướng dẫn thực tập hoặc các cựu sinh viên sẽ liên hệ với doanh nghiệp bằng điện thoại hoặc email, sau đó chuyển phiếu khảo sát dưới dạng online để đề nghị cán bộ quản lý tại doanh nghiệp thực hiện, cuối cùng, Khoa thống kê, xử lý dữ liệu, phân tích kết quả khảo sát và báo cáo lên ban giám hiệu. Nội dung phiếu khảo sát tập trung vào mức độ đáp ứng yêu cầu của sinh viên đối với doanh nghiệp và mức độ phù hợp của chương trình đào tạo đối với thực tiễn. (7.1.06 - Kết quả khảo sát của các doanh nghiệp về tình hình việc làm cho sinh viên của Khoa; 7.1.07 - Kết quả khảo sát của các doanh nghiệp về tình hình việc làm cho sinh viên của Khoa;; 7.1.08 - Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

+ **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành khảo sát lần vết đối với 100% sinh viên tốt nghiệp toàn trường, trong đó có sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô. Kế hoạch khảo sát lần vết được Khoa lên và thể hiện trong phiếu khảo sát online được gửi đến cựu sinh viên qua email/điện thoại, hoặc cựu sinh viên sẽ làm khảo sát tại trường khi đến nhận bằng tốt nghiệp (7.1.04 - Kế hoạch khảo sát cựu HSSV năm 2019, 2020, 2021; 7.1.05 - Phiếu khảo sát doanh nghiệp có tuyển dụng sinh viên đã tốt nghiệp; 2.5.04 - Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm 2019, 2020, 2021 và danh sách SV tốt nghiệp). Sau đó, kết quả khảo sát lần vết được Khoa phân tích và viết báo cáo đối với các sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô. Báo cáo kết quả khảo sát lần vết là cơ sở để Khoa xem xét, điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo

nhằm giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp đáp ứng hơn nữa các yêu cầu của doanh nghiệp và có được việc làm phù hợp (**7.2.01** - *Phiếu khảo sát tình hình việc làm của cựu HSSV sau tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021*; **7.2.02** - *Dữ liệu khảo sát lần vết cựu sinh viên tốt nghiệp các năm 2019, 2020, 2021*; **7.1.07** - *Kết quả khảo sát của các doanh nghiệp về tình hình việc làm cho sinh viên của*) .

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 7.3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

+ **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Đối với các quy định về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển.

dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động trước khi ban hành đều được lấy ý kiến đóng góp của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Trước khi triển khai Hội nghị CBCCVC nhà trường đều tổ chức cho các cán bộ viên chức trong nhà trường góp ý nội dung dự thảo văn kiện hội nghị cán bộ công chức viên chức công khai theo từng đơn vị. Sau khi tiếp nhận các ý kiến góp ý của các đơn vị, nhà trường thực hiện tổng hợp các kiến nghị điều chỉnh, bổ sung các quy định.

Trong Hội nghị, nhà trường tiếp tục lấy ý kiến đóng góp của cán bộ viên chức với sự tham dự của trên 2/3 số CBGVNV nhằm xây dựng và hoàn thiện các quy định về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã phân công phòng Thanh tra - Pháp chế tiến hành tổ chức khảo sát ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách của nhà trường các năm 2019 - 2021. Các dữ liệu từ cuộc khảo sát được phân tích, đánh giá, là nguồn thông tin quan trọng được sử dụng để điều chỉnh các chính sách liên quan (**7.3.01** - *Kế hoạch về việc lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của nhà giáo, CBQL công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021*; **7.3.02** - *Thông báo về việc lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của cán bộ, giảng viên, nhân viên về các chính sách của nhà trường*; **7.3.03** - *Phiếu lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của cán bộ, giảng viên, nhân viên về các chính sách của nhà trường*);

Hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của CBGVNV về các chính sách của nhà trường là một công cụ đánh giá rất khách quan và nhằm đảm bảo công tác giám sát chất lượng giáo dục được tốt hơn và thuận lợi hơn. Kết quả đánh giá của CBGVNV cho thấy đại đa số đối tượng được khảo sát đều hài lòng về việc thực hiện của nhà trường trong các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động (7.3.04 - Báo cáo công tác lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của cán bộ, giảng viên, nhân viên về các chính sách của nhà trường - Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động hàng năm thu thập ý kiến hàng năm).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

+ **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch và thông báo triển khai lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và triển khai lấy ý kiến 2 lần/ năm học, hình thức lấy ý kiến: HS-SV phản hồi trên phiếu khảo sát thông qua Website. Sau khi người học thực hiện khảo sát, Phòng Thanh tra – Pháp chế tiến hành xử lý thống kê kết quả khảo sát, báo cáo kết quả lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (2.2.07 - Kế hoạch về việc lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 2.2.08 - Phiếu khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV các năm 2019, 2020, 2021; 2.2.09 - Bảng kết quả khảo sát của người học năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; Báo cáo kết quả phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 7.4.01 - Danh sách HSSV theo từng lớp học - Danh sách HSSV thực hiện khảo sát năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022).

Định kỳ mỗi năm 1 lần, nhà trường tổ chức chương trình gặp gỡ và đối thoại giữa Lãnh đạo nhà trường và học sinh sinh viên để thu thập ý kiến góp ý của người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường theo kế hoạch đề ra (7.4.02 - Kế hoạch tổ chức chương trình gặp gỡ, đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường và HSSV năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;). Phòng công tác chính trị HSSV tiếp nhận các kiến nghị, thắc mắc của HSSV và các trả lời, giải đáp của lãnh đạo nhà trường (7.4.03 - Thông báo thông tin về các nội dung trả lời của Lãnh đạo nhà trường trong chương trình “gặp gỡ và đối thoại giữa lãnh đạo

nhà trường với HSSV” năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 7.4.04 – Biên bản họp gặp gỡ và đối thoại giữa lãnh đạo Khoa với HSSV năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022).

Nhà trường cũng tiến hành lấy ý kiến người học về hoạt động phục vụ/ hỗ trợ của nhà trường trong năm 2019. Theo báo cáo kết quả khảo sát nhìn chung đa số sinh viên được khảo sát đồng ý với việc thực hiện triển khai thực hiện các hoạt động phục vụ/ hỗ trợ của nhà trường, bên cạnh đó cũng có một vài ý kiến góp ý mang tính chất xây dựng, cầu tiến nhằm mong muốn các hoạt động của nhà trường được tốt hơn (7.4.05 - Kế hoạch về việc lấy ý kiến người học về hoạt động phục vụ/ hỗ trợ của nhà trường; 7.4.06 - Thông báo v/v thực hiện công tác khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động phục vụ/ hỗ trợ của nhà trường; 7.4.07 - Phiếu lấy ý kiến người học về hoạt động phục vụ/ hỗ trợ của nhà trường; 7.4.08 - Báo cáo công tác lấy ý kiến người học về hoạt động phục vụ/ hỗ trợ của nhà trường).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

+ Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2018, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, trình độ cao đẳng của 6 nghề trọng điểm, trong đó có nghề ô tô. Vì vậy, Khoa luôn xác định mục đích của công tác tự kiểm định chất lượng không chỉ là để đảm bảo trách nhiệm của Khoa đối với chất lượng đào tạo mà còn mang lại động lực cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo cũng như chất lượng của Khoa. Từ năm 2018 đến nay, hằng năm, Khoa đều thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô, trình độ cao đẳng theo Kế hoạch Xây dựng, Vận hành, Đánh giá và Cải tiến Hệ thống Đảm bảo chất lượng của Nhà trường, cụ thể Khoa lên kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành công nghệ kỹ thuật ô tô, tiến hành viết báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô, thành lập Hội đồng đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô, trong đó có sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức họp hội đồng thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, xây dựng kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng và thực hiện các hoạt động cải tiến nâng cao chất lượng. Các báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo sau khi hoàn thành và được hội đồng thông qua đều được công bố đến toàn thể CBGVNV và HSSV theo kế hoạch. (7.5.01 - Quy trình tự đánh giá chất lượng CTĐT; 7.5.02 - Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề năm 2019, 2020, 2021; 7.5.03 -

Quyết định về thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2019, 2020, 2021; 7.5.04- Kế hoạch chi tiết thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của nghề công nghệ kỹ thuật ô tô năm 2019, 2020, 2021; 7.5.05 - Các biên bản họp Hội đồng đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề công nghệ kỹ thuật ô tô các năm 2019, 2020, 2021; 7.5.06 - Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề công nghệ kỹ thuật ô tô năm 2019, 2020, 2021; 7.5.07 - Các Thông báo về việc công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề công nghệ kỹ thuật ô tô các năm 2019, 2020, 2021).

Việc thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giúp Khoa xác định những điểm mạnh, phát hiện những điểm cần cải thiện nhằm hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô trở thành chương trình đào tạo chất lượng cao, khẳng định uy tín và thương hiệu của Khoa.

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

+ **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm, Khoa xem xét và căn cứ vào các tồn tại từ báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng và các báo cáo đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng của nhà trường, đề tổng hợp, phân tích, đề xuất kế hoạch cải tiến cho các tồn tại hoặc các vấn đề không phù hợp trong các hoạt động tại nhà trường. Căn cứ vào kế hoạch cải tiến chất lượng của Phòng Đảm bảo chất lượng, Khoa lên kế hoạch và thực hiện các cải tiến nâng cao chất lượng (**7.6.01 - Các kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng chương trình đào tạo năm 2019, 2020, 2021**). Sau các đợt cải tiến, Khoa đều gửi báo cáo quá trình hoạt động cải tiến và nâng cao chất lượng về Phòng Đảm bảo chất lượng (**7.6.02 - Các báo cáo tổng kết quá trình thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng trường các năm từ năm 2019, 2020, 2021**). Phòng Đảm bảo chất lượng tổng hợp và báo cáo công tác cải tiến nâng cao chất lượng hàng năm cho Ban Giám Hiệu.

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

+ **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hằng năm, Nhà trường đều tiến hành khảo sát lần vết đối với sinh viên tốt nghiệp toàn trường, trong đó có sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô. Phiếu khảo sát online được gửi đến cựu sinh viên qua email/điện thoại được lưu trữ trong phần mềm UIS, hoặc cựu sinh viên sẽ làm khảo sát tại trường khi đến nhận bằng tốt nghiệp (2.5.04 - Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm 2019, 2020, 2021; Danh sách SV tốt nghiệp; 7.1.04 - Kế hoạch khảo sát cựu HSSV năm 2019, 2020, 2021; 7.1.05 - Phiếu khảo sát doanh nghiệp có tuyển dụng sinh viên đã tốt nghiệp). Sau đó, kết quả khảo sát lần vết được Khoa phân tích và viết báo cáo đối với các sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô. Theo Báo cáo kết quả khảo sát lần vết cựu sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô tốt nghiệp các năm 2019, 2020, 2021, phần lớn cựu sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô đều có việc làm phù hợp với ngành, nghề được đào tạo. Báo cáo kết quả khảo sát lần vết là cơ sở để Khoa xem xét, điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo nhằm giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp đáp ứng hơn nữa các yêu cầu của doanh nghiệp và có được việc làm phù hợp với ngành, nghề được đào tạo (7.7.01 - Bảng tổng hợp tỷ lệ SVTN sau 6 tháng có việc làm phù hợp với nghề đào tạo; 7.2.02 - Dữ liệu khảo sát lần vết cựu sinh viên tốt nghiệp các năm 2019, 2020, 2021; 7.1.07 - Báo cáo kết quả khảo sát lần vết cựu sinh viên tốt nghiệp các năm 2019, 2020, 2021).

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

+ **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hằng năm, Khoa đều tiến hành khảo sát doanh nghiệp có sinh viên đã tốt nghiệp ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô của Khoa đang làm việc nhằm đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu của sinh viên về mặt kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp đối với doanh nghiệp, cũng như đánh giá sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn. Số lượng doanh nghiệp Khoa đã khảo sát năm 2019 là 10 doanh nghiệp, năm 2020 là 12 doanh nghiệp và năm 2021 là 12 doanh nghiệp. Danh sách thông tin các doanh nghiệp (tên, địa chỉ doanh nghiệp) cũng như số lượng, thông tin sinh viên đã tốt nghiệp ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô của Khoa đang làm việc tại doanh nghiệp được thu thập và thể hiện trong các kế hoạch khảo sát. Phương pháp Khoa tiến hành khảo sát: Khoa thông qua các giảng viên hướng dẫn thực tập hoặc các cựu sinh viên sẽ liên hệ với doanh nghiệp bằng điện thoại hoặc email, sau đó chuyển phiếu khảo sát dưới dạng online để đề nghị cán bộ quản lý tại doanh nghiệp thực hiện,

c cuối cùng, Khoa thống kê, xử lý dữ liệu, phân tích kết quả khảo sát và báo cáo lên ban giám hiệu. Nội dung phiếu khảo sát tập trung vào mức độ đáp ứng yêu cầu của sinh viên đối với doanh nghiệp và mức độ phù hợp của chương trình đào tạo đối với thực tiễn (*7.1.04 - Kế hoạch khảo sát cựu sinh viên về tình hình việc làm; giảng viên, sinh viên về chương trình đào tạo, hoạt động dạy học và cơ sở vật chất; doanh nghiệp về sự hài lòng đối với sinh viên nghề công nghệ kỹ thuật ô tô hàng năm; 7.1.05 - Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp có tuyển dụng sinh viên các năm 2019, 2020, 2021; 7.1.07 - Phiếu khảo sát cựu HSSV về tình hình việc làm; 7.1.08 - Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm*). Nhìn chung khoa đạt tối thiểu 80% về việc thực hiện điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

- Điểm tự đánh giá: **2 điểm**

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Khoa đang nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo và có văn bản thể hiện.

- Trong những năm tiếp theo Khoa tiến hành xây dựng kế hoạch đào tạo liên thông, quy định và chương trình đào tạo liên thông.

- Trong những năm tới Khoa Cơ khí Ô tô sẽ vận động giáo viên nâng cao trình độ ngoại ngữ và thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học.

- Lập kế hoạch gắn kết với doanh nghiệp sâu và rộng hơn nữa trong xây dựng chương trình và biên soạn giáo trình mang tính tích hợp chuẩn kỹ năng nghề và đánh giá tay nghề người lao động và kết hợp đào tạo nguồn nhân lực nghề công nghệ ô tô.

- Lập kế hoạch hàng năm rà soát, điều chỉnh chương trình, giáo trình nghề công nghệ ô tô ngày càng phù hợp với quy trình thực hiện nghề công nghệ ô tô trong công ty, doanh nghiệp.

- Trong năm học 2022 – 2023, Khoa hướng tới mô hình nhà xưởng theo hướng chuyên môn hóa giúp HSSV định hướng được những công việc cụ thể sau này đảm nhận.

- Đa dạng hóa các hình thức thông tin tuyển sinh, giới thiệu việc làm.

- Tăng cường các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho HSSV.

- Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho người học để định hướng, lựa chọn ngành nghề phù hợp.

- Tích cực tìm kiếm đối tác là các đơn vị sử dụng lao động ký kết các hợp đồng đào tạo và cung ứng lao động giúp người học sau khi tốt nghiệp có ngay việc làm phù hợp.

- Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp đưa sinh viên đi thực tập thực tế và tham gia học kỳ Doanh nghiệp.

- Trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kiểm định chất lượng, nhà Trường đều lên kế hoạch phát huy các mặt tích cực và khắc phục những hạn chế, qua đó cải thiện nâng cao chất lượng đào tạo. Trong thời gian tới căn cứ vào các quy định trong công tác giám sát, đánh giá chất lượng do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định,

Trường sẽ xây dựng xây dựng kế hoạch nhằm đảm bảo thực hiện tốt các tiêu chuẩn trong tiêu chí 7 “Giám sát, đánh giá chất lượng”.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Công tác tự kiểm định chương trình đào tạo là quá trình xem xét và đánh giá dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành là một yếu tố không thể thiếu được trong quản lý Nhà nước về dạy nghề và hoạt động của các trường Cao đẳng hiện nay.

Để công tác đảm bảo chất lượng có tính bền vững, đúng trình tự, phù hợp, phát triển, rất cần thiết phải đưa vào hoạt động đảm bảo chất lượng của Khoa đi vào nề nếp và chuẩn hóa. Khoa Cơ khí ô tô phối hợp với Phòng Đảm bảo chất lượng thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo gồm có 7 tiêu chí (50 tiêu chuẩn). Vì vậy, trong thời gian qua căn cứ vào Bộ tiêu chí kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, căn cứ vào thực tế đơn vị, xác định mục tiêu, chủ trương, xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động hướng tới phát huy những mặt mạnh đã đạt được, khắc phục những tồn tại, đảm bảo đáp ứng được đầy đủ 7 tiêu chí, 50 tiêu chuẩn về kiểm định chương trình đào tạo.

Đối với công tác tự kiểm định chương trình đào tạo của Khoa được xác định là nhiệm vụ thường xuyên. Từ đó hàng năm Khoa căn cứ vào tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt để rà soát hoạt động giảng dạy và học tập, qua đó phát huy những mặt mạnh đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế và có hướng phấn đấu tự hoàn thiện để nâng cao chất lượng chương trình.

2. KIẾN NGHỊ

- Nhà trường cần có văn bản xác định mức chi tối thiểu/ mỗi sinh viên cho từng ngành học.

- Khoa sẽ tiếp tục khuyến khích Giảng viên tiếp tục nâng cao, phát huy sáng kiến, và tích cực trong công tác giảng dạy nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản theo yêu cầu của chuẩn đầu ra sau khi tốt nghiệp.

- Đề nghị được bổ sung các thiết bị đáp ứng đầy đủ và kịp thời để phục vụ trong quá giảng dạy và nâng cao chất lượng đào tạo của khoa.

- Đề xuất Khoa Cơ khí Ô tô có một phòng máy tính riêng đặc thù, có các phần mềm hỗ trợ học tập công nghệ kỹ thuật ô tô.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

HIỆU TRƯỞNG

Võ Long Triều

PHỤ LỤC**1 Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.**

**UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 287/QĐ-CNTĐ-TCNS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề
Trình độ Cao đẳng - Năm 2022
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC**

Căn cứ Quyết định số 6426/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 09 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức trên cơ sở trường Trung học Kỹ thuật và Nghiệp vụ Thủ Đức;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Quy trình thực hiện tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 03 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng;

Căn cứ Kế hoạch số 05/KH-CNTĐ-ĐBCL ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Phòng Đảm bảo chất lượng về thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Kế toán – Trình độ Cao đẳng năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng và Trưởng Phòng Tổ chức - Nhân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề trình độ Cao đẳng - Năm 2022 của Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức (*danh sách đính kèm*).

Điều 2. Các Hội đồng tự đánh giá có chức năng và nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Thành viên Hội đồng bên trong Nhà trường:

- Đơn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;
- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng;
- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (nếu có).

2. Thành viên Hội đồng là Doanh nghiệp:

- Hỗ trợ nhà trường khi thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương

trình đào tạo (như khảo sát, thu thập thông tin, ...)

- Góp ý kiến liên quan đến tiêu chí:
 - + Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo
 - + Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình
 - + Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo
 - + Tiêu chí 6: Dịch vụ người học
 - + Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng
- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của nghề
- Thông qua các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng;
- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (nếu có).

Điều 3. Các Hội đồng tự đánh giá giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Trưởng phòng Tổ chức – Nhân sự, Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng, các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên trong danh sách đính kèm tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: HCTH, TCNS.(Ha)

HIỆU TRƯỞNG

Võ Long Triều

UBND TP.HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Đính kèm theo Quyết định số 287/QĐ- CNTĐ-NS ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức)

Stt	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Võ Long Triều	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Ông Nguyễn Xuân Toán	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Ông Cù Huy Hoài	TK. Cơ khí ô tô	Phó Chủ tịch TT
4	Ông Nguyễn Văn Dân	TP. Đảm bảo chất lượng	Ủy viên
5	Ông Huỳnh Chí Hỷ	TK. Khoa Cơ khí chế tạo máy	Ủy viên
6	Ông Nguyễn Thanh Phong	Giám đốc Công ty TNHH Ô tô Minh Phương.	Ủy viên
7	Ông Huỳnh Tấn Thiết	Phó Giám đốc kỹ thuật Công ty Toyota Biên Hoà	Ủy viên
8	Ông Lê Văn Thanh	GV. Khoa Cơ khí ô tô	Ủy viên
9	Đoàn Minh Tường	TBM. Khoa Cơ khí ô tô	Ủy viên - Thư ký

2 Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo:

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC
KHOA CƠ KHÍ Ô TÔ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHÂN CÔNG THỰC HIỆN TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ NĂM 2022

I. Thu thập minh chứng

STT	Nội dung	Phân công	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	Nguyễn Văn Hoàng Khánh	Từ 04/06/2022 đến 16/06/2022	
2	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	Nguyễn Văn Hoàng Khánh Đoàn Xuân Lập	Từ 04/06/2022 đến 16/06/2022	
3	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.			
4	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.			
5	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	Nguyễn Văn Hoàng Khánh Đoàn Xuân Lập	Từ 05/06/2022 đến 25/06/2022	
6	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	Nguyễn Văn Hoàng Khánh	Từ 05/06/2022 đến 25/06/2022	

STT	Nội dung	Phân công	Thời gian thực hiện	Ghi chú
7	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.			
8	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.			
9	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với nghề, nghề đào tạo.	Nguyễn Văn Hoàng Khánh Đoàn Xuân Lập	Từ 05/06/2022 đến 25/06/2022	
10	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.			
11	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.			
12	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.			
13	Tiêu chí 3: nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	Đoàn Minh Tường	Từ 08/06/2022 đến 05/07/2022	
14	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	Đoàn Minh Tường Lê Thành Đạt	Từ 08/06/2022 đến 05/07/2022	
15	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.			

STT	Nội dung	Phân công	Thời gian thực hiện	Ghi chú
16	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.			
17	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn nghề, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.			
18	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.			
19	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.			
20	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.			
21	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.			
22	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	Lê Văn Thanh Phạm Trường Giang	Từ 07/06/2022 đến 16/07/2022	
23	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	Lê Văn Thanh Phạm Trường Giang	Từ 07/06/2022 đến 16/07/2022	
24	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.			
25	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.			
26	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.			
27	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo			

STT	Nội dung	Phân công	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.			
28	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.			
29	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.			
30	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.			
31	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.			
32	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.			
33	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.			
34	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.			
35	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	Lê Văn Thanh Phạm Trường Giang	Từ 07/06/2022 đến 16/07/2022	
36	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	Quăng Minh Đặng Nguyễn Chí Hiếu	Từ 08/06/2022 đến 25/07/2022	
37	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	Quăng Minh Đặng Nguyễn Chí Hiếu	Từ 08/06/2022 đến 25/07/2022	
37	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại			

STT	Nội dung	Phân công	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.			
38	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.			
39	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.			
40	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.			
41	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	Quảng Minh Đặng Nguyễn Chí Hiếu	Từ 08/06/2022 đến 25/07/2022	
42	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.			
43	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.			
44	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	Lê Văn Thanh Phạm Trường Giang	Từ 08/06/2022 đến 06/08/2022	
45	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế	Lê Văn Thanh Phạm Trường Giang	Từ 08/06/2022 đến 06/08/2022	

STT	Nội dung	Phân công	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.			
46	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.			
47	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	Lê Văn Thanh Phạm Trường Giang	Từ 08/06/2022 đến 06/08/2022	
48	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.			
49	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	Uông Hoàng Trí Phan Quốc Hùng	Từ 08/06/2022 đến 06/08/2022	
50	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	Uông Hoàng Trí Phan Quốc Hùng	Từ 08/06/2022 đến 06/08/2022	
51	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.			
52	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh			

STT	Nội dung	Phân công	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	giáo nhà giáo, cán bộ quản lý.			
53	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.			
54	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.			
55	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).			
56	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với nghề, nghề đào tạo.	Uông Hoàng Trí Phan Quốc Hùng	Từ 08/06/2022 đến 06/08/2022	
57	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.			

II. Viết báo cáo theo tiêu chí:

STT	Nội dung	Phân công	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	Đoàn Xuân Lập Nguyễn Văn Hoàng Khánh	Từ 04/06/2022 đến 16/06/2022	
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	Đoàn Xuân Lập Nguyễn Văn Hoàng Khánh	Từ 05/06/2022 đến 25/06/2022	
3	Tiêu chí 3: nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	Đoàn Minh Tường Lê Thành Đạt	Từ 08/06/2022 đến 05/07/2022	
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	Lê Văn Thanh Phạm Trường Giang	Từ 07/06/2022 đến 16/07/2022	
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	Quảng Minh Đăng Nguyễn Chí Hiếu	Từ 08/06/2022 đến 25/07/2022	
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	Lê Văn Thanh Phạm Trường Giang	Từ 08/06/2022 đến 06/08/2022	
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	Uông Hoàng Trí Phan Quốc Hùng	Từ 08/06/2022 đến 06/08/2022	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

TRƯỞNG KHOA

BẢNG MÃ MINH CHỨNG NĂM HỌC 2021 - 2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1.	1	1	1.1.01		Chương trình khung nghề CNKT Ô Tô Khóa 2018, 2019, 2020
2.	1	1	1.1.02		Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND: Ban hành quy định về kích cầu đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ của thành phố hồ chí minh trong giai đoạn 2018 – 2020
3.	1	1	1.1.03		Quyết định Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp (DN) và sản phẩm cơ khí - tự động hóa TP giai đoạn 2020 – 2030
4.	1	1	1.1.04		Website công bố Sứ mạng, tầm nhìn của Trường- www.tdc.edu.vn
5.	1	1	1.1.05		Công văn số 20833/SLĐTBOXH-DN ngày 10/8/2017 V/v bổ sung trường chất lượng cao, nghề trọng điểm và trường được lựa chọn nghề trọng điểm
6.	1	1	1.1.06		Biên bản thẩm định CTĐT nghề CNKT Ô Tô khóa 2020; phiếu thẩm định chương trình đào tạo khóa 2020
7.	1	1	1.1.07		Kế hoạch đào tạo khóa tuyển 2018, 20219, 2020 do Trưởng Khoa ký
8.	1	1	1.1.08		Kế hoạch số 131A/KH-CNTĐ-ĐT ngày 20/5/2015 Kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo khóa tuyển sinh năm 2018
9.	1	1	1.1.09		Thông báo số 26/TB-CNTĐ-ĐT ngày 29/3/2018 về việc xây dựng Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2018
10.	1	1	1.1.10		Thông báo về việc xây dựng chương trình và kế hoạch đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2019: Số: 61/TB-CNTĐ-ĐT ngày 19/4/2019
11.	1	1	1.1.11		Thông báo: 19/TB-CNTĐ-ĐT ngày 26/2/2020 Thông báo v/v đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo khóa tuyển sinh 2020

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
12.	1	1	1.1.12		Báo cáo phân tích thị trường lao động năm 2018, 2019, 2020 - Dự báo nhu cầu nhân lực năm 2019, 2020, 2021 tại TP HCM). Do vậy, Mục tiêu của chương trình đào tạo luôn phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và cả nguyện vọng của chính bản thân người học
13.	1	2	1.2.01		Quyết định số 167/QĐ-CNTĐ-NS ngày 10/5/2017: Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức ; Quy định chức năng, nhiệm vụ của khoa Điện – Điện tử - Phần X – Các khoa chuyên môn, từ trang 10 đến trang 13 <i>Đính kèm quyết định 164A/QĐ-CNTĐ-ĐT về việc giao nhiệm vụ cho khoa/đơn vị phụ trách và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện CTĐT</i>
14.	1	2	1.2.02		Báo cáo kết quả hoạt động năm học và phương hướng nhiệm vụ của khoa năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021_có thể hiện Khoa đã có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định
15.	1	2	1.2.03		Báo cáo kết quả hoạt động năm học và phương hướng nhiệm vụ của Nhà trường năm học 2018-2019, 2019-2019, 2020-2021
16.	1	2	1.2.04		Bảng phân công nhiệm vụ của Khoa
17.	1	2		1.1.07	Kế hoạch đào tạo khóa tuyển 2018, 2019, 2020 do Trưởng Khoa ký
18.	1	2	1.2.05		Quy trình cập nhật điều chỉnh chương trình đào tạo do P.QLĐT biên soạn
19.	1	2	1.2.06		Quyết định về việc giao cho trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức đào tạo nghề Công nghệ kỹ thuật Ô tô trình độ cao đẳng hệ chính quy.
20.	1	2	1.2.07		Quyết định khen thưởng đối với giảng viên, nhân viên năm học 2019, 2020, 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
21.	1	2	1.2.08		Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ của phòng Thanh tra Pháp chế năm 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022
22.	1	3		1.1.06	Biên bản thẩm định CTĐT nghề CNKT Ô Tô khóa 2020; phiếu thẩm định chương trình đào tạo khóa 2020
23.	1	3	1.3.01		Chương trình chi tiết khóa 2019, 2020, 2021; Biên bản họp điều chỉnh chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021
24.	1	3	1.3.02		Danh mục vật tư theo từng học kỳ năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
25.	1	3	1.3.03		Quyết định về Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm tài chính 2018, số 557/QĐ-CNTĐ-HC, ngày 31/10/2017, do Hiệu trưởng ký ban hành; Quyết định về Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm tài chính 2019, số 610/QĐ-CNTĐ-HC, ngày 02/11/2018, Quyết định về Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm tài chính 2020, số 673/QĐ-CNTĐ-NS ngày 04/11/2019
26.	1	3	1.3.04		Thông báo thu học phí, lệ phí năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
27.	1	3	1.3.05		Báo cáo, biên bản thanh kiểm tra về công tác đào tạo năm 2019, 2020, 2021
28.	1	3	1.3.06		Hồ sơ nghiệm thu định mức thiết bị vật tư nghề CNKT Ô Tô năm 2021
29.	2	1	2.1.01		Kế hoạch tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021
30.	2	1	2.1.02		Thông tin tuyển sinh năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
31.	2	1	2.1.03		QĐ ban hành Quy chế tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021
32.	2	1	2.1.04		QĐ thành lập HĐ tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021
33.	2	1	2.1.05		QĐ công nhận trúng tuyển NH 2019, 2020, 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
34.	2	1	2.1.06		QĐ thành lập lớp Bậc Cao đẳng khóa 2019, 2020, 2021
35.	2	1	2.1.07		Giấy chứng nhận đăng ký chỉ tiêu GDNN năm 2019, 2020, 2021
36.	2	1	2.1.08		Báo cáo kết quả kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021
37.	2	2		1.1.11	Kế hoạch đào tạo NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
38.	2	2		1.1.03	QĐ ban hành chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021
39.	2	2	2.2.01		QĐ ban hành tiến độ NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
40.	2	2	2.2.02		Giáo án HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
41.	2	2	2.2.03		Lịch giảng dạy HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
42.	2	2	2.2.04		Nhật ký giảng dạy HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
43.	2	2	2.2.05		Tiến độ đào tạo HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
44.	2	2	2.2.06		Thời khóa biểu đào tạo HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
45.	2	2	2.2.07		TB khảo sát hoạt động giảng dạy của GV HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
46.	2	2	2.2.08		Bảng thống kê kết quả khảo sát hoạt động giảng dạy của từng GV HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
47.	2	2	2.2.09		Biên bản họp về việc khảo sát hoạt động giảng dạy của GV HK1,

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
48.	2	2	2.2.10		QĐ ban hành chuẩn đầu ra khóa 2019, 2020, 2021
49.	2	2	2.2.11		KH phân công GV biên chế HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
50.	2	2	2.2.12		KH phân công GV thỉnh giảng HK2 NH 2020 - 2021
51.	2	2	2.2.13		Kế hoạch dự giờ dạy của GV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
52.	2	2	2.2.14		Biên bản góp ý giờ giảng NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
53.	2	2	2.2.15		Kế hoạch kiểm tra nội bộ NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
54.	2	2		1.3.03	Đề cương báo cáo kiểm tra nội bộ khoa Cơ khí ô tô NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
55.	2	2		1.3.04	Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
56.	2	3		2.2.01	QĐ ban hành tiến độ NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
57.	2	3		2.2.02	Giáo án HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
58.	2	3		2.2.03	Lịch giảng dạy HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
59.	2	3		2.2.04	Nhật ký giảng dạy HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
60.	2	3		2.2.05	Tiến độ đào tạo HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
61.	2	3		2.2.06	Thời khóa biểu đào tạo HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
62.	2	3		2.2.07	Kế hoạch khảo sát hoạt động giảng dạy của GV HK1, HK2 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
63.	2	3		2.2.08	Phiếu khảo sát hoạt động giảng dạy của từng GV HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
64.	2	3		2.2.09	Biên bản họp về việc khảo sát hoạt động giảng dạy của GV HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
65.	2	3		2.2.10	Chuẩn đầu ra khóa 2019, 2020, 2021
66.	2	3		2.2.11	KH phân công GV biên chế HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
67.	2	3		2.2.12	KH phân công GV thỉnh giảng HK2 NH 2020 - 2021
68.	2	3		2.2.13	Kế hoạch dự giờ dạy của GV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
69.	2	3		2.2.14	Biên bản góp ý giờ giảng NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
70.	2	3		2.2.15	Kế hoạch kiểm tra nội bộ NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
71.	2	3		1.3.03	Đề cương báo cáo kiểm tra nội bộ khoa Cơ khí ô tô NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
72.	2	3		1.3.04	Báo cáo kết quả đánh giá nội bộ năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
73.	2	3	2.3.01		Phần mềm quản lý chương trình đào tạo, môn học, học sinh, điểm UIS
74.	2	3	2.3.02		Phần mềm giảng dạy thực hành AutoCAD
75.	2	3	2.3.03		Tài liệu giảng dạy AutoCAD
76.	2	3	2.3.04		Kế hoạch tập huấn phần mềm chuyên môn của Giảng viên Số 87/KH-CNTĐ-KOT ngày 30/11/2018
77.	2	4	2.4.01		Biên bản ký kết hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021
78.	2	4	2.4.02		Kế hoạch thực tập DN của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021,

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					2021-2022;
79.	2	4	2.4.03		Danh sách thực tập doanh nghiệp của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
80.	2	4	2.4.04		Chương trình chi tiết môn TTDN khóa NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
81.	2	4	2.4.05		Nhật ký thực tập doanh nghiệp của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
82.	2	4	2.4.06		Phiếu đánh giá thực tập doanh nghiệp của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
83.	2	4	2.4.07		Báo cáo kết quả thực tập doanh nghiệp của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
84.	2	4	2.4.08		Phiếu vấn đáp kết quả thực tập doanh nghiệp của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
85.	2	4	2.4.09		Kế hoạch thực tập Tốt nghiệp của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
86.	2	4	2.4.10		Danh sách thực tập Tốt nghiệp của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
87.	2	4	2.4.11		Chương trình chi tiết môn Tốt nghiệp khóa NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
88.	2	4	2.4.12		Nhật ký thực tập Tốt nghiệp của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
89.	2	4	2.4.13		Phiếu đánh giá thực tập Tốt nghiệp của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
90.	2	4	2.4.14		Báo cáo kết quả thực tập doanh nghiệp của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
91.	2	4	2.4.15		Phiếu vấn đáp kết quả thực tập Tốt nghiệp của SV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
92.	2	4	2.4.16		Kế hoạch gặp gỡ Tân HSSV Khóa 2019, 2020, 2021
93.	2	4	2.4.17		Biên bản gặp gỡ Tân HSSV Khóa 2019, 2020, 2021
94.	2	5		1.2.06	Quyết định ban hành Quy chế đào tạo bậc Cao đẳng năm 2017
95.	2	5		1.2.07	Quyết định về việc điều chỉnh Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ năm 2019 số 180/TB-CNTĐ-ĐT ngày 26/09/2019
96.	2	5	2.5.01		Phân công GV coi thi NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
97.	2	5	2.5.02		Hồ sơ xét tốt nghiệp NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
98.	2	5	2.5.03		Thông báo xét tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021
99.	2	5	2.5.04		Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021
100.	2	5	2.5.05		Thông báo đánh giá rèn luyện HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
101.	2	6		2.2.13	Kế hoạch dự giờ dạy của GV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
102.	2	6	2.6.01		Lịch dự giờ GV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
103.	2	6		2.2.14	Biên bản góp ý giờ giảng NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
104.	2	6	2.6.02		Bảng tổng hợp ghi nhận việc thực hiện nhiệm vụ giảng dạy của GV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
105.	2	6		2.2.09	Biên bản họp về việc khảo sát hoạt động giảng dạy của GV HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
106.	2	6	2.6.03		Phân công ra đề thi HK1, HK2 năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
107.	2	6	2.6.04		Phân công chấm thi HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
108.	2	7	2.7.01		Không có
109.	2	1	2.1.01		Kế hoạch tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021
110.	3	1			Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; môn học đang giảng

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học
111.	3	1			Biên bản thanh kiểm tra trình độ, nghiệp vụ, chuyên môn nhà giáo
112. 3	3	1			Hồ sơ quản lý nhà giáo
113.	3	1			Kế hoạch phân công chuyên môn giảng viên biên chế, tập sự và thỉnh giảng năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
114.	3	1	3.1.01		Danh sách tổng hợp GV năm 2019, 2020, 2021
115.	3	1	3.1.02		Bảng đăng ký tuyển dụng GV năm 2019, 2020, 2021
116.	3	1		1.3.03	Báo cáo kết quả kiểm tra nội bộ các đơn vị NH 2019- 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
117.	3	1		3.1.04	Hồ sơ quản lý nhà giáo
118.	3	1		3.1.01	Danh sách tổng hợp GV năm 2019, 2020, 2021
119.	3	2		2.2.11	KH phân công GV biên chế HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020-2021. 2021- 2022;
120.	3	2		2.2.12	KH phân công GV thỉnh giảng HK2 NH 2020 – 2021, 2021-2022
121.	3	2		1.3.03	Đề cương báo cáo kiểm tra nội bộ khoa Cơ khí ô tô NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022.
122.	3	2		2.2.13	Kế hoạch dự giờ dạy của GV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
123.	3	2		2.2.14	Biên bản góp ý giờ giảng NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
124.	3	2	3.2.01		Biên bản xét thi đua tháng
125.	3	2	3.2.02		Kết quả tổng hợp thi đua quý
126.	3	2	3.2.03		Kết quả tổng hợp thi đua năm 2019, 2020, 2021
127.	3	2		1.2.01	QĐ công nhận danh hiệu thi đua tập thể NH 2019 - 2020, 2020 – 2021, 2021-2022

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
128.	3	2	3.2.04		Tổng hợp đánh giá xếp loại nhà giáo năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
129.	3	2		1.3.03	Đề cương báo cáo kiểm tra nội bộ khoa Cơ khí ô tô NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
130.	3	2		2.2.13	Kế hoạch dự giờ dạy của GV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
131.	3	2		2.2.14	Biên bản góp ý giờ giảng NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
132.	3	3		3.1.01	Danh sách tổng hợp GV năm 2019, 2020, 2021
133.	3	3		1.3.04	Báo cáo kết quả kiểm tra nội bộ các đơn vị NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
134.	3	3	3.3.01		Quy định chế độ làm việc của GV NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
135.	3	3		1.1.11	Kế hoạch đào tạo NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
136.	3	3		2.2.05	Tiến độ đào tạo HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
137.	3	3		2.2.06	Thời khóa biểu đào tạo HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
138.	3	3	3.3.02		Danh sách HSSV theo lớp học phần HK1, HK2 NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
139.	3	3	3.3.03		Bảng thống kê giờ dạy của GV năm 2019, 2020, 2021
140.	3	4		3.1.01	Danh sách tổng hợp GV năm 2019, 2020, 2021
141.	3	4	3.4.01		Quy chế công tác hoạt động NCKH năm 2019, 2020, 2021
142.	3	4	3.4.02		Kế hoạch NCKH năm 2019, 2020, 2021
143.	3	4	3.4.03		Danh sách đăng ký công trình NCKH NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
144.	3	4	3.4.04		Báo cáo công trình NCKH NH 2019 –2020, 2020–2021, 2021-

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					2022
145.	3	4	3.4.05		Kết quả nghiệm thu công trình NCKH 2019–2020, 2020 – 2021, 2021-2022
146.	3	4	3.4.06		CV 8955/SLĐTBXH-GDNN ngày 23/03/2020 về việc đăng ký tham gia hội giảng nhà giáo GDNN cấp thành phố năm 2020, 2021
147.	3	4	3.4.07		Danh sách GV đăng ký tham gia hội giảng nhà giáo GDNN cấp thành phố năm 2020, 2021
148.	3	5	3.5.01		Danh sách đăng ký tham dự khóa bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề cho GV dạy nghề năm 2018
149.	3	5	3.5.02		Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3
150.	3	5	3.5.03		Danh sách đăng ký tham dự tập huấn thiết kế chương trình đào tạo chuẩn quốc tế năm 2019
151.	3	5	3.5.04		Giấy chứng nhận hoàn thành khóa tập huấn thiết kế chương trình đào tạo chuẩn quốc tế năm 2019
152.	3	5	3.5.05		Quyết định cử cán bộ tham dự tập huấn về quy trình/công cụ “Nguyên lý và phương pháp thiết kế chuẩn đầu ra năm 2020”
153.	3	5	3.5.06		Báo cáo kết quả tập huấn về quy trình/công cụ “Nguyên lý và phương pháp thiết kế chuẩn đầu ra năm 2020”
154.	3	5	3.5.07		Quyết định cử cán bộ tham dự tập huấn “Phương thức triển khai DACUM và hình thành chuẩn năng lực từ DACUM năm 2020”

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
155.	3	5	3.5.08		Báo cáo kết quả tập huấn “Phương thức triển khai DACUM và hình thành chuẩn năng lực từ DACUM năm 2020”
156.	3	6		3.1.01	Danh sách tổng hợp GV năm 2019, 2020, 2021
157.	3	6	3.6.01		KH thực tập DN của Giảng viên NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
158.	3	6	3.6.02		Bảng mô tả công việc đi thực tập tại DN của Giảng viên NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
159.	3	6	3.6.03		Nhật ký thực tập tại DN của Giảng viên NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
160.	3	6	3.6.04		Báo cáo kết quả thực tập tại DN của Giảng viên NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
161.	3	6	3.6.05		Phiếu nhận xét kết quả thực tập DN của Giảng viên NH 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
162.	3	7	3.7.01		Danh sách CBQL và nhân viên năm 2019, 2020, 2021
163.	3	7	3.7.02		Bảng phân công công việc của khoa Cơ khí ô tô năm 2019, 2020, 2021
164.	3	7		3.2.01	Biên bản xét thi đua tháng

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
165.	3	7		3.2.03	Kết quả tổng hợp thi đua năm 2019, 2020, 2021
166.	3	7		3.2.04	Tổng hợp đánh giá xếp loại nhà giáo năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
167.	3	8		3.2.01	Biên bản xét thi đua tháng
168.	3	8		3.2.03	Kết quả tổng hợp thi đua năm 2019, 2020, 2021
169.	3	8		3.2.04	Tổng hợp đánh giá xếp loại nhà giáo năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
170.	3	8	3.8.01		Phiếu đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo
171.	3	8	3.8.02		Kết quả xét thi đua của CBQL và nhân viên; 1.2.11 Báo cáo tổng kết của nhà trường năm 2019, 2020, 2021
172.	3	8		1.2.11	Báo cáo tổng kết của nhà trường năm 2019, 2020, 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
173.	3	8		3.7.01	Danh sách CBQL và nhân viên năm 2019, 2020, 2021
174.	3	8		3.7.02	Bảng phân công công việc của khoa Cơ khí ô tô năm 2019, 2020, 2021.; 3.8.02- Kết quả xét thi đua của CBQL và nhân viên
175.	3	8		1.2.01	QĐ công nhận danh hiệu thi đua tập thể NH 2019 - 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
176.	3	8		3.2.04	Tổng hợp đánh giá xếp loại nhà giáo năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022
177.	4	1	4.1.01		TB về việc xây dựng Chương trình đào tạo, Kế hoạch đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo khóa tuyển sinh năm 2020 Số 14/KH-CNTĐ-ĐT ngày 24/02/2020;
178.	4	1		1.1.04	Quyết định thành lập Ban biên soạn, chủ nhiệm chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021
179.	4	1	4.1.02		Biên bản họp của Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
180.	4	1	4.1.03		Kế hoạch làm việc của ban biên soạn chương trình đào tạo
181.	4	1		1.1.08	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021
182.	4	1		1.1.10	Các biên bản họp thẩm định chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021
183.	4	1		1.1.03	Quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình chi tiết khóa 2019, 2020, 2021
184.	4	1	4.1.04		Thư mời đại diện doanh nghiệp góp ý dự thảo chương trình đào tạo nghề ...
185.	4	2		4.1.01	TB về việc xây dựng Chương trình đào tạo và Kế hoạch đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo khóa tuyển sinh năm 2020 Số 14/KH-CNTĐ-ĐT ngày 24/02/2020;
186.	4	2		1.1.06	Quyết định thành lập Ban biên soạn, chủ nhiệm chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021
187.	4	2		1.1.08	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021
188.	4	2		1.1.10	Các biên bản họp thẩm định chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
189.	4	2	4.2.01		Bảng thống kê kết quả lấy thông tin phản hồi từ HSSV
190.	4	2	4.2.02		Lý lịch khoa học của đại diện doanh nghiệp tham gia thẩm định chương trình
191.	4	2	4.2.03		Danh sách các hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
192.	4	2	4.2.04		Thư mời đại diện doanh nghiệp tham gia Hội đồng thẩm định chương trình
193.	4	2		1.1.03	Quyết định ban hành chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021
194.	4	3		1.1.03	Quyết định ban hành chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021
195.	4	3		1.1.02	Chương trình chi tiết môn học các khóa 2019, 2020, 2021
196.	4	3	4.3.01		Chuẩn đầu ra trình độ Cao đẳng khóa 2019, 2020, 2021
197.	4	3	4.3.02		Quyết định thành lập hội đồng lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo năm 2019, 2020, 2021
198.	4	3	4.3.03		Biên bản họp hội đồng lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo
199.	4	3	4.3.04		Quyết định ban hành tài liệu hệ thống đảm bảo chất lượng; kèm theo Quy trình
200.	4	4	4.4.01		Tiến trình đào tạo của khóa 2019, 2020, 2021
201.	4	4		1.1.03	Quyết định ban hành chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021
202.	4	4		1.1.02	Chương trình chi tiết môn học các khóa 2019, 2020, 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
203.	4	4	4.4.02		Biên bản góp ý sự phù hợp về phân bố thời gian, trình tự đào tạo các môn học của chương trình năm 2019, 2020, 2021
204.	4	4	4.4.03		Tiến trình đào tạo của chương trình đào tạo nghề CNKT cơ khí ô tô khóa, 2019, 2020, 2021
205.	4	4	4.4.04		Danh sách giảng viên dạy nghề ... năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
206.	4	4		2.2.01	Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
207.	4	5		1.3.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021
208.	4	5	4.5.01		Bảng danh sách các phòng thực hành, thực tập của Khoa
209.	4	5	4.5.02		Danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu so với quy định cho nghề
210.	4	5	4.5.03		Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng thực hành
211.	4	5	4.5.04		Sơ đồ xưởng thực hành
212.	4	5		3.1.01	Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học
213.	4	6	4.6.01		Bảng điểm quá trình (Mẫu 4) năm 2019, 2020, 2021
214.	4	6	4.6.02		Điểm thi kết thúc học phần năm 2019, 2020, 2021
215.	4	6		1.1.03	Quyết định ban hành chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021
216.	4	6	4.6.03		Biên bản họp góp ý sự phù hợp phương pháp đánh giá kết quả học tập, mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học năm 2019, 2020, 2021
217.	4	7		4.1.01	TB về việc xây dựng Chương trình đào tạo và Kế hoạch đào tạo năm 2019, 2020, 2021
218.	4	7	4.7.01		Quyết định về việc công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					và khối lượng kiến thức được miễn trừ của sinh viên cao đẳng liên thông khóa 2019, 2020, 2021
219.	4	7		4.1.02	Quyết định thành lập Ban biên soạn, chủ nhiệm chương trình đào tạo khóa 2019,2020,2021
220.	4	7	4.7.02		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo khoá 2019, 2020, 2021
221.	4	7	4.7.03		Báo cáo phân tích thị trường lao động năm 2019, 2020, 2021 - Dự báo nhu cầu nhân lực năm 2020, 2021, 2022 tại TP HCM
222.	4	7	4.7.04		Biên bản họp khoa góp ý xây dựng chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021
223.	4	7		1.1.03	Quyết định ban hành chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021
224.	4	8	4.8.01		Kế hoạch tuyển sinh cao đẳng liên thông năm 2019, 2020, 2021; Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc Hội đồng tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021
225.	4	8	4.8.02		Quyết định về việc công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng liên thông khóa tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021
226.	4	8	4.8.03		Quyết định ban hành Chương trình đào tạo liên thông cho khóa 2019, 2020, 2021
227.	4	8		4.3.02	Chương trình chi tiết môn học các khóa 2019, 2020, 2021
228.	4	8		4.7.02	Quyết định về việc công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ của sinh viên cao đẳng liên thông khóa 2019, 2020, 2021
229.	4	8	4.8.04		Công văn của trường ĐH GTVT Tp.HCM về liên kết hỗ trợ đào tạo đại học vừa học vừa làm; Biên bản ghi nhớ của trường ĐH GTVT về việc liên kết hỗ trợ đào tạo đại học hình thức vừa học

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					vừa làm
230.	4	9	4.9.01		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp
231.	4	9	4.9.02		Quyết định ban hành Quy định biên soạn, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh giáo trình đào tạo năm; kèm theo Quy định
232.	4	9	4.9.03		Quyết định ban hành Danh mục giáo trình đào/Tài liệu giảng dạy trình độ CĐ năm 2019,2020, 2021
233.	4	9		4.3.04	Quyết định thành lập hội đồng lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo năm 2019, 2020, 2021
234.	4	9		1.1.03	Quyết định ban hành chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021
235.	4	9	4.9.04		Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT năm năm 2019, 2020, 2021
236.	4	9	4.9.05		Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT
237.	4	9	4.9.06		..http://lib.tdc.edu.vn/Default.aspx?
238.	4	10		4.9.04	Danh mục giáo trình, tài liệu giảng dạy
239.	4	10		1.1.03	Quyết định ban hành chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021
240.	4	10		4.3.01	Chương trình chi tiết môn học các khóa 2019, 2020, 2021
241.	4	10	4.10.01		Kế hoạch biên soạn, lựa chọn danh mục giáo trình, tài liệu năm 2019, 2020, 2021
242.	4	10	4.10.03		Danh sách GV đăng ký biên soạn giáo trình đào tạo năm 2019, 2020, 2021
243.	4	10	4.10.04		Biên bản hội thảo xin ý kiến giáo viên, chuyên gia năm 2019, 2020, 2021
244.	4	10	4.10.05		Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, nghiệm thu, biên soạn giáo trình đào tạo năm 2019, 2020, 2021
245.	4	10			Biên bản họp hội đồng thẩm định/ lựa chọn giáo trình đào tạo

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			4.10.06		năm 2019, 2020, 2021
246.	4	10	4.10.07		Biên bản họp hội đồng, nghiệm thu, biên soạn giáo trình đào tạo các năm
247.	4	10		4.9.03	Quyết định ban hành Danh mục giáo trình đào/Tài liệu giảng dạy trình độ CĐ năm 2019, 2020, 2021
248.	4	10	4.10.08		Quy trình lựa chọn thẩm định giáo trình đào tạo, Quy trình biên soạn giáo trình đào tạo
249.	4	10	4.10.09		Biên bản họp hội đồng lựa chọn, thẩm định, cập nhật, chỉnh sửa giáo trình đào tạo; Phiếu đánh giá chất lượng, đề xuất lựa chọn giáo trình đào tạo
250.	4	11		1.1.03	Quyết định ban hành chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021
251.	4	11		1.1.02	Chương trình chi tiết môn học các khóa 2019, 2020, 2021
252.	4	11		4.10.05	Danh sách GV đăng ký biên soạn giáo trình đào tạo năm 2019, 2020, 2021
253.	4	11		4.10.07	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, nghiệm thu, biên soạn giáo trình đào tạo năm 2019, 2020, 2021
254.	4	11		4.10.09	Biên bản họp hội đồng, nghiệm thu, biên soạn giáo trình đào tạo các năm
255.	4	11	4.11.01		Quyết định thành lập hội đồng lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo nghề CNKT ô tô năm 2019, 2020, 2021
256.	4	11		4.10.08	Biên bản họp hội đồng thẩm định/ lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2019, 2020, 2021
257.	4	11		4.9.03	Quyết định ban hành Danh mục giáo trình đào/Tài liệu giảng dạy trình độ CĐ năm 2019, 2020, 2021
258.	4	11			Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				4.9.07	
259.	4	11	4.11.02		...http://lib.tdc.edu.vn/Default.aspx?
260.	4	12	4.12.01		Quyết định thành lập hội đồng lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo nghề CNKT ô tô năm 2018, 2019, 2020
261.	4	12		4.10.08	Biên bản họp hội đồng thẩm định/ lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2019, 2020, 2021
262.	4	12	4.12.02		Hợp đồng tham gia hội đồng thẩm định, nghiệm thu giáo trình đào tạo
263.	4	12	4.12.03		Danh sách cán bộ, giảng viên nhận xét đánh giá về chất lượng giáo trình đào tạo
264.	4	12	4.12.04		Kết quả thu thập và tổng hợp ý kiến nhận xét đánh giá về chất lượng giáo trình đào tạo nghề CNKT Ô tô
265.	4	12		4.10.09	Biên bản họp hội đồng, nghiệm thu, biên soạn giáo trình đào tạo các năm
266.	5	5.1		4.5.01	Bảng thống kê số lượng phòng xưởng thực hành
267.			5.1.01		Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị thực hành, danh mục thiết bị
268.			5.1.02		Hồ sơ bản vẽ thống kê diện tích sàn sử dụng
269.			5.1.03		Hóa đơn điện, nước các năm
270.			5.1.04		Bản vẽ sơ đồ các xưởng thực hành
271.			5.1.05		Bảng thống kê số lượng học sinh, sinh viên
272.			5.1.06		Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo đối với phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa
273.			5.1.07		Báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng về số lượng phòng thực hành theo CTĐT
274.			5.1.08		Báo cáo kế hoạch bảo dưỡng hàng năm
275.			5.1.09		Báo cáo thực trạng máy móc thiết bị

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
276.				5.1.01	Sổ tài sản của từng xưởng thực hành
277.				2.2.06	Thời khóa biểu các lớp học phần cho từng học kỳ
278.	5	5.2	5.2.01		Biên bản họp xác định danh mục thiết bị tối thiểu cho nghề CNKT ô tô
279.			5.2.02		Quyết định ban hành danh mục thiết bị tối thiểu của trường
280.			5.2.03		Danh mục thiết bị tối thiểu; Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong CTĐT
281.			5.2.04		Báo cáo về thực trạng sử dụng và mức độ đáp ứng của phòng học, phòng thực hành, phòng mô phỏng và vật tư hàng năm
282.				5.1.01	Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị thực hành, danh mục thiết bị
283.				4.5.02	Kế hoạch mua sắm và sửa chữa hàng năm 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;
284.			5.2.05		Sổ theo dõi tài sản, công cụ dụng cụ.
285.	5	5.3		4.5.01	Bảng thống kê số lượng phòng xưởng thực hành
286.				5.2.0.3	Danh mục thiết bị tối thiểu; Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong CTĐT
287.				5.1.01	Biên bản kiểm kê tài sản, thiết bị thực hành, danh mục thiết bị
288.				5.1.10	Sổ tài sản của từng xưởng thực hành
289.			5.3.01		Bảng dự trù mua sắm hàng năm
290.			5.3.02		Bảng thống kê tần suất sử dụng phòng học các xưởng thực hành năm 2019, 2020, 2021
291.			5.3.03		Danh sách HSSV từng lớp cố định, Danh sách HSSV trong từng lớp học phần
292.				2.2.06	Thời khóa biểu các lớp học phần cho từng học kỳ
293.	5	5.4	5.4.01		Hình chụp xưởng thực hành

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
294.			54.02		Biên bản kiểm tra phòng cháy chữa cháy hàng năm
295.			5.4.03		Biên bản họp khoa về Bố trí các xưởng thực hành
296.			5.4.04		Bảng nội quy thực hành tại các xưởng
297.				5.1.04	Bản vẽ sơ đồ các xưởng thực hành
298.			5.4.05		Quy trình an toàn vận hành thiết bị
299.			5.4.06		Tiêu lệnh chữa cháy;
300.			5.4.07		Văn bản của nhà trường về đánh giá sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ của khoa
301.			5.4.08		Kế hoạch bảo dưỡng trang thiết bị ở các xưởng thực hành hàng năm; Báo cáo kết quả thực hiện bảo dưỡng trang thiết bị hàng năm
302.			5.4.09		Bảng phân công nhiệm vụ cho quản lý xưởng
303.			5.4.10		Sổ nhật ký xưởng
304.			5.4.11		Phiếu theo dõi sửa chữa, bảo trì các xưởng thực hành
305.				5.1.10	Sổ tài sản của từng xưởng thực hành
306.				4.5.01	Bảng thống kê số lượng phòng xưởng thực hành
307.				5.2.0.3	Danh mục thiết bị tối thiểu; Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong CTĐT
308.	5	5.5	5.5.01		Quyết định an hành định mức tiêu hao vật tư nguyên nhiên vật liệu của trường
309.			5.5.02		Quy trình mua sắm, sử dụng vật tư
310.			5.5.03		Quy trình quản lý vật tư học tập
311.			5.5.04		Quy trình đề nghị cấp phát vật tư học tập
312.			5.5.05		Quyết định công bố danh mục quy trình
313.			5.5.06		Biên bản bàn giao thành phẩm

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
314.			5.5.07		Phiếu đề nghị tổng hợp
315.			5.5.08		Phiếu đề nghị nhập kho
316.			5.5.09		Phiếu đề nghị trả kho
317.			5.5.10		Phiếu xuất kho
318.				4.5.02	Phiếu đề nghị cấp vật tư học tập
319.			5.5.11		Biên bản kiểm kê kho
320.			5.5.12		Bảng định mức tiêu hao vật tư
321.				5.2.0.3	Danh mục thiết bị tối thiểu; Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong CTĐT
322.				1.2.02	Kế hoạch hoạt động năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021
323.	5	5.6	5.6.01		Hợp đồng sử dụng phần mềm thư viện
324.				4.10.08	Biên bản họp hội đồng thẩm định/ lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2019, 2020, 2021
325.				4.9.03	Quyết định ban hành Danh mục giáo trình đào/Tài liệu giảng dạy trình độ CĐ năm 2019,2020, 2021
326.				4.9.07	Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT
327.			5.6.02		Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT năm năm 2019, 2020, 2021
328.			5.6.03		Danh mục giáo trình số hóa khóa 2019, 2020, 2021
329.			5.6.04		Danh mục tài liệu tham khảo số hóa 2019, 2020, 2021
330.			5.6.05		Bảng thống kê số lượng HSSV sử dụng thư viện hàng năm
331.			5.6.06		Kế hoạch biên soạn giáo trình đào tạo
332.			5.6.07		Đề xuất biên soạn giáo trình đào tạo
333.			5.6.08		Đề xuất hội đồng thẩm định Giáo trình đào tạo
334.	5	5.7	5.7.01		Quy định về hoạt động của Thư viện
335.			5.7.02		Nội quy Thư viện

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
336.			5.7.03		Sổ tay hướng dẫn sử dụng thư viện
337.			5.7.04		Thống kê lượt bạn đọc của nghề sử dụng thư viện năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022
338.			5.7.05		Sổ theo dõi tài sản cố định
339.			5.7.06		Hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet
340.			5.7.07		Sổ theo dõi tài sản cố định và công cụ dụng cụ tại nơi sử dụng
341.			5.7.08		Giao diện phần mềm quản lý lưu thông tin tài liệu
342.			5.7.09		Website tra cứu tài liệu: www.lib.tdc.edu.vn
343.			5.7.10		Báo cáo thống kê kết quả điều tra nhu cầu bạn đọc hàng năm
344.			5.7.11		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến HSSV về hoạt động của Thư viện hàng năm
345.	5	5.8	5.8.01		Danh mục các phần mềm sử dụng trong CTĐT
346.				4.3.02	Chương trình chi tiết môn học các khóa 2019, 2020, 2021
347.				2.3.02	Tiến độ đào tạo, thời khóa biểu học kỳ năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022.
348.	6	1		1.2.06	Quyết định ban hành Quy định về kiểm tra, thi kết thúc học phần; Quyết định ban hành quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ, Lịch thi kết thúc học phần năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022
349.	6	1		2.4.06	Kế hoạch tổ chức tuần lễ sinh hoạt công dân - HSSV các năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022
350.	6	1		2.4.17	Các biên bản gặp gỡ tân HSSV với lãnh đạo Khoa, doanh nghiệp và cựu HSSV 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022
351.	6	1	6.1.01		Các biên bản sinh hoạt lớp.
352.	6	1	6.1.02		Các thông báo miễn giảm học phí năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022
353.	6	1	6.1.03		Hình ảnh bảng tin thông báo của Trường

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
354.	6	1	6.1.04		Quyết định ban hành Quy chế cố vấn học tập
355.	6	1	6.1.05		Phiếu khảo sát. Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến HSSV hàng năm
356.	6	1	6.1.06		Sổ tay HSSV online: http://online.tdc.edu.vn ; mục Sổ tay HSSV; thông báo ban hành sổ tay HSSV các năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022
357.	6	1	6.1.07		Các Thông báo làm bài kiểm tra sinh hoạt công dân năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022
358.	6	1	6.1.08		Quyết định ban hành chương trình đào tạo khóa 2019, 2020, 2021
359.	6	1	6.1.09		Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022
360.	6	2	6.2.01		Quyết định về ban hành quy chế xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV
361.	6	2	6.2.02		Danh sách học sinh nhận học bổng vượt khó học tập năm 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022
362.	6	2	6.2.03		Các quyết định cấp học bổng vượt khó học tập năm 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022
363.	6	2	6.2.04		Quyết định về mức thu học phí trình độ Cao đẳng các năm 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022
364.	6	2	6.2.05		Quyết định công nhận và khen thưởng sinh viên đạt danh hiệu Thủ khoa tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021 và Danh sách HSSV được cấp học bổng
365.	6	2	6.2.06		Các thông báo miễn giảm học phí năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022
366.	6	2	6.2.07		Bảng thống kê các chính sách, chế độ hỗ trợ đối với người học thuộc đối tượng ưu tiên trường CĐCNTĐ đang áp dụng
367.	6	2	6.2.08		Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu thiết bị Wifi internet

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
368.	6	2	6.2.09		Số liệu về giấy xác nhận vay vốn tín dụng và tạm hoãn nghĩa vụ quân sự cấp cho HSSV được thống kê trên phần mềm quản lý SV (UIS)).
369.	6	2	6.2.10		Danh sách HSSV ở nội trú tại ký túc xá trường các năm
370.	6	2	6.2.11		Quy chế xét tặng danh hiệu “Học sinh 3 rèn luyện”; Các quyết định của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức về việc tặng giấy khen các cá nhân điển hình đạt danh hiệu “Học sinh 3 rèn luyện” cấp trường năm học 2018-2019, 2019-2020; 2020-2021; Quyết định khen thưởng các cá nhân đạt danh hiệu “Sinh viên 5 tốt” cấp trường năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022
371.	6	3	6.3.01		Kế hoạch tổ chức ngày hội hướng nghiệp và tuyển dụng năm 2019, 2020, 2021
372.	6	3	6.3.02		Báo cáo kết quả tổ chức “Ngày hội hướng nghiệp, tuyển dụng hàng năm trong đó có danh sách các nhà tuyển dụng tham gia
373.	6	3	6.3.03		File ảnh chụp giao diện website Khoa
374.	6	3	6.3.04		File ảnh chụp trang Giới thiệu việc làm trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, Danh sách doanh nghiệp đăng tin tuyển dụng, Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp
375.	6	3	6.3.05		Báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác doanh nghiệp và phương hướng hoạt động hàng năm ; Báo cáo tổng kết công tác tổ chức đưa HSSV tham quan doanh nghiệp hàng năm
376.	6	3	6.3.06		Biên bản họp phổ biến các nội dung, tư vấn cho HSSV trước khi tham gia thực tập tại doanh nghiệp
377.	6	3	6.3.07		Báo cáo kết quả cập nhật thông tin, tổ chức khảo sát tình hình việc làm của cựu HSSV sau tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021
378.	6	4	6.4.01		Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao các

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					năm 2019, 2020, 2021; Danh sách tham gia văn nghệ, thể dục thể thao các năm 2019, 2020, 2021; Kết quả các cuộc thi văn nghệ, thể dục thể thao các năm 2019, 2020, 2021
379.	6	4	6.4.02		Kế hoạch tổ chức chiến dịch tình nguyện mùa hè xanh năm 2019, 2020, 2021
380.	6	4	6.4.03		Báo cáo tổng kết công tác Hội và phong trào Sinh viên năm 2019, 2020, 2021; Hội Sinh viên Việt Nam Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức
381.	6	4	6.4.04		Hình ảnh hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao của sinh viên Khoa
382.	7	1	7.1.01		Kế hoạch tổ chức lễ ký kết hợp tác giữa Nhà trường và Doanh nghiệp các năm học 2019-2020, 2020-2021.
383.	7	1	7.1.02		Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp có tuyển dụng sinh viên nghề công nghệ kỹ thuật ô tô đã tốt nghiệp – thực hiện khảo sát các năm 2019, 2020, 2021
384.	7	1	7.1.03		Biên bản thỏa thuận hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp
385.	7	1	7.1.04		Kế hoạch khảo sát cựu HSSV năm 2019, 2020, 2021
386.	7	1	7.1.05		Phiếu khảo sát doanh nghiệp có tuyển dụng sinh viên đã tốt nghiệp
387.	7	1		2.5.04	Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm 2019, 2020, 2021 và danh sách SV tốt nghiệp
388.	7	1	7.1.06		Kết quả khảo sát của các doanh nghiệp về tình hình việc làm cho sinh viên của Khoa
389.	7	1	7.1.07		Báo cáo kết quả khảo sát của các doanh nghiệp về tình hình việc làm cho sinh viên của Khoa
390.	7	1	7.1.08		Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
391.	7	2		7.1.04	Kế hoạch khảo sát cựu HSSV năm 2019, 2020, 2021
392.	7	2		7.1.07	Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm năm 2019, 2020, 2021
393.	7	2		2.5.04	Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm 2019, 2020, 2021 và danh sách SV tốt nghiệp
394.	7	2		7.1.05	Phiếu khảo sát doanh nghiệp có tuyển dụng sinh viên đã tốt nghiệp
395.	7	2	7.2.01		Phiếu khảo sát tình hình việc làm của cựu HSSV sau tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021
396.	7	2	7.2.02		Dữ liệu khảo sát lần vết cựu sinh viên tốt nghiệp các năm 2019, 2020, 2021
397.	7	3	7.3.01		Kế hoạch về việc lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của nhà giáo, CBQL công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021
398.	7	3	7.3.02		Thông báo về việc lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của cán bộ, giảng viên, nhân viên về các chính sách của nhà trường
399.	7	3	7.3.03		Phiếu lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của cán bộ, giảng viên, nhân viên về các chính sách của nhà trường
400.	7	3	7.3.04		Báo cáo công tác lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của cán bộ, giảng viên, nhân viên về các chính sách của nhà trường
401.	7	3		7.3.04	Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động hàng năm thu thập ý kiến hàng năm
402.	7	4		2.2.07	Kế hoạch về việc lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên năm 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022
403.	7	4		2.2.08	Phiếu khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV các năm 2019, 2020, 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
404.	7	4		2.2.09	Bảng kết quả khảo sát của người học năm 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022. Báo cáo kết quả phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022
405.	7	4	7.4.01		Danh sách HSSV theo từng lớp học
406.	7	4		7.4.01	Danh sách HSSV thực hiện khảo sát năm 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022
407.	7	4	7.4.02		Kế hoạch tổ chức chương trình gặp gỡ, đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường và HSSV năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022
408.	7	4	7.4.03		Thông báo thông tin về các nội dung trả lời của Lãnh đạo nhà trường trong chương trình “gặp gỡ và đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với HSSV” năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022
409.	7	4	7.4.04		Biên bản họp gặp gỡ và đối thoại giữa lãnh đạo Khoa với HSSV năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022
410.	7	4	7.4.05		Kế hoạch về việc lấy ý kiến người học về hoạt động phục vụ/ hỗ trợ của nhà trường
411.	7	4	7.4.06		Thông báo v/v thực hiện công tác khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động phục vụ/ hỗ trợ của nhà trường
412.	7	4	7.4.07		Phiếu lấy ý kiến người học về hoạt động phục vụ/ hỗ trợ của nhà trường
413.	7	4	7.4.08		Báo cáo công tác lấy ý kiến người học về hoạt động phục vụ/ hỗ trợ của nhà trường
414.	7	5	7.5.01		Quy trình tự đánh giá chất lượng CTĐT
415.	7	5	7.5.02		Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề năm 2019, 2020, 2021
416.	7	5	7.5.03		Quyết định về thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2019, 2020, 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
417.	7	5	7.5.04		Kế hoạch chi tiết thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của nghề công nghệ kỹ thuật ô tô năm 2019, 2020, 2021
418.	7	5	7.5.05		Các biên bản họp Hội đồng đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề công nghệ kỹ thuật ô tô các năm 2019, 2020, 2021
419.	7	5	7.5.06		Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề công nghệ kỹ thuật ô tô năm 2019, 2020, 2021
420.	7	5	7.5.07		Các Thông báo về việc công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề công nghệ kỹ thuật ô tô các năm 2019, 2020, 2021
421.	7	6	7.6.01		Các kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng chương trình đào tạo năm 2019, 2020, 2021
422.	7	6	7.6.02		Các báo cáo tổng kết quá trình thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng trường các năm từ năm 2019, 2020, 2021
423.	7	7		2.5.04	Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm 2019, 2020, 2021; Danh sách SV tốt nghiệp
424.	7	7		7.2.02	Bảng thống kê số lượng SVTN khảo sát năm 2019, 2020, 2021
425.	7	7		7.1.04	Kế hoạch khảo sát cựu HSSV năm 2019, 2020, 2021
426.	7	7		7.1.05	Phiếu khảo sát về tình hình việc làm của cựu HSSV sau tốt nghiệp
427.	7	7		7.1.06	Phiếu khảo sát doanh nghiệp có tuyển dụng sinh viên đã tốt nghiệp
428.	7	7	7.7.01		Bảng tổng hợp tỷ lệ SVTN sau 6 tháng có việc làm phù hợp với nghề đào tạo
429.	7	7		7.2.02	Dữ liệu khảo sát lần vết cựu sinh viên tốt nghiệp các năm 2019, 2020, 2021
430.	7	7		7.1.07	Báo cáo kết quả khảo sát lần vết cựu sinh viên tốt nghiệp các năm 2019, 2020, 2021

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
431.	7	8		7.1.04	Kế hoạch khảo sát cựu sinh viên về tình hình việc làm; giảng viên, sinh viên về chương trình đào tạo, hoạt động dạy học và cơ sở vật chất; doanh nghiệp về sự hài lòng đối với sinh viên nghề công nghệ kỹ thuật ô tô hàng năm
432.	7	8	7	7.1.05	Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp có tuyển dụng sinh viên các năm 2019, 2020, 2021
433.	7	8		7.1.07	Phiếu khảo sát cựu HSSV về tình hình việc làm
434.	7	8	7.8.01		Phiếu khảo sát HSSV về chương trình đào tạo
435.	7	8		7.1.07	Phiếu khảo sát doanh nghiệp về khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của người lao động
436.	7	8	7.8.02		Bảng đánh giá sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ
437.	7	8		7.1.07	Báo cáo kết quả thực hiện khảo sát về về tình hình việc làm; giảng viên, sinh viên về chương trình đào tạo, hoạt động dạy học và cơ sở vật chất; doanh nghiệp về sự hài lòng đối với sinh viên ... năm 2019, 2020, 2021
438.	7	8		7.1.08	Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm